

phù hư dật sĩ
VÕ THẠNH VĂN

ĐOẠN TRƯỜNG HƯ THANH

[5000 câu lục bát]

Phù Hư Am
2000

*“Tân Thanh
hoà quyện Cựu Thanh*

*“Vô Thanh một thuở
Hư Thanh nghìn đời*

(phds/vtv)

Khúc [001]

NGHÌN NĂM MÂY TRẮNG
ĐOẠN TRƯỜNG HƯ THANH

*“Trăm năm
trong cõi người ta”
(Nguyễn Du)*

Nghìn năm mây trắng vờn bay
Hoa mê động khẩu. Hương say cõi trần

Sương giăng. Tuyết rụng. Trăng ngần
Tịch nhiên đá ngáp. Bần thần thác sa

Nghìn năm (gió quyện) sương nhòa
Mộng gần một cõi. Mơ xa nghìn trùng

Phấn rây. Nhụy rắc. Mật lừng
Dấu chân hải phố. Bước chùng hải phương

Ưu nhiên giữa cõi vô thường
Trần gian (lệ đắm tình trường) khởi nguyên

Khúc [002]

ÂM DƯƠNG ĐẠI ĐẠO
KỶ VỸ, DIỆU MẦU

*“Nhất âm, nhất dương
chi vị Đạo”
(Lão Tử)*

Im lìm. Tịch mặc. Như nhiên
Sông. Hồ. Biển. Núi. Thác. Triền. Rừng. Khe

Sắc không (lặng lẽ) cận kề
Biển. Sinh. Hoá. Diệt. Đi. Về. Tụ. Tan

Vô thường từng niệm mong manh
Vô âm. Vô hưởng. Vô thanh. Vô ngần

Bổng nhiên biến hoá vạn lần
Núi cao. Biển rộng. Non ngàn. Vực khơi

Muôn năm động. Vạn kiếp dời
Âm dương kỳ bí. Đất trời kỳ hương

Khúc [003]

ÔNG TRỜI (THƯỢNG ĐẾ)
HỌC THUYẾT NHO GIA

*“Có Trời
mà cũng có ta”
(ND)*

Buổi uông man. Cõi hữu thường
Uyên nguyên. Vi diệu. Miên trường. Vô dư

Càn khôn. (Ảo hoặc). Chân như
Hiếu sinh (lập địa). Nhân từ (tạo thiên)

Lưới trời lồng lộng như nhiên
Sơ nhi bất lậu (thừa, nhưng khó lòn)

Phận người bèo bọt mỏng dòn
Chí ngăn sông biển. Tài chôn núi rừng

Âm dương (linh tú) khắp miền
Khí thiêng hun đúc. Hạo nhiên kết thành

Khúc [004]

HỒNG NHAN BẠO THUYẾT
TẠO VẬT ĐỒ TOÀN

*“Thiên đạo ky mẫn
Nhân đạo ky toàn”
(Kinh Dịch)*

Nghìn xưa (bach diện) hồng nhan
Truân chuyên một kiếp. Nghiệt oan một đời

Cổ lai (tài mệnh) lưỡng hồi
Đọa. Đày. Vùi. Dập. Nổi. Trôi. Lụy. Phiền

Trời xanh lỡ buộc xích xiềng
Hồng nhan (lệ phần triền miên) khóc gào

Tranh phân tài mệnh tương giao
Tuy cao mà thấp. Dù xa vẫn gần

Đất trời biến dịch vô căn
Bao thiên (trường mộng hồng trần) quấn quanh

Khúc [005]

TÀI MỆNH TƯƠNG ĐỐI
ĐẤT TRỜI TƯƠNG PHẦN

*“Chữ tài, chữ mệnh
khéo là ghét nhau”
(ND)*

Nghìn xưa (dâu bể) âu đành
Vòm xanh ngạo vật. Khuôn xanh ghẹo người

Tài nhụy rụng. Phận hoa rơi
Thân danh lâm lụy. Mệnh trời nghiệt oan

Tình lận đận. Kiếp đa đoan
Hoa trôi (bèo giạt bể bàng) thiên thu

Rằng trời hận. Rằng đất thù
Trăm năm đứt ruột. Nghìn thu đoạn trường

Rằng đức hạnh. Rằng cương thường
Trời dìm cho đại. Đất chường nên khôn

Khúc [006]

TRIẾT THUYẾT NHÂN QUẢ
THIỆN ÁC ĐỐI ĐẦU

*“Nghệp duyên cân lại
nhắc đi còn nhiều”
(ND)*

Nhân sinh quả. Quả tạo nhân
Căn duyên. Nghiệp Chướng. Nợ nần. Trả vay

Đất. Trời. Thiện. Ác. Xưa. Nay
Nghìn đời (một lẽ vắn xoay) nhiệm màu

Vô ưu. Vô trụ. Vô cầu
Vô thanh. Vô ngã. Vô sầu. Vô đoan

Nghìn năm mây trắng non ngàn
Sớm ly. Trưa hợp. Chiều tan. Khuya quàng

Đối đầu (thiện ác) lẫn khôn
Vô căn. Vô cố. Vô nhân. Vô thường

Khúc [007]

MỘT THIÊN CỔ LỤC
ĐOẠN TRƯỜNG NGẤT ĐAU

*“Những điều trông thấy
mà đau đớn lòng”
(ND)*

Hoa tiên (mực chảy) hàng hàng
Một thiên cổ lục. Nghìn trang điểm tình

Trước. Sau. Chung. Thủy. Trung. Trình
Đoạn trường một kiếp. Oan tình mấy khoen

Trùng trùng (sinh, hoại) trắng đen
Một dòng nước chảy bao phen giặt bèo

Ghềnh thác trở. Thác cheo leo
Núi nghiêng (vách đá đèo heo) ngút rừng

Nghìn năm (một thuở) chưa từng
Biển yên. Sóng lặng. Mây chùng. Sương sa

Khúc [008]

MỘT TRANG ĐIỂM SỬ
LỜI VÀNG CHUỐT TRAU

*“Phong tình cổ lục
còn truyền sử xanh”
(ND)*

Dầm mềm ngọn bút tài hoa
Viết trang (tình sử nuốt nà) tơ nhung

Khai. Thừa. Chuyển. Hợp. Kết. Lung
Nao nao nước chảy. Trùng trùng mây bay

Chiều gió thoảng. Đêm hoa lay
Sương giăng thao thức. Phùn rây ngập ngừng

Hợp. Ly. Phân. Tán. Tao. Phùng
Én tương tư đất. Nhận chung thủy trời

Trăng (tròn) khuyết. Tình (đầy) vơi

Vời vời mực rót. Bời bời bút vung

Khúc [009]

MỘT TRANG TÀI MỆNH
ĐỂ MÀ LÀM GƯƠNG

*“Cảo thơm
lần giở trước đèn”
(ND)*

Sắc. Tài. Hiếu. Nghĩa. Tiết. Trung
Bôn. Ba. Lưu. Lạc. Khốn. Cùng. Gian. Truân

Hồng quân đổ kỵ hồng quân
Cổ lai. (Tài mệnh tương phân). Nghìn đời

Thân lưu lạc. Phận hoa rơi
Sắc tài lưỡng lập. Đầy vơi lưỡng toàn

Thân oan nghiệt. Phận nghiệt oan
Tài hoa kỵ sắc. Hồng nhan khắc tài

Nghìn thu bạc mệnh trùng lai
Một đời (bạc phận anh tài) hoa chôn

Khúc [010]

TRIỀU MINH, GIA TĨNH
NIÊN ĐẠI THỂ TÔN (1522-1566)

*“Bốn phương yên lặng,
hai kinh vững vàng”
(ND)*

Vào năm Gia Tĩnh (Thế Tôn)
Kinh Bắc bình lặng. Kinh Nam yên lành

Bốn phương quy thuận vương thành
Trấn uy lãnh thổ. Tung hoành biên cương

Binh hùng (tướng mạnh) mười phương
Huân công. Hãn mã. Miếu đường. Triều nghi

Thánh trào (ân đức) sấm uy
Loạn quân bố giáp. Phiên di cống châu

Chế lân bang. Hội chư hầu
Giang san đại định tươi màu nguyên nhung

Khúc [011]

NÚI SÔNG KINH BẮC
QUÊ QUÁN HỌ VƯƠNG

*“Khí thiêng hun đúc,
hạo nhiên kết thành”
(Võ Thạnh Văn)*

Núi sông linh tú một vùng
Đất nuôi hào kiệt. Trời dung anh tài

Hoàng thành lớn. Hào lũy dài
Ngựa. Xe. Đạn. Pháo. Binh. Cai. Quan. Triều

Bá quan (văn võ) đồng liêu
Ban mai việc nước. Buổi chiều việc văn

Lầu son. Gác tía. Cầu lam
Công. Hầu. Khanh. Tướng. Tử. Nam. Vương. Thần

Sân rồng. Ngự Uyển. Đền lân
Màu cờ rợp phố. Sắc ngân rợp đường

Khúc [012]

GIA TƯ, THÂN THỂ
MỘT NHÀ HỌ VƯƠNG

*“Gia tư nghĩ cũng
thường thường bậc trung”
(ND)*

Dân giàu. Nước thịnh. Binh cường
Yên bình. Hạnh phúc. An thường. Ấm no

Tích ân (chứa đức) đầy kho
Thanh bản. Lạc đạo. Tự do. Yên hàn

Lầu khuê tơ lụa óng vàng
Hiên văn (nguyệt giải mơ màng) xuân tiên

Tiếng tăm nước cả mọi miền
Thư hương. Lầu sách. Am thiền. Sân hoa

Tiếng lành dội khắp gần xa
Xôn xao xe ngựa một nhà họ Vương

Khúc [013]

CHÔN NHAU VƯỜN THUYẾT
CẮT RÓN VƯỜNG GIA

*“Thâm nghiêm,
kín cổng, cao tường”
(ND)*

Nghiêm lâu. Cao cổng. Kín tường
Khuê môn khép cửa. Từ đường cài then

Ngát yêu đào. Nước ngó sen
Lầu son thư, họa. Gác trăng cầm, kỳ

Hiên lam (rét rắt) trúc tỳ
Yên hà chiều nhuộm tiếng tỳ bà rung

Mây năm sắc. Đàn năm cung
Tiếng chim nhả điệu. Dáng từng nhả thanh

Cánh mai (sương ngấn) long lanh
Cội đào sân trước oằn cành tuyết vin

Khúc [014]

GIA ĐÌNH VƯƠNG, HẠ
MỘT NHÀ ĐOÀN VIÊN

*“Có nhà
Viên Ngoại họ Vương”
(ND)*

Vương Viên Ngoại (tự Tử Trinh)
Khiêm nhu thơm ngát hương quỳnh nở khuya

(Lương Tùng tên chữ mệnh chia
Tương lai ấm lạnh mai kia một này)

Vương Bà (họ Hạ) lành ngay
Sớm hôm canh củi. Tối ngày tắm tang

Ruộng vườn. Rẫy bãi. Điền trang
Bàn tay mẫn cán xanh hàng dâu tươi

Kiều, Vân ngọc thốt hoa cười
Vương Quan đích tử thi thư nghiệp tùy

Khúc [015]

VƯƠNG ÔNG (VIÊN NGOẠI)
YÊN, HÀN, THANH, TAO

*“Đạo khả đạo,
phi thường Đạo”
(Lão Tử)*

Đường xuất xử. Lễ tùy nghi
Trung Dung gối sách. Kinh Thi họa vắn

Một miền thơm toả hương lân
Điền viên (vui thú yên hàn) Nho gia

Một vườn (đầy ắp) hương hoa
Một nhà sớm tối chan hoà mực thơm

Đức trồng. Hạnh cấy. Phúc ươm

Dạy con nuôi vợ giữ khuôn phép hiền

Thanh bần. Lạc đạo. An nhiên
Thôn lân mến đức. Láng giềng chuộng hương

Khúc [016]

VƯƠNG ÔNG AN MỆNH
TRIẾT THUYẾT NHO GIA

*“Thuận thiên,
an mệnh”
(Khổng Tử)*

Một đời (yên phận) thủ thường
Mệnh trời ấp sách. Cương thường ươm thơ

Nhủ lòng giữ nếp đơn sơ
Chờ trời an mệnh. Đợi cơ an bày

Được thua (hơn thiệt) vững lầy
Rừng đông sương đọng. Biển tây sóng trườn

Cúc cung. Khiêm hạ. Nhún nhường
Vào ra xuất xử chọn đường trung dung

Khuất thân nương bóng bách tùng
Tuyết rơi. Băng đọng. Sương chùng. Mây trôi

Khúc [017]

VƯƠNG ÔNG DẬT LẠC
TRANG, LÃO VÔ VI

*“Vô vi
bất như vô vi”
(Lão Tử)*

Vần xoay thế cuộc cơ trời
An nhiên tự tại. Đợi thời hiển dương

Tâm vô ngại. Vật vô thường
Tĩnh mặc chế động. Nhu cương tùy hành

Muôn đời thế sự lạnh tanh
Vô vi. Vô pháp. Vô thanh. Vô chùng

Sáng đạo suối. Chiều ghé rừng
Nước sông. Cơm vắt. Muối vùng. Giỏ câu

Chống gậy trúc, thăm núi sâu
Mây giảng cửa động. Sương nhàu đáy khe

Khúc [018]

VƯƠNG BÀ HẠNH THỰC
CẦN, KIỆM, KHIÊM, NHU

*“Thói nhà băng tuyết,
chất hàng phỉ phong”
(ND)*

Canh điền. Nội trợ. Tề gia
Thức khuya dậy sớm, nếp nhà tầm tang

Hầu chồng. Dạy trẻ. Tính toán
Chắt, chiu, cung, kiệm. Phỉ, phong, sở, cầu

Đức mẫu nghi. Hạnh con dâu
Trộn đường hiếu nghĩa. Vẹn câu thảo hiền

Công, Dung, Ngôn, Hạnh. Trinh. Nguyên
Vượng phu. Ích tử. Chính chuyên. **Con nhà**

Mộng đời (sở nguyện) trì gia
Khiêm nhu (từ) ái. Khiêm hòa (từ) tâm

Khúc [019]

MỘT NHÀ ĐỨC HẠNH
TÀI SẮC PHƯƠNG VIÊN

*“Sắc đành đòi một,
tài đành họa hai”
(ND)*

Một nhà sực nức hương ngâu
Thúy Kiều: Sắc sảo, tươi màu tài hoa

Thúy Vân: Hiếu, hạnh, thảo, hoà
Vương Quan: Nghiên, bút, thi, ca, triết, thiền

Một nhà (phong kiệm) phương viên
Chung lòng giữ sạch nếp hiền gia phong

Hạnh tô ngoài. Đức chuốt trong
Ngày đêm (sách gối đèn chong) miệt mài

Hạnh có một. Đức không hai
Hạnh (say sưa) chuốt. Đức (mài miệt) chuyên

Khúc [020]

THÚY KIỀU TRƯỞNG NỮ
ĐA CẢM, ĐA TÀI

*“Hoa ghen thua thắm
liều hờn kém xanh”
(ND)*

Trăng tròn (rực sáng) hoa niên
Tài danh (mười ngón tay tiên) diệu mầu

Ngát nồng (hương quế) khuê lâu
Nước chau tắm cá. Trời nhàu bóng chim

Mưa rơi. Sương rớt. Trăng chìm
Nhạn sa (ngư lặn im lìm) đáy khe

Cỏ xanh một đoá hoa lê
Vườn xuân (bướm lượn ong kè) mặc xuân

Cập kê (tuổi mộng) băng khuâng
Tường đông (khép cổng, khoá buồng) thâm nghiêm

Khúc [021]

THUÝ KIỀU KỶ NỮ
TÀI, SẮC LƯỠNG TOÀN

*“Pha nghề thi hoạ
đủ mùi ca ngâm”
(ND)*

Trang thơ mây nổi sương chìm
Họa vằn bút vẩy bóng chim sa mù

Ve sầu (rã giọng) tàn thu
Sương giăng tình khúc. Sương mù tình ca

Khúc thơ bạc mệnh chan hoà
Phổ vào (năm ngón suối sa) thác rền

Bốn dây (ngân, dậy) sóng thần
Xót xa mưa giọt. Tàn ngàn mây râm

Tài hoa (có một) cõi trần
Xương. Ca. Thi. Họa. Hát. Ngâm. Sáo. Đàn

Khúc [022]

THƠ BẠC-MỆNH-OÁN
KHÚC ĐÀN OÁN NGHIỆT

*“Nghìn thu bạc mệnh
cũng là lời chung”
(ND)*

Hồ cầm (một khúc) tai ương
Nghiệt oan rỉ máu tơ đường chiêm bao

Bạc mệnh viếng. Đoạn trường chào
Hồng nhan (bao thuở khóc gào) lãnh cung

Giai nhân hào kiệt tương phùng

Quý Phi bức tử. Minh Hoàng đảo điên

Tiểu Thanh, Hợp Đức, Phụng Tiên
Tào Nga, Phi Yến, Điêu Thuyền, Tiệp Dư

Hồn chín suối khóc bể dâu
Những trang (quốc sắc ngậm sầu) xưa xa

Khúc [023]

NGÓN ĐÀN DIỆU THỦ
TUYỆT KHÚC TỶ BÀ

*“Nghề riêng
ăn đứt Hồ cầm một trương”
(ND)*

Ôm đàn che nửa mặt hoa
Tóc nghiêng chảy suối. Âm nhoa lay trắng

Bốn dây (năm ngón) tay oằn
Quá quan. Mệnh khúc Chiêu Quân. Cổng Hồ

Dường quỷ khóc tự đáy mồ
Như ma than giữa khe hồ rừng khuya

Tiếng đàn trụy lệ sầu chia
Trăng non (ngơ ngác, đầm đìa) nhều sương

Như than. Như oán. Như hờn
Gió xô đáng liễu. Mây vờn bóng si

Khúc [024]

BỐC SƯ GIEO QUẺ
TIÊN ĐOÁN MỆNH KIỆU

*“Nghìn thu bạc mệnh,
một đời tài hoa”
(ND)*

Bói mu rùa. Vê cỏ chi
Độn nham. (Lý số. Ma y). Yểm bùa

Một đời bạc mệnh hờn thua
Tài hoa chi lắm cay chua đủ điều

(Càng xinh đẹp. Càng mỹ miều
Càng dày oan khốc. Càng nhiều gian truân)

Số hồng nhan. Phận hồng quần
Tránh sao (tai ách trầm luân) trời già

Ngón oan gia. Họa phá gia
(Sắc. Tài. Danh. Lợi. Tước. Ngai. Bạc. Tiền)

Khúc [025]

THUÝ VÂN THỨ NỮ
NGÔN, HẠNH, CÔNG, DUNG

*“Khuôn trăng đầy đặn
nét ngài nở nang”
(ND)*

Tóc mây (nổi). Da sóng (chìm)
Khuôn trăng (vành vạnh mây in) một vầng

Công. Dung. Ngôn. Hạnh. Chính. Trung
Nét na khắc cốt. Khiêm cung tạc lòng

Khi ra ngoài, lúc vào trong
Ung dung đi đứng. Thông dong nói cười

Dịu dàng. Đằm thắm. Xinh tươi
Mây bông tóc mượt. Nước trôi khoé ngời

Trán dâng. Mắt gọi. Môi mời
Một trang khiết bạch. Một đời tinh trong

Khúc [026]

THUÝ VÂN KHUÔN THƯỚC
HIẾU, HẠNH, CHÍNH, CHUYÊN

*“Hoa cười,
ngọc thốt đoan trang”
(ND)*

Mặc trắng hoa. Mặc bướm ong
Mái tây khoá cổng. Tường đông ngăn rào

Đứng. Đi. Ăn. Nói. Mời. Chào
Tiến lui khuôn phép. Ra vào khiêm cung

Thiên kiều. Bá mị. Nghi dung
(Bạc. Vàng. Châu. Báu. Gấm. Nhung. Lụa. Là)

Càng khuôn thước. Vắn nếp nhà
Nét na (nức tiếng danh hoa) nhất vùng

Sắc lan. Phấn cúc. Nhụy quỳnh
Một đời (tiết hạnh, thủy chung) vàng ròng

Khúc [027]

ĐÍCH TÔN CẦU TỰ
CẬU ẨM VƯƠNG QUAN

*“Vương Quan là chữ,
nói dòng Nho gia”
(ND)*

Nếp nhà (thư bút) thông dong
Vốn sân ngọc bội. Chính dòng kim môn

Sách. Đèn. Thi. Phú. Quyền. Côn
Lời khen thanh nhã. Tiếng đồn phong lưu

Xuân Nguyên Đán. Tiết Nguyên Tiêu
Chờ trưa ngoạn cảnh. Đợi chiều thưởng trăng

Trầm xông. Nhang thấp. Hương giảng
Thềm hoa. Gác nhạc. Lầu văn. Thư phòng

Một tay (nổi dãi) tông đường
Chấn hưng Vương tộc. Thủ thường nghiệp sư

Khúc [028]

MIỆT MÀI KINH SỬ
TƯ CHẤT VƯƠNG QUAN

*“Thông minh
vốn sẵn tính trời”
(ND)*

Cầm. Kỳ. Điền. Hoạ. Thi. Thư
Dưới rành địa lý. Trên lầu thiên văn

Sớm khuya kinh, sử, sách, đèn
Trau mài ngọn bút nét tiên vẽ vờ

Nghiên thơm (năm tháng) đầy vơi
Dầu chong đêm thiếu. Mắt ngời chiều dư

Sôi kinh. Nấu sử. Tu từ
Rừng Trang biển Mặc tầm sư miệt mài

Đội mai thi thổ hùng tài
Long đình tiến sách. Lân đài dâng mưu

Khúc [029]

THANH MINH TRẦY HỘI
PHƠI PHỐI XUÂN LÀNH

*“Lẽ là Tảo Mộ,
hội là Đạp Thanh”
(ND)*

Rảo chân chim. Cẩng gót hươu
Phù dung tô núi. Vô ưu điểm rừng

Nam thanh nữ tú chập chùng

Bước sen (nở rộ lưng chừng) triền khơi

Hoàng hôn (giục giã) chân trời
Bóng nghiêng sườn đá. Sương rơi mé đồi

Dặm hồng. Nắng ấm. Mây tươi
Hài reo sỏi lạnh. Gót ngời cỏ xanh

Kiều, Vân (cất bước) song hành
Hương đơm (khoé) mộng. Phấn quàng (khoé) mê

Khúc [030]

ĐƯỜNG VỀ GIEO BƯỚC
GẶP NĂM MỘ HOANG

*“Dầu dầu ngọn cỏ
nửa vàng nửa xanh”
(ND)*

Triền đồi (nắm đất) thê thê
Ba bên hiu hắt. Bốn bề quạnh đơ

Nghìn thu (bia đá) lạnh dờn
Mơ hồ linh khí. Chập chờn cõi âm

Hài gieo (lối hẹp) tàn ngàn
Gốc tranh cỏ gấu chen màn rêu xanh

Triền khe (lặng ngắt) khói tanh
Bước vòng ngàn ngại. Bước quanh ngập ngừng

Sương sa (cỏ ướt) còn rùng
Đạm Tiên bi chí lưng chừng dốc mây

Khúc [031]

NGƯỜI NÀM MỘ LẠNH
KỶ NỮ ĐẠM TIÊN

“Nổi danh

tài sắc một thì”
(ND)

Một thời (sắc ngát) hương ngây
Oanh vờn tập nập. Én bay dập dề

Se sua (lá thắm) chỉ điều
Bống dung (tím ngát bằng chiều) giá trưa

Trở trời. Gió rụng. Mưa thưa
Thiệt đời nhan sắc. Lỡ mùa hồng nhan

Ai chờ. Ai đợi. Ai mong
Biết đâu (phúc, họa, đục, trong) kiếp người

Nỗi lòng nửa héo nửa tươi
Gió đưa. Mây cuộn. Mưa rười. Cát vùi

Khúc [032]

BIA MỘ ĐẠM TIÊN
CỔ LẬP, RÊU CHE

*“Mà sao hương khói
vắng tanh thế này”*
(ND)

“Đạm Tiên Chi Mộ Hiệu Thư”
Rêu tà huy (úa). Cỏ triêu ảnh (sầu)

Ruộng dâu (tang hải) dầu dàu
Hồng nhan bi ký nhạt màu thời gian

Tâm trần trở. Tình ngút ngàn
Bể càn trúc lạnh cấm quàng mộ tro

Quỳ ngơ ngác. Lạy thần thờ
Đoản thi năm chữ. Câu thơ ba vần

Dạo quanh. (Lui tới). Tần ngần
Mai xa đành để mộ phần lạnh vương

Khúc [033]

TÀI, DANH, HƯƠNG, SẮC
LƯU THỊ ĐẠM TIÊN

*“Sương in mặt,
tuyết pha thân”
(ND)*

Một thời thu sắc, xuân hương
Bồng bênh (váy lộng nghề thường) xiêm phơi

Tóc mây (gió chải) râu ngời
Sợi trêu ngọc huệ. Sợi mời mầu đơn

Thân hạc múa. Vóc bướm vờn
Quỳnh non dải nguyệt. Đào mơn đợi mùa

Đèn chong. Trầm toả. Hương đưa
Thơ khuya. Rượu xế. Trà trưa. Cờ chiều

Vương tôn (công tử) dập dìu
Kẻ đưa. Người đón. Kẻ chiều. Người nuông

Khúc [034]

ĐẠM TIÊN NỬA KIẾP
MỆNH YẾU TÀI HOA

*“Nửa chừng xuân,
thoắt gãy cành thiên hương”
(ND)*

Hoạ hồng nhan. Kiếp tai ương
Tài hoa (mệnh yếu, bi thương) phận người

Thiên kim. Sắc nước. Hương trời
Ngựa xe tấp nập. Thiếp mời liên miên

Muôn đời (đọa số) trích tiên
Lênh đêngh. Chìm nổi. Truân chuyên. Bập bênh

Dấu không (lên xuống) thác ghềnh
Hong nhan ngoảnh lại buồn tênh tháng ngày

Suối vàng nổi kiếp sầu cay
Xót xa (bao nỗi đoạ đầy) thảm thương

Khúc [035]

TÂM TÌNH VIỄN KHÁCH
NGƯỠNG MỘ ĐẠM TIỀN

*“Khóc than
khôn xiết sự tình”
(ND)*

Tiếng đồn (ngát toả) Đạm Nương
Miền xa tính chuyện vàng rương chuộc đời

Ai ngờ (bình vỡ) trâm rơi
Xe châu, nếp tử tiễn người mệnh oan

Đưa người. (Sang cỗi). Vội vàng
Tiễn nhau nắm mộ cỏ tàn úa hoa

Thê lương suốt cỗi ta bà
Đâu người tri kỷ. Ai là tri âm

Khóc nhau (suối lệ) nuốt thầm
Ngùi thương. (Viễn khách tương tầm). Nhớ nhung

Khúc [036]

MÓN QUÀ DÂNG MUỘN
CỦA KHÁCH VIỄN PHƯƠNG

*“Sắm sanh
nếp tử, xe châu”
(ND)*

Tiệc phù hương. Khóc phù dung
Trầm lời kết trước. Tơ chùng quyện sau

Cạn lòng vắt giọt hờn đau
Nén hương nhả khói. Ngọn sầu thấp trắng

Dựng bia. Lập mộ. Khơi đèn
Ươm trầm toả núi. Dâng men ngát rừng

Hận tàn hoa. Khóc tình chung
Xe châu trễ muộn. Vàng rương trễ tràng

Tình man man. Tứ man man
Ngẩn ngơ ý vụng. Bàng hoàng tình thâm

Khúc [037]

NÉN NHANG KIỀU KHẮN
VÁI MỘ ĐẠM NƯƠNG

*“Lầm rầm
khấn vái nhỏ to”
(ND)*

Đốt nhang khấn vái lầm rầm
Sụp quỳ (bên mộ đầm đầm) châu rơi

Rủi vương (ách nước) tai trời
Ngày bày phận mỏng. Đêm phơi lệ hồng

Sắc tài. Có có. Không không
Tiếc người (mệnh bạc long đong) suốt đời

Gạn lòng chép mấy vần thơ
(Ví người chẳng đợi chẳng chờ cũng thân)

Gặp nhau (giữa cuộc) hồng trần
Âu là mệnh số vạ lần tương thông

Khúc [038]

ĐA SẦU, ĐA CẢM
KHÓC NGƯỜI MỘ NÔNG

*“Sầu tuôn đứt nối,
châu sa vẫn dài”
(ND)*

Cảm thương (từng bước) lạc hồn
Khóc người đoản mệnh lệ dồn xuôi reo

Trăng lơ thấp thoáng lưng đèo
Xót xa phận tử gót gieo mộng thắm

Ngán sao một kiếp tơ tằm
Dài sao (ngọn cỏ úa tàn) chiều xuân

Cùng chung (danh phận) hồng quần
Mộ hoang gò quạnh. Bia phần tha ma

Bồn bên âm khí la đà
Hiu hiu gió lịm. Tà tà sương râm

Khúc [039]

THUÝ VÂN TRÁCH KIỀU
KHÓC MUỐN THƯƠNG VAY

*“Khéo dư nước mắt
khóc người đời xưa”
(ND)*

Đa sầu. Đa cảm. Đa tâm
Máu rơi muôn trước. Lệ đầm nghìn sau

Mối tơ (khéo vướng) ruột tằm
Chuyện mình ai khóc, khóc tằm tích người

Mối phiền (ai khóc) ai cười
Sợi tơ (ai nối, ai khơi) mối giềng

Cảm tình duyên. Khóc nợ duyên
Quanh đây tử khí kín miền âm nhai

Đa đoan. Đa hận. Đa tài

Xưa sau (truyện bi hoài) trả vay

Khúc [040]

VƯƠNG QUAN GIỤC CHỊ
LÊN KIỀU RA VỀ

*“Ở đây
âm khí nặng nề”
(ND)*

Cớ chi thở ngắn than dài
Mà sao oan khuất miệt mài theo nhau

Hồng nhan (muôn thuở) trước sau
Sinh ly tử biệt nhuộm màu nhân sinh

Thấu lòng em, Kiều tự tình
Biết đâu (hương lửa ba sinh) lập nguyên

Thoát cửa dữ, nhập cửa hiền
Biết đâu (tài nữ, thuyền quyên) một nhà

Biết đâu (nghịch báo) oan gia
Biết đâu (thân phận nhặt nhoà) tro than

Khúc [041]

BÀI THƠ TỨ TUYỆT
KIỀU KHÓC ĐẠM NƯƠNG

*“Vạch da cây,
vịnh bốn câu ba vắn”
(ND)*

Đoản thi (phiêu dật) tuyệt trần
Da cây (nhựa rỉ tình dâng) bút vờn

Lời ngọc kết. Ý vàng đông
Gởi người (mộ địa) (nỗi lòng) tri ân

Bốn câu. (Năm chữ). Ba vắn
Dư thanh (vọng tiếng hồ cầm) mưa khuya

Nét mây rướm lệ đầm đìa
Nửa vàng trăng khuyết xa chia biệt trùng

Âm dương (cách trở) mịt mù
Ý tuôn tụ phách. Thơ ngưng tụ thần

Khúc [042]

ĐẠM NƯƠNG LINH HIỀN
THẤP THOÁNG BÓNG HỒNG

*“Dấu giày từng bước
in rêu rành rành”
(ND)*

Dường thơm (phảng phất) hương làn
Dường nghe (mộng triệu khinh thân) hồn về

Dường trong sương ẩm thê thê
Dường người đầy mộ tử tế xa gần

Nghe như giữa chốn bụi trần
Nghe như (gang tấc, bản thần) cõi mê

Dường như còn nặng câu thề
Dường như cõi thế cận kề người xa

Dường như hồn vọng ta bà
Đạm Nương (lẫn quất, vào ra) ngại ngần

Khúc [043]

THUÝ KIỀU CẨM ỨNG
KHẮC BÀI THƠ XƯA

*“Gốc cây lại vạch
một bài cổ thi”
(ND)*

Cổ thi (tiếp nối) đôi vắn
Sương giăng bảng lảng. Trăng ngần mê mê

Tứ thơ quán quít lối về
Hồn thơ ẩn hiện lạnh tê gót chiều

Âm dương (hoà quyện) đều hui
Dáng thơ lưu luyến tiêu điều quạnh mông

Hương trời. Sắc nước. Thu không
Mây (chao) đáy suối. Hoa (lồng) bóng cây

Câu thơ (cổ luật) đông đầy
Nỗi riêng. Ý nọ. Tình này. Niềm chung

Khúc [044]

ĐƯỜNG VỀ CUỐI NẾO
GẶP GỖ VĂN NHÂN

*“Phong tư,
tài mạo tuyệt vời”
(ND)*

Doanh châu. Nước nhược. Non bằng
Một vùng (cỏ đại trở bông) hoa vàng

Nhạc thiều đưa lối văn nhân
Tiểu đồng nâng bút. Gia thần mài nghiên

Hài hoa (ướm bước) như nhiên
Dáng mây đáy suối. Bóng chim lưng trời

Dặm xa vó rải nhịp rời
Thiếp danh: Kim Trọng. Thiếp mời: Kiều Nương

Bạn văn nghệ. Khách văn chương
Mất đưa. (Duyên nợ tình trường). Bâng khuâng

Khúc [045]

VƯƠNG QUAN, KIM TRỌNG
BẰNG HỮU ĐỒNG MÔN

*“Với Vương Quan,
trước vẫn là đồng thân”
(ND)*

Sân Trình. Cửa Khổng. Đồng môn
Thi thư đồng khoá. Vân bôn đồng thuyền

Ngày nấu sủ. Đêm sôi kinh
Cửa mây chờ hội. Sân đình đợi khoa

Đôi dòng (sức nước) thế gia
Kim bằng báai cần. Kim khoa báai châu

Đồng thanh (ứng). Đồng khí (cầu)
Tâm giao kết nghĩa. Tâm đầu kết thân

Nét mực thánh. Câu thơ thần
Chiều khơi trăng giọt. Khuya tàn sương hanh

Khúc [046]

KIM TRỌNG DÒNG DỠI
CON NHÀ DANH GIA

*“Chẳng sân ngọc bội,
cũng phượng kim môn”
(ND)*

Vốn dòng đài, các, thư, khanh
Thông minh trác lạc. Tài danh lẫy lừng

Hài gieo sen ngát một vùng
Ngang vai bầu rượu. Chéch lưng túi đàn

Đề huề yên ngựa. Theo chân
Tiểu đồng. Ngọc nữ. Gia nhân. Con hầu

Canh tàn. Bắc lụn. Dầu hao

(Sách dồi mài miệt. Mộng trào miên man)

Tìm nhau hỏi sách mượn đàn
(Thi thư lễ nhạc ngổ ngang nổi niềm)

Khúc [047]

THUÝ KIỀU THAO THỨC
HƯƠNG LỬA BA SINH

*“Người đâu
gặp gỡ làm chi”
(ND)*

Phòng khuya (song chếch) trắng viền
Dáng Kiều mộng mị tóc huyền chảy quanh

Biết đâu (truy cứu) ngọn ngành
Làm sao gỡ rối tơ mảnh vấn vương

Biết đâu nhớ. Biết đâu thương
Trăm năm (ai biết mối giường) thị phi

Thiếp canh, cử. Chàng kinh, thi
Biết đâu (ấm lạnh xuân thì) ngổ ngang

Biết đâu (e ấp) cưu mang
Biết đâu (thân phận lỡ làng) tơ duyên

Khúc [048]

BUỔI ĐẦU BỞ NGỠ
CHƯA RÕ MỐI MANH

*“Trăm năm
biết có duyên gì hay không”
(ND)*

Tình dường chung. Mộng ngổ riêng
Sắc tài (tương ứng triền miên) nổi dài

Kiều phận mỏng. Vân đức dày
Biết đâu (tẻ lạnh), (sum vầy) mai sau

Cành đưa lá cũng theo nhau
Một đèn (Đồng Tước xuân lầu) giai nhân

Chị em (tơ tưởng) tần ngần
Duyên em tình chị đôi phần xót xa

Ước mơ (đằm ắm) một nhà
Tầm tang trưa, xế. Rượu trà tối, khuya

Khúc [049]

CƠ DUYÊN GẶP GỠ
TÂM TRẠNG THUYẾT VÂN

*“Ngổn ngang
trăm mối bên lòng” (ND)*

Đèn dọi tường. Trăng chéch hiên
Tương tư (sóng dậy chao nghiêng) dáng người

Cốt tài hoa. Cách tuyệt vời
Mê mê giấc điệp. Bờ bờ tình xuân

Nén chao ngon. Nguyệt nghiêng vàng
Thuyết Vân (tơ tưởng, mơ màng) tiểu tình

Ước cho chị đẹp duyên tình
Để ta (nói nhíp trung trinh) sắc cảm

Nhân duyên (tiền định) họa làm
Bất ngờ. Độc đoán. Oái ăm. Oan sầu

Khúc [050]

TÂM TÌNH THUYẾT VÂN
ĐỐI VỚI CHÀNG KIM

“Nên câu tuyệt diệu

ngụ trong tính tình”
(ND)

Cũng đành (ruột nát) lòng đau
Vôi nồng chưa đượm. Trầu cay chưa tình

Đêm nhớ bóng. Ngày tưởng hình
Âm thầm giấu quẩn. Im lìm giấu quanh

Chưa tin nhận. Chẳng mối manh
Tâm tình lén vụng. Tơ mảnh rối beng

Từng đêm (thẹn mặt) tắt đèn
Từng khuya (thao thức nhìn trăng) khấn thầm

Cành đưa (lá quện) theo chân
Pha trà. Dâng rượu. Dạo đàn. Ngắm tranh

Khúc [051]

BÓNG HỒNG THẤP THOÁNG
ĐẠM TIỀN HIỆN VỀ

*“Sen vàng lững đững
như gần như xa”*
(ND)

Kém duyên (bạc phận) đã đành
Trời già (quen thói đành hanh) dìm người

Thân danh (khinh trọng) vàng mười
Nặng đường núi đá. Nhẹ như lông hồng

Trong cơn lâm lụy chạnh lòng
Bóng người (thấp thoáng sương phong) hiên ngoài

Má đào. Răng lựu. Khoé thoa
Mắt rằm. Mây liễu. Miệng hoa. Môi trâm

Chập chờn (hạ cổ) viếng thăm
Nửa tiên phơi phới. Nửa trần miên miên

Khúc [052]

ĐẠM TIÊN BÁO MỘNG
ĐỒNG HỘI, ĐỒNG THUYỀN

*“Cũng người một hội
một thuyền đầu xa”
(ND)*

Trong cơn (mộng mi) rã riêng
Bóng hồng ẩn hiện từ miền gió xuôi

Má đầm hạ. Mắt ao thu
Mơ hồ (từ cõi thâm u) hiện về

Âm dương (đôi nẻo) cận kề
Có. Không. Hư. Thực. Tỉnh. Mê. Âm. Tà

Báo rằng: Oan nghiệt chẳng xa
Nghịch duyên. (Rồi trả dần dà). Cũng xong

Một thuyền (chung phận) long đong
Một bè (chung hội đoạn trường) mê mê

Khúc [053]

CẢM THƯƠNG THÂN PHẬN
TỬ KIẾP HỒNG NHAN

*“Cái điều bạc mệnh
có chừa ai đâu”
(ND)*

Đường trần (uẩn khúc) nghiêu kê
Hồng nhan (lắm nỗi ê chề) thương tang

Đồng trang. Đồng tịch. Đồng sàng
(Nổi trôi thân thế. Bể bàng nghịch duyên)

Từ mỹ nữ đến thuyền quyên
(Nụ cười, tay ngọc xô nghiêng thành trì)

Tám gương kim cổ còn ghi
Thái Chân. Phi Yến. Tây Thi. Điều Thuyền

Tiểu Thanh. Hợp Đức. Chiêu Quân
Tuổi xuân oan trái. Ngày xuân phũ phàng

Khúc [054]

ĐOẠN TRƯỜNG MƯỜI KHÚC
ĐẠM TRAO TAY KIỀU

*“Này,
mười bài mới, mới ra”
(ND)*

Cuối mùa (tuyết rụng) băng tan
Đạm Nương hạ cổ khế khàng nổi riêng

Trao mười đề mục cay phiền
(Đau lòng. Quặn ruột. Oan khiên. Đoạn trường)

Đạp Thanh (nhớ buổi) còn rừng
Hương tàn. Cỏ úa. Sương chùng. Mộ hoang

Đồng thanh. Đồng tịch. Đồng sàng
Cũng vai bằng hữu. Cũng hàng tri âm

Kiều nghiêng (vóc hạc) vai trầm
Đạm Tiên (môi nở nụ thầm) tương giao

Khúc [055]

KIỀU VÂNG LĨNH Ý
VUNG BÚT GIEO THƠ

*“Tay tiên một vẩy
đủ mười khúc ngâm”
(ND)*

Áo xiêm trắng. Váy lụa đào

Vai (ngiên) tóc chảy. Bút (trào) mực tuôn

Ý đứt ruột. Tứ đoạn trường
Vung tay. Chấp bút. Thảo chương. Thơ ngời

Giấy thơm (lãng đãng) chữ rời
Đau lòng. (Ruột nát. Tim phơi). Quặn mình

Thao thao (mười khúc) hương quỳnh
Cắm tâm. Tú khẩu. Tâm linh. Tình hoài

Xin trình Hội Chủ đêm này
Hồi văn. (Thơ cổ. Biệt tài). Tân toan

Khúc [056]

TÍCH ĐA TÀI (#1)
[TIẾC ĐA TÀI]

*“Câu thần lại mượn
bút hoa vẽ vờ”
(ND)*

Tâm đa lụy. Tình đa đoan
Yến oanh hẹn thắm. Hợp hoan khát ngày

Tiếc thuở trước. Hận thời nay
Tài hoa dự một. Sầu cay chia nghìn

Trời còn hiển. Đất còn linh
Thương thân trôi nổi. Thương mình xót xa

Một đời luân lạc quê nhà
Chị em biệt. Mẹ cha mịt mù

Rừng phong (ổ nhục) vàng thu
Vẳng nghe từng tiếng chim gù buồn tênh

Khúc [057]

LIÊN BẠC MẠNG (#2)

[THƯƠNG MỆNH BẠC]

*“Giá đành tú khẩu
cắm tâm khác thường”
(ND)*

Quạnh từng đêm. Vắng từng đêm
Mây còn gió rụng. Sương rèm trắng rơi

Lầu son (gác tía) tả tơi
Cuộc vui rã rạc. Trận cười rã riêng

Thương mệnh bạc. Tủi thiên duyên
Một đời dang dở. Bao niềm trớ trêu

Mũi kim. Đường chỉ. Hoa thêu
Tài năng (trác lạc). (Tiêu điều) sầu phai

Dễ thường ngày tháng đơn sai
Khói hương tan loãng quện hoài nổi riêng

Khúc [058]

BI KỶ LỘ (#3)
[THƯƠNG HOẠN NẠN]

*“Hoa trôi,
bèo giạt đã đành”
(ND)*

Tuyết rơi. Quỳnh ngã. Lan nghiêng
Đường giăng giăng tủi. Lối miên miên sầu

Hợp từ đâu. Tan về đâu
Hoa trôi, bèo giạt nổi đau còn hằn

Đáy dờn. Chài bủa. Lưới giăng
Thuyền trôi sóng gợn. Nước phẳng dòng sầu

Người từ đâu, đi về đâu
Có ai (ở cuối giang đầu) đợi ai

Nghìn xưa. (Vẳng tiếng). Thở dài
Đau thương tê tím rêu hải động men

Khúc [059]

ỨC CỔ NHÂN (#4)
[NHỚ NGƯỜI XƯA]

*“Mới cùng nhau
lúc ban ngày đã quên”
(ND)*

Mặt đường gặp. Dáng đường quen
Nghìn năm mây trắng tình băng giá lầy

Người xưa đâu, hồn quanh đây
Phiêu phiêu sương lộng. Hây hây gió vờn

Mưa từng đợt. Bão từng cơn
Nhớ thương nghìn trước. Dối hờn nghìn sau

Sáng sương gọi. Chiều mưa mau
Vắng tanh. (Ngày tháng mãi đau). Tin về

Chờ nhau rượu rót, thơ đề
Ước duyên (má tựa, vai kề) hoàng hôn

Khúc [060]

NIỆM NÔ KIỆU (#5)
[NHỚ NÀNG HẦU]

*“Biết duyên mình,
biết phận mình thế thôi”
(ND)*

Mơ đầy tay. Mộng ngập hồn
Nồng hương: Nhớ dáng. Thắm son: Tưởng người

Mi cong: Hẹn. Mắt chớp: Mời
Gót sen (lãng đãng chưa rời) hiên vắng

Dấu không (ràng buộc) xích thàng
Cũng thường thi vịnh. Cũng năng cầm kỳ

Sáng trà (tối rượu) nhâm nhi
Yến oanh (hạ) đến. Ý nhi (xuân) về

Ngày gương lược. Đêm xiêm nghê
Gót sen (lững thững dậm thề) tà huân

Khúc [061]

AI THANH XUÂN (#6)
[XÓT TUỔI XUÂN]

*“Nỗi riêng riêng chạnh,
tắc riêng một mình”
(ND)*

Thiên kiều (bá mị) giai nhân
Mưa tiên (ướt cánh hoa thần) đêm xuân

Nhụy phong (khép mở) tàn ngần
Tóc bông luyến tuổi. Mắt lông xót mùa

Ngày thu (gió quyện) mây đưa
Chiều xuân (mưa rụng bão xua) trùng trùng

Trăm năm thoáng chốc mịt mù
Phấn thơm (sớm hấp, chiều nung) nắng tà

Vàng dương chói lọi tinh hoa
Phiêu phiêu sáng nắng. Nhoà nhoà khuya mưa

Khúc [062]

TA KIẾN LỘ (#7)
[THAN CẢNH NGỘ]

*“Nỗi nằng canh cánh
bên lòng biến khuây”*

(ND)

Trầm ươm (lư cũ) hương thừa
Thoáng về ngắt tạnh. Thoáng đưa se mình

Kêu thương. Mượn bóng. Vay hình
Chiêm bao sương phụ. Lời tình sương thê

Nghiệt oan. (Nghiệt chương). Nghiệt mê
Đoạn trường nhân thế. Thối lè nhân luân

Tiện tay rót ngọt vài tuần
Đợi xem (thiên địa xoay vần) về đâu

Ngày than thở. Đêm ươu sầu
Con chim nào thức trên lầu ai hay

Khúc [063]

KHỔ LINH LẠC (#8)
[KHỔ LƯU LẠC]

*“Mà xem trong sổ
đoạn trường có tên”*
(ND)

Thân cô hạc. Phận đông mai
Lìa cảnh hoa héo. Lạc bầy chim đau

Ngẩn ngơ (rã cánh) giang đầu
Thương tang một bến. Bể dâu trăm đường

Lửa trưa hạ. Tuyết đêm xuân
Bao năm (luân lạc). (Quê hương) dậm vời

Lòng đau đau. Tâm bồi bồi
Tha phương từ thuở chân rời đường quê

Cổng làng. Miếu cổ. Bờ đê
Hiu hiu đất khách. Thê thê dậm trường

Khúc [064]

MỘNG CỔ VIÊN (#9)
[MƠ VƯỜN XƯA]

*“Bụi hồng liệu nẻo
đi về chiêm bao”
(ND)*

Cỏ thơm (mây trắng) mười phương
Hàng đêm (thường mộng cổ hương) mơ về

Lão từng. Dã hạc. Đường quê
Vườn xưa (biên biệt câu thơ) gió treo

Ngàn dâu trùng điệp trướng đèo
Muôn thung. (Hiểm trở. Cheo leo). Vạn ghềnh

Khăn tang (Tần Lĩnh) mây hoành
Song thân (vò vố, chạnh lòng) cổ viên

Đêm ngày mơ giấc như nhiên
Quê hương (vạn dặm). (Đôi miền) trông theo

Khúc [065]

KHỐC TƯỞNG TƯ (#10)
[KHÓC TƯỞNG TƯ]

*“Mặt tơ tưởng mặt,
lòng ngao ngán lòng”
(ND)*

Trúc ty. (Vàng chạp). Châu gieo
Nắng căng bóng sớm. Mưa neo đáng chiều

Mật mừng đất trích điều hui
Niềm riêng (nhớ ít tưởng nhiều) băng khuâng

Cùng nhau uống nước sông Tương
Đầu ghềnh (cuối bãi, miền trường) nhớ nhau

Xa vì đâu. Cách bởi đâu
Vàng trắng khó xẻ. Mối sầu khôn chia

Nước non (vạn dặm) phân lìa
Chứa chan (lệ) nhớ. Đầm đìa (lệ) thương

Khúc [066]

KHÔI NGUYỄN CHIẾM GIẢI
ĐẦU SỔ ĐOẠN TRƯỜNG

*“Thì treo giải nhất
chi nhường cho ai”
(ND)*

Tài văn học. Khiếu văn chương
Khen hay. Hội Chủ đẳng đường. Lãm quan

[Niêm. Luật. Ý. Tứ. Điệu. Vần]
Khôi Nguyễn (chiếm giải). (Tài thần) lưu phương

Bút tiên đệ nhất đoạn trường
Thân danh (lâm lụy, ngửa ngang) công đầu

Dù không nức tiếng khanh hầu
Cũng dành (ý mỹ, tâm mầu) đãi nhau

Tài hoa (mực đọng) nghiên sầu
Hổ ưu dìm mệnh. Biển sầu nịch nhân

Khúc [067]

TÀI TÌNH CHUNG LUY
MẶC KHÁCH, TAO NHÂN

*“Lời rằng bạc mệnh
cũng là lời chung”
(ND)*

Tài tình (món nợ) chung thân
Tao nhân. Mặc khách. Hồng nhan. Má đào

Hận đa đoan. Hận ly tao
Đọa đầy. Oán thán. Ngán ngao. Nhão lòng

Danh trơ tráo. Phận long đong
Từ ngoài (cổng chợ) về trong (cửa thiền)

Nợ tài hoa. Nợ oan khiên
Lênh đênh. (Cuối bãi, đầu ghềnh). Giạt trôi

Từ uông man. Thuở khai phôi
Bút vung. Mực chảy. Hương trôi. Phấn nhòa

Khúc [068]

TRONG CƠN ÁC MỘNG
KIỀU KHÓC PHẬN MÌNH

*“Màu hoa lê,
hãy đắm đìa giọt mưa”
(ND)*

Khách vừa (dời gót) hài hoa
Đắm đìa (lệ chảy chan hoà) gói chần

Tẻ phòng khuê. Lạnh chần loan
Trở trăn. Thao thức. Tính toán. Khóc thầm

Bao nhung nhớ. Bấy giọt ngàem
Dòng thơ đứt mạch phận tầm ươm tơ

Giạt mình (tỉnh giấc) mộng mơ
Mới hay tiên tục cách bờ âm dương

Tình một phương. Ý muôn phương
Nhớ thương. (Trăm khúc đoạn trường). Lệ sa

Khúc [069]

VƯƠNG BÀ THỨC GIẤC
KHUYÊN GIẢI THUYẾT KIỀU

*“Nhà huyên chợt tỉnh,
hỏi can có gì”
(ND)*

Tuyệt vời (tình mẹ) bao la
Mưa rơi muối tóc. Sương sa bạc đầu

Thức khuya. Dậy sớm. Dãi dầu
Chăm vui giấc ngủ. Khuyên sầu giấc mơ

Nuôi con. (Mộng ước). Đâu ngờ
Cúc cung từng sớm. Bơ phờ từng khuya

Quạt nồng. Ấp lạnh. Sầu chia
Ủi an. (Khuyên dỗ. Xưa kia). Mai này

Vương Bà (hạnh thực) thảo ngay
Đèn chong khuya tối gom đầy bóng dương

Khúc [070]

SẮC TÀI CẢM ỨNG
BÓNG HÌNH VẤN VƯƠNG

*“Những là trộm nhớ,
thầm yêu chốc mòn”
(ND)*

Hoa rắc phấn. Gió đưa hương
Một miền tơ tưởng. Mười phương tơ tình

Tương tư (ẩn hiện) bóng hình
Văn nhân, tài nữ. Bước quỳnh, dặm xanh

Tình cờ thấy hội Đạp Thanh
Lòng chàng (ý thiếp kết mảnh) tơ vương

Chân đê cỏ ngát dòng hương
Hài gieo (từng bước triền nương) bãi chiều

Ý thăm tưởng. Lòng thăm yêu

Bướm vờn. Ong lượn. Chim kêu. Suối ngân

Khúc [071]

ĐỒNG THANH TƯƠNG ỨNG
ĐỒNG KHÍ TƯƠNG CẦU

*“Người quốc sắc,
kẻ thiên tài”
(ND)*

Thuyền đi nhớ bến xuân hàn
Nước dâng cuối bãi. Sóng tràn đầu sông

Ngày mộng寐. Đêm mơ mòng
Tâm tư phận gởi. Tơ lòng duyên trao

Thiên tài (quốc sắc) tương giao
Bão giông cũng chấp. Ba đào cũng cam

Khởi tình (đúc ấn) nghìn năm
Lòng son mượn tấm trăng rằm soi chung

Thơ bốn nhịp. Đàn năm cung
Trai tài, gái sắc. Anh hùng, thuyền quyền

Khúc [072]

NGÀY DÀI KIM TRỌNG
TƯƠNG TƯ BÓNG KIỀU

*“Mặt tơ tưởng mặt,
lòng ngao ngán lòng”
(ND)*

Nhớ thương (ruột rối) tơ nguyên
Bóng người mộng寐 trắng biên tái gầy

Thực là đâu. Mộng là đây
Mê man (giấc điệp gối đầy) chiêm bao

Một con tiên hạc hao hao
Mây giăng tà lụa nao nao đáng người

Nhớ thương (rạc cánh) hoa cười
Sen tàn cuối hạ. Ve lười cuối thu

Bặt tin. Vắng tiếng. Biệt mù
Biết đâu (nhấn gởi tâm tư) kín thăm

Khúc [073]

KHOÁ XUÂN ĐỒNG TƯỚC
MỘ TIẾNG GIAI NHÂN

*“Trộm nghe
thơm nước hương lân”
(ND)*

Nhị Kiều. Đồng Tước. Xuân thâm
Danh lừng nước tiếng. Đức ngàn vang xa

Lụa. Tơ. Trâm. Quạt. Lướt. Là
Tuyết rơi chờ tháng. Băng sa đợi mùa

Sáng mong nắng. Tối cầu mưa
Luận bàn tửu phẩm, được thua cuộc cờ

Ngày mài mực. Đêm chép thơ
Sắc. Thanh. Kiều. Mị. Trúc. Tơ. Chỉ. Điều

Nhớ nhung lắm. Tương tư nhiều
Khói trầm lịm ngất. Hương yêu dâng tràn

Khúc [074]

NHỚ THƯƠNG DẮT LỐI
TƯƠNG TƯ ĐƯA ĐƯỜNG

*“Nỗi riêng
nhớ ít, tương nhiều”
(ND)*

Xuân tàn. (Lần lửa). Hạ sang
Hiên văn. (Lãm Thuý hoa trang). Thư phòng

Đêm tơ tưởng. Ngày mơ màng
Thư, kinh lười chuốt. Cờ, đàn biếng trau

Tâm trợ. Ruột héo. Gan nhàu
Rượu trà (quên) uống. Trầu cau (nhác) mời

Vườn xanh (Bích Uyển) vắng người
Bướm gầy đã dượt. Ong lười đông đưa

Bóng hồng (bằng bật) tin thưa
Đêm ngày (đội gió, ngắm mưa) ruột quắn

Khúc [075]

KIM TRỌNG TƠ TƯỞNG
CẦU SƯƠNG LAM KIỀU

*“Xăm xăm đề nẻo
Lam Kiều lần sang”
(ND)*

Dạ trần trở. Lòng bắn khoăn
Sách, kinh biếng duyệt. Thơ, vắn lười gieo

Thuyền lơ lái. Đò ngâm neo
Đi về (ngờ ngẩn trông theo) tần ngần

Ngập ngừng. Toan tính. Bâng khuâng
Lắng nghe (tim vỡ rạn ngàn) tơ rung

Mơ mông lung. Mộng mông lung
Sầu quanh (trăm mối sương chùng) đêm trắng

Tình sầu vương. Ý sầu giăng
Tơ tằm. (Từng khúc trở trần). Rối nhàu

Khúc [076]

BÊN HIÊN LÃM THUY
CHÀNG KIM DỌN VẼ

*“Túi đàn, cặp sách
đề huề dọn sang”
(ND)*

Tương tư (sắc lý) nhụy đào
Quần quanh đợi dịp ngăm trao duyên tình

Sáng ôm dáng. Chiều áp hình
Thư hương mượn chốn khuê dinh cận kề

Tin người biển biệt sương mê
Rầu rầu cây cỏ. Thê thê sân vườn

Lân la dò hỏi ngọn nguồn
Sớm trông (ngóng) bóng. Chiều mong (đợi) hình

Cô em (Vườn Thuý) vô tình
Xuân dung trắng quạnh. Xuân quỳnh trắng mê

Khúc [077]

LÊN SANG VƯỜN THUY
NHẬT ĐƯỢC TRÂM RƠI

*“Trên đào nhác thấy
một cành kim thoa”
(ND)*

Nhớ thương (bạc tóc) sầu tê
(Bóng hồng nào thấy, bốn bề bật tằm)

Mật mừng mắt dôi dăm dăm
Chợt cảnh hoa rụng bên trâm dát vàng

Mừng vui. Bất chợt. Ngỡ ngàng
Biết đâu (duyên phận phượng loan) bén mầm

Trâm ngọc đính, thơm tóc trâm

Mùi nồng da thịt. Hương ngần mắt môi

Thiên duyên? Phận số? Ý trời?
Là mai? Là mối? Là lời? Là tâm?

Khúc [078]

GẶP NHAU VƯỜN THUÝ
TRẢ LẠI TRÂM VÀNG

*“Biết đâu hợp phố
mà mong châu về”
(ND)*

Tâm hoang mang. Ý ngổ ngang
Trao đưa (trâm ngọc, nhẫn vàng) tận tay

Tình ngây ngất. Tứ ngất ngây
Kiều bung tóc mượt gió lay ngọn đào

Đôi lòng (tim nhện) xôn xao
Chiều buông ngơ ngẩn lối vào vườn sau

Thoa kim phượng cần minh châu
Bâng khuâng (bảo thạch diệu màu) trao nhau

Ơn Trời. Lộc đất. Cơ may
Gặp đây đã bỏ tháng ngày ngóng mong

Khúc [079]

KIỀU NƯỞNG CẢM KÍCH
TẮM LÒNG CHÀNG KIM

*“Ơn lòng quân tử
sá gì cửa rơi”
(ND)*

Đưa tay nhận lại trâm vàng
Má gò thên thẹn. Môi làn run run

Trong xao xuyến. Ngoài ngại ngùng
Cảm lòng. (Trượng nghĩa. Bao dung). Tạ lòng

Mai ngày (đời dẫu) long đong
Mười hai bến nước đục trong cũng liều

Duyên tìm ngọc, đến lam kiều
Đã thừa gian khổ. Cũng nhiều trái oan

Tương tư (lệ đá) hàng hàng
Tay (ngập ngừng) nhận. Mắt (bàng hoàng) trông

Khúc [080]

KIM VỀ GÁC TRỢ
LẤY VỘI QUÀ TRAO

*“Xuyến vàng đôi chiếc,
khăn là một vương”
(ND)*

Moi gan. (Rút ruột). Vắt lòng
Đợi chờ thấp thỏm. Thương mong chập chờn

Phút giây (tương hợp) chạnh lòng
Trao nhau kỷ vật tình trong ý ngoài

Trao trâm ngà. Trả kim thoa
Ấp đôi tay lạnh giao hoà vườn trăng

Lòng chàng: ngọc. Ý thiếp: vàng
Chưa thề thốt cũng buộc ràng trăm năm

Xuyến vàng. Khăn lụa. Bạch ngân
Quà duyên (trao gởi ý ngàn) tương thông

Khúc [081]

CHÀNG KIM BỘC BẠCH
TÍM RUỘT, BẦM GÀN

*“Đài gương soi thấu
giọt bèo cho chẳng”
(ND)*

Trăng chênh mái. Liễu trơ hàng
Ngẩn ngơ mối nợ. Ngổn ngang nỗi này

Ngập ngừng bày tỏ niềm tây
Cấn môi (trầm giọng giải bày) tắc riêng

Từ đây thắt chặt mối giềng
Chén thề xin cạn. Lời nguyện xin trao

Nghìn trùng duyên nợ hanh hao
Trăng nghiêng (bóng giải trúc đào) quỵện nhau

Phút giây (ý hợp) tâm đầu
Niềm riêng (gỡ được mối sầu) miên man

Khúc [082]

DUYÊN DO TRỜI ĐỊNH
PHẬN TUỖ SONG THÂN

*“Nên chẳng
thì cũng tại lòng mẹ cha”
(ND)*

Ngẩn ngơ. Thằng thốt. Bàng hoàng
Gió đưa (lá thắm, chỉ hồng) tơ giăng

Tắm lòng (tuyết bạch) trinh băng
Trăm năm (giữ mối xích thằng) chưa trao

Thiên duyên trời định trên cao
Nhưng lòng (khấp khởi, nôn nao) rộn ràng

Mẹ cha. Thân quyến. Họ hàng
Dám đâu (bồng bột thề ngang) hứa liều

Dấu xe (chỉ thắm) tơ điều
Cũng do Nguyệt Lão lâm triều xét tra

Khúc [083]

KIM TRỌNG ĐOAN HỨA
NHỜ NGƯỜI KẾT GIAO

*“Cho đành, rồi sẽ
liệu bài mối manh”
(ND)*

Sáng gió lộng. Chiều mưa sa
Ngại (mây) tan hợp. Sợ (hoa) đổi màu

Cơ may (trên quý) phút này
Trầu mâm dạm hỏi. Rượu bày mối manh

Chỉ hồng (se lộn) tóc xanh
Keo sơn. (Nối sợi duyên lành). Trăm năm

Tinh anh (lộng lẫy) trắng rằm
Duyên trời chằm chút. Duyên tằm chất chiu

Tông đường (sở cậy) nói điều
Sắc cầm khuya tối. Ty thiều sớm hôm

Khúc [084]

LỜI KIM MẬT NGỌT
LÒNG KIỂU XIÊU XIÊU

*“Một lời vâng tạc
đá vàng thủy chung”
(ND)*

Lời quỳnh nụ. Giọng lan đơm
Tình (nồng) rong biển. Ý (thơm) mật rừng

Một lời (vàng đá) thủy chung
Trăm năm thiết thạch. Nghìn trùng sắt son

Trung trinh. (Tuyệt bạch). Vuông tròn

Tâm can như nhất. Thần hồn như nhiên

Tình mật ngọt. Ý phương viên
Thư phòng nổi sáp. Thư hiên khơi trầm

Lòng son (vành vạnh) trắng rằm
Khuyên nhau (giữ ngọc gìn vàng) đợi khi

Khúc [085]

CHÚT DUYÊN KỶ VẬT
KIM KIỀU TRAO TAY

*“Của tin gọi một
chút này làm ghi”
(ND)*

Kim thoa. Khăn lụa. Quạt quỳ
Trao duyên. Gởi phận. Khắc bia. Tạc ngày

Mốt mai (dù có) vơi đầy
Nghìn sau (dù lắm đắng cay) cũng đành

Thương nhau vun đắp mộng lành
Vì nhau (nguyện nhớ mối manh) cau trầu

Quà tương kiến buổi ban đầu
Trang thư vĩnh thệ điệu màu tơ giảng

Sáng chiều (nhấn gió) hẹn trăng
Minh sớm thệ hải nguyệt vằng vặc ghi

Khúc [086]

MỪNG DUYÊN KỶ NGỘ
THAO THỨC TRĂNG ĐẼM

*“Công đeo đuổi
chẳng thiệt thòi lắm ru”
(ND)*

Tuổi xuân xanh. Mộng xuân thì
Yến oanh hợp tấu. Ý nhi hót chào

Chí đã quyết. Lòng đã trao
Tình chàng ý thiếp dầu hao đêm tàn

Kính yêu. Chung thủy. Đá vàng
Chép dòng (lụa trắng hàng hàng) gấm hoa

Tình lai láng. Nghĩa chan hoà
Giao lưu danh phận. Giao thoa sắc cầm

Tình tri kỷ. Nghĩa tri âm
Đồng thuyền. Đồng hội. Đồng tâm. Đồng lòng

Khúc [087]

SONG THÂN DỰ TIỆC
KIỀU LÈN THĂM KIM

*“Gót sen thoăn thoắt
dạo ngay mái tường”
(ND)*

Hiên quế lạnh. Thềm trăng nồng
Thương nhau (cách mặt, xa lòng) càng thương

Vạch hoa. Rẽ lối. Bể vườn
Kết băng đêm quạnh. Rụng sương khuya lòng

Bể khoan (ngơ ngẩn) đôi lòng
Người đời gót ngọc còn vương hương mầu

Chàng Kim tựa án rầu rầu
Chợt nghe (hài nhẹ chân lầu) vọng ngân

Gót tiên (từng bước) tàn ngần
Khuê run lầu nguyệt. Trăng vắng gác son

Khúc [088]

KIỀU THẨM KIM TRỌNG
BÊN LÃM THUÝ HIỀN

*“Vì hoa nên phải
đánh đường tìm hoa”
(ND)*

Hoàng hôn lơ lửng nguyệt non
[Phút (chim) quên lối. Giờ (ong) lạc đường]

Giấc tình nhung nhớ vấn vương
Vì hoa nắng dãi. Vì hương mưa dàu

Vì vàng. Vì ngọc. Vì châu
Vì duyên. Vì nghĩa. Vì cau. Vì trầu

Vì chàng. Vì thiếp. Vì nhau
Giấu cha. Giấu mẹ. Giấu đầu. Giấu đuôi

Vượt tường (gió cợt) trên người
Một câu hò hẹn. Nửa đời tai ương

Khúc [089]

TRÁCH KIỀU HỒ HỮNG
KIM KỂ NHỚ NHUNG

*“Tuyết sương
nhuộm nửa mái đầu hoa râm”
(ND)*

Tầm ươn. Kén vữa. Tơ chùng
Ngẫu nhiên. (Giây phút trùng phùng). Bổng dưng

Hoa bến lển. Nguyệt rưng rưng
Chợt hờn. Chợt tủi. Chợt mừng. Chợt vui

Thương thương. Nhớ nhớ. Ngùi ngùi
Sương gieo rừng mộng. Mây vùi núi mơ

Ngâm thơ. (Thưởng rượu). Chắp thơ
Trách nhau hồ hững trắng phơi mái lâu

Tháng năm cuối. Phút giây đầu
Sánh đôi giao ước. Cùng nhau kết nguyên

Khúc [090]

HIỀN VĂN, GÁC TRỢ
HẸN BIỂN, THỀ NON

*“Trăm năm
tạc một chữ đồng đến xương”
(ND)*

Sắc son. Vàng đá. Mối giềng
Tóc tơ kết ước. Hoa tiên chép lời

Trăng thề (một mảnh) chơi vơi
Lầu văn trở gót hài rơi lối mòn

Duyên càng thắm. Tình càng nồng
Trinh băng (hương thoảng mùi son) môi cười

Trang thề (nguyên vẹn) mực tươi
Trăm năm (riêng chỉ một người) tình chung

Trời vô cùng. Đất vô cùng
Chờ nhau (đất cuối trời cùng) tròn vuông

Khúc [091]

BỨC TRANH TÙNG BÁCH
KIM TREO THƯ PHÒNG

*“Phong sương
đượm vẻ thiên nhiên”
(ND)*

Sương bay. Gió lộng. Mây vờn
Thiên nhiên một tấm: núi, non, dốc, đèo

Tùng vượn. Hạc khép. Thác leo

Nguyên Tiêu vành vạnh còn treo giữa trời

Sương vờn (non động) chơi vơi
Bên trong u tịch. Bên ngoài u nhiên

Sông triền miên. Suối triền miên
Bờ cheo leo dựng nước viền chân rêu

Mây trôi cửa động phiêu phiêu
Sắc vàng (lụa kết, gấm thêu) điệu màu

Khúc [092]

XEM TRANH THỦY MẶC
CẢM TÁC ĐỀ THƠ

*“Tay tiên
gió táp mưa sa”
(ND)*

Tâm tình (mực động) nghiên sâu
Gieo thơ cảm tác bốn câu ba vần

Bút vung. Gió lộng. Sương ngần
Từng dòng trác tuyệt. Từng vần tinh anh

Hàng hàng (chữ ngát) tân thanh
Nhà vàng mới xứng. Liên thành dám đương

Tiếng rảng (đệ nhất) văn chương
Thi ca hồ để ai nhường chi ai

Cảm nhau: Đức, hạnh, tâm, tài
Lụy nhau: Tiên hạc, thần mai, lão tùng

Khúc [093]

KIM BÀN THƯ PHÁP
DŨNG, MÃNH, CƯƠNG, NHU

“So vào

với thiếp Lan Đình nào thua”
(ND)

Bút mây: Tuốt kiếm, giương cung
Nét thần chấm phá, hoành tung thảo cuồng

Mực dòng lưu chuyển thiên phương
Hùng tâm: Khí thế. Nhu cương: Hải hoà

Gió lay. Mưa cuộn. Trăng nhòa
Đan thanh (bút lộng, mực lòa) đường mây

Trăng Đoan Ngọ. Nến Song Tây
Vu Sơn thổi gió. Dương Đài rây mưa

Tài hoa. Tuyệt bút. Linh bùa
Chí, dư hãn mã. Tài, thừa công huân

Khúc [094]

BAO PHEN THỬ THÁCH
ĐÁ BIẾT TUỔI VÀNG

*“Tình càng thắm thía,
dạ càng ngẩn ngơ”*
(ND)

Tóc sương dẫm. Trán trắng ngần
Hẹn hò (đi lại mấy tuần) nguyệt sơ

Ấp yêu. Thương nhớ. Bơ phờ
Dòng Tương (cách bến nông sò) dầm dẫm

Mộng ngờ (từ cõi) mù tằm
Trăng rơi bến ước. Thuyền dầm bến mơ

Nhà vàng. Lầu mộng. Gác thơ
Thêu trắng ngậm ngải. Kết tơ ngậm vành

Nhất như (tạc dạ) chí thành
Tài son đóng cổng. Đức lành cài then

Khúc [095]

SONG THÂN BẠN TIỆC
KIỀU LẠI TÌM KIM

*“Xăm xăm băng lối
vườn khuya một mình”
(ND)*

Gót hài lan trở huệ chen
Nhẹ gieo (thơm ngát lối quen) động đào

Chập chờn (cỏ lá) xôn xao
Rỉ tai thầm ghé đường vào nẻo ra

Vườn khuya (rờn rợn) bóng ma
Gió xoay lá động. Sương nhòa cây rung

Ngất ngây giây phút trùng phùng
Rượu ngon (cạn chén uống mừng) hợp hoan

Hiu hiu. Say tỉnh. Mơ màng
Tiên am đá dựng. Hang vàng rêu phơi

Khúc [096]

KIM, KIỀU SOẠN THẢO
GIAO ƯỚC KẾT ĐÔI

*“Tiên thê
cùng thảo một trượng”
(ND)*

Kiều trao (nhánh tóc) tơ rời
Kim ngây ngất mộng lạc trời vô dư

Lau nghiên. Mài mực. Chép thư
Hồng tiên trang thệ đàn mười ngón xuân

Đắn đo. Dè dặt. Ý chừng
Chần chờ (chưa dứt nỗi mừng) mối lo

Tay tiên thảo một đôi tờ
Hàng hàng trang trọng. Lờ lờ trang nghiêm

Lung linh (nguyệt thệ) lười liềm
Vàng trắng (nhân chứng thệ nguyên) trên cao

Khúc [097]

TRAO NHAU VẦN THỆ
KIM, KIỀU GIAO BÔI

*“Tóc mây một món,
dao vàng chia đôi”
(ND)*

Giữa trời (vàng vặc) ba sao
Phút giây linh hiển vận vào mai sau

Đốt hương. Dâng rượu. Bái chào
Văn thề một bức. Giới giao đôi hàng

Trầm thơm. Rượu ngọt. Hương làn
Hoàng Thiên, Hậu Thổ chứng lòng sắt son

Trước sau (ân nghĩa) vẹn tròn
Thương tài, mến đức nguyện đồng tử sinh

Trai phước hạnh. Gái chung tình
Nâng ly cạn chén. Nghiêng bình cạn chung

Khúc [098]

**TIẾNG ĐÀN TRI KỶ
TẤU KHÚC VÌ NHAU**

*“Bốn dây to nhỏ
theo vần cung thương”
(ND)*

Tơ rung. Thác cuộn. Duênh ngân

Đàn gieo sương muộn. Tơ dăng trắng phiền

Trong như cánh hạc qua miền
Nửa lơ lửng quện. Nửa triền miên xoay

Trầm ươm. Khói quện. Hương bay
Âm ba (lãng đãng, ngất ngây) nổi chìm

Vì nhau (khởi, gọi) diễm tình
Tiếng đàn nức nở trắng chính cuối vườn

Hiên lấm thúy. Góc quỳnh hương
Mẫu đơn ngất lịm. Hải đường ngất ngây

Khúc [099]

KIM TRỌNG KHOÁI LUẬN
VỀ TIẾNG ĐÀN KIỆU

*“Rằng hay
thì thật là hay”
(ND)*

Rằng xa: Hạc lánh, mây bay
Rằng gần: Mưa trút, trời quay, bụi quàng

Rằng đau: Hương phấn phai dần
Rằng buồn: Ong bướm (tần ngần) lượn đi

Trong sum họp, có từ ly
Trong phúc hạnh, nét cuồng si sẵn bày

Bốn dây rỉ máu đầy tay
Năm cung (nước chảy sầu bay) dậm ngàn

Tài hoa dạo một khúc đàn
Mây trôi. Nước cuộn. Sương tan. Trắng ngần

Khúc [100]

KIỀU LUẬN CẦM PHỒ
KIM NGẪN NGƠ TÌNH

*“Rằng nghe
nổi tiếng cầm đài”
(ND)*

Tiếng đàn (rụng tuyết) rã băng
Quảng Lăng Tán, khúc rơi trắng, trút ghềnh

Thác căng sườn đá rùng mình
Dây tang sương rớt. Cung tình mưa sa

Trầm thơm (quyện khói) chan hoà
Hương ngậy triều hạ, sóng nhoà triều âm

Dây rung (nhả khí) u trầm
Thùng đàn sớ gổ tơ ngân cuối ngày

Ai tường. Ai tỏ. Ai hay
Hồ cầm (mượn khúc phôi bày) niềm tây

Khúc [101]

XEM TRONG ÂU YẾM
CÓ CHIỀU LẢ LỜI

*“Sóng tình
dường đã xiêu xiêu”
(ND)*

Tình mới chớm. Men mới say
Bướm gieo hương ái. Ong rây phấn tình

Hình ươm khói. Khói quyện hình
Xiêu xiêu sóng mắt. Xập xình nhịp tim

Thềm khuya (nhoà nhạt) trắng đêm
Bàn tay nắm ngón vuốt mềm tơ dây

Năm cung (ru giấc) mộng đầy
Vai nghiêng. Tóc chảy. Má hây. Môi hồng

Trà thơm. Rượu ngọt. Tình nồng
Ngắt. Ngây. Chao. Đảo. Phiêu. Bồng. Trầm. Hôn

Khúc [102]

KIỀU ĐEM LỄ NGHĨA
KHUYÊN NHỮ NGƯỜI TÌNH

*“Đạo tông phu
lấy chữ trinh làm đầu”
(ND)*

Vốn dòng ngọc bội kim môn
Vì nhau. (Sen ngó đào non). Giữ gìn

Thiếp vì: Hiếu, hạnh, trung, trinh
Mong sao (cho vẹn tâm tình) sắt son

giúp nhau (tâm nguyện) đôi lòng
Tam tông. Tứ đức. Tam cương. Ngũ thường

Sao cho nguyên vẹn mọi đường
Nghĩa. Ân. Trí. Tín. Cương. Thường. Dũng. Nhân

Thân nhi nữ. Phận hồng quần
Môn phong quyết giữ. Gia phong quyết gìn

Khúc [103]

THƯ NHÀ MỘT BÚC
BÀNG HOÀNG HUNG TIN

*“Mảng tin
xiết nỗi kinh hoàng”
(ND)*

Trời long (đất lở) vô tình
Sấm rền. (Tin dữ thành linh). Nổ rang

Phải chăng phận số lỡ làng

Hầm hiu nửa kiếp. Dở dang một đời

Đập tràn. Bể sập. Núi dời
Đá nghiêng. Thác đổ. Trăng rơi. Sao chìm

Liêu Dương (từ buổi) đăng trình
Quê hương (nghìn dặm một mình) bơ vơ

Cư tang (thúc phụ) nào ngờ
Đài hoa mới chớm, nụ chờ mãi khai

Khúc [104]

KIM, KIỀU THỀ THỐT
TRƯỚC PHÚT CHIA TAY

*“Dám xa xôi mặt
mà thưa thốt lòng”
(ND)*

Chau mày. Bứt tóc. Cấn môi
Phút giây lâm biệt nghẹn lời nước non

Xa nhau đừng thốt thưa lòng
Gìn vàng (giữ ngọc trông mong) trùng phùng

Tiến nhau mây rụng, sương chùng
Liêu Dương (ngàn dặm mịt mù) giá băng

Nhớ nhau (nát ruột) bầm gan
Cầm tay thề thốt đá vàng trung trinh

Chờ nhau (ngày tháng) bồn trĩnh
Hẹn nhau (duyên nợ ba sinh) một đời

Khúc [105]

PHÚT GIÂY LÂM BIỆT
NGÚT MẮT NGÀN DẦU

“Một lời trân trọng,

châu sa mấy hàng”
(ND)

Hợp tan (bèo giạt) cuối trời
Gió lay hoa rụng. Nước dời hoa trôi

Mây tan. Tuyết rụng. Băng ròi
Suối, khe chan chứa. Biển, khơi đầm đìa

Đường muôn (vạn lối) sâu chia
Trăng tàn đôi mảnh. Tình lìa đôi nơi

Dầm dề sông, lạch, đầm, khơi
Giăng giăng lũ lụt. Bời bời bão giông

Một giờ (xa cách) ba đông
Ngày từng. (Trông. Đợi. Ngóng. Mong). Từng ngày

Khúc [106]

GIẤY PHÚT TƯƠNG BIỆT
LẠI THỐT, LẠI THỀ

*“Trăm năm
tạc một chữ đồng đến xương”*
(ND)

Chưa gần gũi, sao biệt xa
Sâm thương đôi ngã. Ngân hà đôi nơi

Nước trôi. (Bèo giạt). Sóng nhồi
Tương phùng phút chốc. Chia phôi miền trường

Mưa ngâu (sùi sụt) đêm buồn
Giọt sương (tí tách lệ tuôn) tạ từ

Lệ ly biệt. Lệ tương tư
Suối đầm đìa ngát. Khe rười rượi đau

Kẻ từ uyên tếch giang đầu
Đá triền. Bờ thẳm. Vực sâu. Thác ghềnh

[107]

TRAO DUYÊN GỞI PHẬN
DÂNG NỤ MÔI ĐẦU

*“Gìn vàng
giữ ngọc cho hay”
(ND)*

Thần thờ (khép mắt) bằng khuâng
Mi cong (gió) thoáng. Trán ngần (sương) giăng

Mày chờ. Mắt đợi. Má dâng
Miệng cung hàm tiếu. Môi vành mấn khai

Gìn vàng (giữ ngọc) từ nay
Tóc mai (sợi ngắn sợi dài) nhớ thương

Khoá hôn (nhốt chặt) dư hương
Cắn răng ướp mặn tình ươm nụ đầu

Mai sau (trời đất) đổi màu
Mắt, môi, mi, má nguyên màu ban sơ

Khúc [108]

LỜI THỀ NON NƯỚC
ĐÀM ĐÌA MÔI NHAU

*“Trăm năm thề chẳng
ôm cầm thuyền ai”
(ND)*

Lời thề còn ướm môi hoa
Tiên thề (mực đọng chưa nhòa) nét xinh

Này duyên! Này phận! Này tình
Trăm năm. (Thiết. Thạch. Trung. Trinh). Phơi bày

Mai sau (vàng ố) bụi dầy
Duyên trăm năm dấu một ngày vẫn tươi

Xa xôi nghìn dặm tít vời
Bâng khuâng (một cõi đôi nơi) khóc thầm

Mai sau đời dẫu thăng trầm
Nghìn năm muối mặn khôn cầm lệ cay

[109]

KIM THỌ TANG CHÚ
ĐƯỜNG VỀ LIÊU DƯƠNG

*“Nỗi nhà tang tóc
nỗi mình xa xôi”
(ND)*

Liêu Dương cách trở bao ngày
Gió (đêm) lồng lộng. Nắng (ngày) chang chang

Thương nhau (xẻ mặt) phôi gan
Thốt thề. (Giữ ngọc, gìn vàng). Trắng soi

Máu tươm. Lệ đỏ. Tóc bời
Quan san (cách trở dặm vời) ngùi đưa

Tiền người nước mắt đầm mưa
Trăm thương nghìn nhớ đã thừa đắng cay

Rượu nồng (chưa uống) đường say
Ngựa bon (trắng lạnh thảng ngày) lẻ loi

Khúc [110]

QUAN SAN NGHÌN DẶM
CÁCH TRỞ VỢI VỜI

*“Mối sầu xẻ nửa,
bước đường chia hai”
(ND)*

Nhớ nhung (liều rữ) lan còi

Hương phai đầu buổi. Phấn vờ cuối mùa

Mịt mù (cữ gió) tuần mưa
Kiều: Dày mộng mị. Kim: Thừa dậm vờ

Mảnh trăng (tròn khuyết) đôi nơi
Giọng chim hải tước nhả lời từ ly

Chân trời góc bể ra đi
Xuân lâu niêm chốt. Xuân thì cài then

Xa nhau (biết mấy) tuần trăng
Ngẩn ngơ (mây trắng thắm giăng) ngút vờ

Khúc [111]

VƯƠNG GIA NGỘ BIẾN
TAI HOẠ THÌNH LÌNH

*“Sai nha bổng thấy
bốn bề xôn xao”
(ND)*

Bổng dựng tai hoạ ngập trời
Vườn xao xác động. Hoa rơi rã tàn

Đầy nhà (ruồi nhặng) hôi tanh
Đục tường. Cạy tử. Lục màn. Khoét rương

Đầu tôm. Mặt khỉ. Mắt lươn
Bụng heo. Răng chuột. Nanh chồn. Mồm lang

Công sai. (Công tặc). Công an
Ăn dơ. Uống bẩn. Ngón ngang. Nuốt đòn

Một bầy (quan lại) hiệp dân
Tham. Ô. Thối. Vừa. Ngu. Đần. Đục. Ươ

Khúc [112]

GÃ BÁN TƠ LỰA

GIEO HOẠ BẮT NGỜ

*“Nầy ai đan giặm,
giặt giàm bổng dưng”
(ND)*

Quan trên (bơm dưới) một phường
Gian nhân gieo hoạ. Huyện đường ăn chia

Làm cho rã, rục, phân, lìa
Bình minh (bổng hoá canh khuya) điều tàn

Làm cho (điều đứng) cơ hàn
Cho hồng rã nhụy. Cho lan héo đài

Một bầy (cướp cạn) quan sai
Vu oan. Giá hoạ. Bể bai. Đặt điều

Bọn công thương. Đám quan triều
Hai phường nhập một. Một phường phân hai

Khúc [113]

SAI NHA HÀNH HẠ CHA CON HỌ VƯƠNG

*“Một dây vô lại
buộc hai thâm tình”
(ND)*

Người gươm nhọn. Kẻ dao dài
Dao găm. Mã tấu. Roi cày. Gậy tre

Nặng ruồi (tanh tưởi) vo ve
Nghiến răng. Trợn mắt. Hăm he. Thét gào

Thường treo (tận óc) nhà cao
Lệ đầm ướt áo. Huyết trào thấm khăn

Phút giây (rã tuyết) tan băng
Một cơn thịt đỏ máu tràn nền hoa

Sân ngọc xuyên. Phường kim thoa
Ngọc pha cát bản. Vàng hòa bùn hoen

Khúc [114]

VƯƠNG ÔNG NGỘ ÁN
HỌA ĐÁO TỤNG ĐÌNH

*“Tiếng oan dậy đất,
oán ngờ loà mây”
(ND)*

Tài đầu (xẻ đất) kêu than
Vạch trời (gọi thấu qua màn) mây đen

Cao xanh nào đoái phận hèn
[Nhà xiêu. Cửa nát. Cột oằn. Vách tan]

Bất bình (ôm mối) hàm oan
Ngẩn ngơ hoạ gió. Bàng hoàng tai bay

Kêu trời, trời cũng chẳng hay
Cũng đành (nhắm mắt buông tay) nuốt phèn

Tụng đình tranh biện một phen
Biết đâu (nước đục đánh phèn) lại trong

Khúc [115]

ÁC PHỤ, ÁC MẪU
TRI HUYỆN LÔI CHÂU

*“Có ba trăm lạng
việc này mới yên”
(ND)*

Tủi áo mao. Nhục đại cân
Ngang nhiên. (Một nước, sâu dân). Lộng hành

Sân Trình (cửa Khổng) bôi tanh
Con so bóp họng. Dân lành nhuộm đen

Tạo cơn sóng gió đất bằng
Mơ hồ tội trạng. Nhùng nhằng tội danh

Một phường (giặc cướp) lấu ranh
Chồn bầy. Cáo lữ. Lưu manh. Béo phì

Trăm phương (ngàn kế) ly kỳ
Trắng đen tráo trở. Thị phi ép chèn

Khúc [116]

LẶNG XÃNG CHẠY MỐI
XẢO LẠI HỌ CHUNG

*“Cũng trong nha dịch
lại là từ tâm”
(ND)*

Bao lần (xiên xỏ) đã quen
Luồn đây lót đó mấy phen lành nghề

Ra cửa tỉnh. Vào lối mê
Ba trăm lạng bạc án phê ngay tình

Đưa đường. Kiếm khách. Trá tình
Nuôi quan (bóp họng dân đình) thừa hành

Họ Chung (bày vẽ) mối manh
Tiền trao cháo múc. Nộp quan ắt thành

Án phê. Triệu đồ. Rành rành
Vô can. Vô tội. Vô tranh. Vô trình

Khúc [117]

THAM QUAN, NHỮNG LẠI
NHÂN HỌA MỌI THỜI

*“Làm cho khốc hại
chẳng qua vì tiền”*

(ND)

Muôn đời dân đội hung tinh
Cẩn rằng (nuốt nổi bất bình) cháy gan

Đêm đạo tặc. Ngày triều quan
Bất lương. Những lạm. Vơ quàng. Cắp xiên

Nạn quan. Giặc cướp. Lửa phiền
Lợi danh mưu quỷ. Bạc tiền chước ma

Ngày: Quan là mẹ là cha
Đêm: Quan lại hoá thành ra cướp bầy

Ngàn xưa (chí đến) thời nay
Quan tham. Lại những. Hoạ ngày. Oan đêm

Khúc [118]

XOAY XỞ HẾT CÁCH
VƯƠNG BÀ, VÂN, QUAN

*“Một nhà
hoảng hốt, ngẩn ngơ”
(ND)*

Hỏi vay (chòm xóm) láng giềng
Làng trên thôn dưới cả miền xôn xao

Thế nhà. Bán đất. Cầm ao
Phương nào cửa tử. Lối nào ngõ sinh

Trong cơn (gia biến) thành linh
Trời gieo tai hoạ. Đất sinh oan cừu

Cùng tắc bĩ. Bĩ dụng mưu
Ba mươi sáu kế luân lưu luận bàn

Bàn xuôi. Luận ngược. Xét ngang
Chiếc thoa đánh khóc dở dang một đời

Khúc [119]

CÀ NHÀ TOAN TÍNH
ĐỐI PHÓ HIỆN TÌNH

*“Sao cho
cốt nhục vẹn tuyền”
(ND)*

Nỗi oan (vạch đất) kêu trời
Nỗi nhà băng tuyết không nơi cạy nhờ

Lấy gì đấm mồm quan nhơ
Lấy gì (trám miệng ăn dơ) tở thầy

Âu đành nhắm mắt buông tay
Chữ trinh (đành đoạn kiếp này) bán đi

Tính toan (xoay xở) cấp kì
Bốn trăm rưởi lạng thị phi ai ngờ

Cửa công (giăng bẫy) tạo cơ
Đục, trong tuý bạc. Sạch, như tuý tiền

Khúc [120]

THUÝ KIỀU ỨNG PHÓ
CHẤP KINH, TÒNG QUYỀN

*“Liệu đem tác cỏ
quyết đền ba xuân”
(ND)*

Thân chẳng tiếc, tiếc gì duyên
Chấp kinh đôi lúc. Tòng quyền đôi khi

Bỏ thiên duyên. Quên xuân thì
[Còn tình (còn nhớ, còn đi) còn về]

Thực chẳng quản, quản chi mê
Đành đem (duyên, nợ, nghĩa, thề) báo ân

Cù lao (chín chữ) sáng ngần
Sinh. Thành. Dưỡng. Dục. Đỡ. Nâng. Dắt. Dìu

Quyết đem phận mỏng đánh liều
Bao nhiêu ân nghĩa. Bấy nhiêu đáp đền

Khúc [121]

THUYẾT KIỀU CÂN NHẮC
BÊN HIẾU, BÊN TÌNH

*“Bên tình, bên hiếu
bên nào nặng hơn”
(ND)*

Sinh thành (ân trọng) mông mệnh
Cúc cung hương lửa mới nên phận mình

Lại vương (một mối) thâm tình
Nghĩa, ân: Trân, trọng. Dưỡng, sinh: Hiếu, nghi

Tiến chàng (ba vận) biệt thi
Khóc mình (trăm khúc xuân thì) dở dang

Ơn cha (nghĩa mẹ) vô vàn
Bên tình bên hiếu đôi đàng trọng khinh

Tròn chữ hiếu. Khuyết chữ tình
Tòng quyền (đành mượn chữ trinh) chấp liều

Khúc [122]

KIỀU LIỀU PHẬN GÁI
BÁN MÌNH CHUỘC CHA

*“Làm con trước phải
đền ơn sinh thành”
(ND)*

Thối nhà (bằng tuyết) quạnh hiu
Liều thân ngọc khiết chất chịu những ngày

Nạn trời. Họa gió. Tai bay
Bên tình, bên hiếu. Như ngày, như đêm

Học đòi (gương sáng) cổ kim
Thôi thì (máu chảy ruột mềm) tương lân

Học đòi Lý Ký quên thân
(Hổ mun cam phận. Hổ mang cam đành)

Học đòi (hiếu nữ) Đề Oanh
(Theo cha đến tận Trường An nạp mình)

Khúc [123]

CŨNG ĐÀNH LỖI ƯỚC
VỚI NGƯỜI TÌNH CHUNG

*“Hiếu tình đâu dễ
hai bề vẹn hai”
(ND)*

Liêu Dương (trắng tử) nhũn mềm
Biết đâu. (Nhặt rượu, vữa hèm). Bởi đâu

Tình yêu (thiết thạch) nhiệm màu
Đành ôm mối hận khô trầu héo cau

Nợ tình thôi hẹn kiếp sau
Nghĩa chàng (thiếp nguyện bạc đầu) nghìn năm

Ba sinh. (Lỗi hẹn). Tơ tằm
Đoạn trường xin nhắn lời thâm tạ người

Vì đâu bầm dập hoa tươi
Vì nhau. (Tận hiến một đời). Vì nhau

Khúc [124]

KIỀU LẠY EM GÁI
THỔ LỘ NỖI LÒNG

*“Ngồi lên cho chị
lạy rồi sẽ thưa”
(ND)*

Đèn khuya (lụn bác) vơi dầu
Nút bung ngực hở. Lụa nhàu bụng phơi

Đầm đĩa lệ ngọc chưa vơi
Cấn răng. Quỳ gối. Thốt lời. Trối trăn

Chị đi gọi lại nguyệt rằm
(Vì trăng lỗi hẹn. Vì tằm lỗi tơ)

Vì ai lỗi nhịp hẹn hò
Trăm năm (lỡ một chuyến đò) nhân duyên

Vì chàng (Thiên Lý) họ Kim
Vì duyên thiên ý dò tìm nông sâu

Khúc [125]

CHẤP DUYÊN KIM TRỌNG
KIỀU NHỜ THUÝ VÂN

*“Giao loan chấp mối
tơ thừa mặc em”
(ND)*

Quyết liều (gan ruột) tơ đau
Cậy em (chấp mối duyên sâu) mai kia

Tờ mây (đắm lệ) đầm đĩa
Vòng vàng. Xuyên bạc. Quạt quỳ. Khăn đan

Gạn lòng tỏ rõ mối manh
Xin em (nghĩ tấm lòng chàng) thương cho

Duyên em (tình chị) bờ phò
(Lạy em ba lạy chị nhờ cậy em)

Cũng là máu chảy ruột mềm

Nghìn sau (bút mực cần niêm) khối tình

Khúc [126]

THUÝ KIỀU NGẮT XỈU
SAU PHÚT TRỐI TRẦN

*“Một hơi lạnh ngắt
hai tay giá đồng”
(ND)*

Từng lời (vắt cạn) tâm linh
Đèn lu khuê nội. Trăng chênh song ngoài

Sương khuya (lạnh ngắt) quan hoài
Rã rời thu cúc. Sõng soài xuân lan

Thương một lần. Lỗi vạ lần
Ngẩn ngơ hồn rỗng. Bần thần xác không

Tim ngưng đập. Máu lạnh đông
Chân dài buốt cóng. Tay thon rã rỗng

Tĩnh ra (trăm khúc) rối lòng
Nửa tình. Nửa hiếu. Nửa trong. Nửa ngoài

Khúc [127]

KIỀU GỞI KIM TRỌNG
MỘT KHÚC BIỆT THI

*“Chiếc thoa này,
với tờ bồi ở đây”
(ND)*

Biệt thi (mực ướm) chưa nhòa
Máu hoen khoé hạnh. Lệ loà khoé mi

Đã liều (phận bạc) sá gì
Đành cam một tấm tình si thốt thề

Đêm vĩnh thệ. Buổi đam mê
Bằng trinh vẫn giữ chưa hề vấy nhơ

Biết đâu (sóng gió) bất ngờ
Cậy em (chấp nối đường tơ) nghĩa nghi

Mai sau phai sắc xuân thì
Răng long đầu bạc tình ghi muôn đời

Khúc [128]

NHỜ TAY MAI MỐI
LOAN TIN BÁN MÌNH

*“Tin sương đồn đại
xa gần xôn xao”
(ND)*

Bán tin mối lái chuyển lời
Bướm ong đồn đại khắp nơi xa gần

Thiếp danh. Xe ngựa. Băng nhân
Thói đời: giậu đỗ, bìm giăng, ấu trèo

Hồng nhan: Sóng vỗ giạt bèo
Lênh đênh sầu tái. Gieo neo sầu tình

Mối mai (khảo giá) rập rình
Ong bay (bướm lượn rây tin) khắp miền

Nổi đau. Nổi nhục. Nổi phiền
Chút tài. Chút sắc. Chút duyên. Chút phần

Khúc [129]

QUAN THAM CHIA CHÁC
LẠI, NHA ĐỒNG TÌNH

*“Vị nàng,
nghĩ cũng thương thầm xót vay”
(ND)*

Tâm cửa bụt. Thân cửa quan
Chạy trường năm tháng. Đạo tràng từng trắng

Công tư (chạy chọt) đôi đường
Quan trên tin cần. Họ hàng cậy trông

Giao ba trăm lượng trình quan
Năm mươi lượng chắt bộn hàng bán tơ

Mười tên đầu mục chạy cò
Mỗi tên một lạng làm tờ minh oan

Công sai. Hương Lý. Hình phòng
Bạc vàng quà quạnh sớm xong gông cùm

Khúc [130]

HÀNH TRẠNG THƯƠNG LÁI
MỤ MỐI TÊN HÀM

*“Mối càng
vén tóc, bắt tay”
(ND)*

Ăn hàng. Quịt nợ. Tráo công
Mép môi tép nhẩy. Miệng mồm nhi nhô

Đứng đi (cười cợt) hồ đồ
Nói leo. Thừa hót. Hàm hồ. Hứng tung

Thay vì (buôn thúng) bán bưng
Mụ Hàm mối lái chia chung món lời

Đẩy đưa. Dắt khách. Chào mời
Thêm trên. Bớt dưới. Dậm lời. Giấu quanh

Mua tận ngọn. Bán cuối ngành
Cũng là (nghề nghiệp hôi tanh) gian tình

Khúc [131]

BĂNG NHÂN DẮT MỐI
ĐẨY ĐƯA LÒNG VÒNG

*“Đẩn đo,
cân sắc, cân tài”
(ND)*

Hết xem bóng. Lại coi hình
Đẩn đo. Cân nhắc. Trùng trình. Dây đưa

Kỳ kèo. Thêm bớt. Đu đưa
Gieo tiền bói quẻ. Nắng mưa chọn ngày

Rằng hay thì lắm điều hay
Nhưng vàng, nhưng bạc... thời nay khó tìm

Nhùng. Nhằng. So. Tính. Bớt. Thêm
Hồng hoa (một cánh bên thêm) treo cao

Gót son chưa động tơ hào
Cành vàng (nâng giá, rêu rao) chợ tình

[132]

GIÁM SINH (BẤT TIẾN)
TRẠC NGOẠI TỬ TUẦN

*“Mày râu nhẵn nhụi,
áo quần bảnh bao”
(ND)*

Nghe tin xe ngựa rập rình
Giám sinh (họ Mã cáo trình) xưng tên

Mày râu: Nhẵn. Áo, khăn: Lành
Bạc tiền rủng rỉnh. Tính danh kiêu kỳ

Xe song mã. Áo hồ cừu
Ra điều (lịch lãm, phong lưu) nhất miền

Tuổi chừng (bốn chục) trung niên

(Oái oăm chi lắm khuôn thiêng buộc ràng)

Tình ngang trái. Duyên bể bàng
Bâng khuâng. Tủi thẹn. Ngỡ ngang. Trầm ưu

Khúc [133]

THỬ TÀI CAO THẤP
ĐỀ THƠ, DẠO ĐÀN

*“Ép cung cầm nguyệt,
thử bài quạt thơ”
(ND)*

Quạt kim phiến. Khúc xuân cưu
Tay tiên (mực vẩy, gấm thêu) tài lừng

Hoa thần (tắm gội) mưa xuân
Cỏ đồng nhuộm nắng. Chim rừng hội vui

Khen rằng (bút mực) nguyên khôi
Nắn nò (muốn thử nghề chơi) đàn cầm

Khúc Hồng-Nhan-Oán nảo nùng
Bốn dây bảo rớt. Năm cung mưa dầm

(Máu khôn ngăn. Lệ khôn cầm
Hờn danh. Tủi phận. Xót thân. Tiếc đời)

Khúc [134]

GIÁM SINH KHAI DỐI
QUÊ QUÁN LÂM THANH

*“Hỏi quê, rằng:
huyện Lâm Thanh cũng gần”
(ND)*

Hỏi quê. Hỏi quán. Hỏi đường
Hỏi châu. Hỏi huyện. Hỏi phương. Hỏi nhà

Rằng quê (rằng quán) không xa
Lâm Thanh trực chỉ vài ba trắng rằm

Địa danh (nửa chữ) hẩn lằm
(Lâm Tri cùng với Lâm Thanh một vằn)

Tầm nguyên (bán tự) kinh nhân
Hoa trôi. Bèo giạt. Gian truân. Biệt ngàn

Tình, vạn dặm. Nẻo, thiên quan
Xa cha. Xa mẹ. Xa chàng. Xa em

Khúc [135]

BỐN TRĂM RƯỠI LẠNG
GIÁ CỦA TIẾT TRINH

*“Trăng già
độc địa làm sao”
(ND)*

Thời luân lạc. Buổi luân vong
Công dung ngôn hạnh giữa vòng lạnh hoang

Tam tông. Tứ đức. Nghiệt oan
Tấm thân tuyết bạch nghìn vàng rẻ ươn

Giá luân lý. Giá cương thường
(Vàng cân tứ đức. Bạc đương tam tông)

Giá tuyết trắng. Giá băng trong
Bốn trăm năm chục lượng ròng trao tay

Giá khổ nhục. Giá đọa đày
Quan tham lại những một bầy máu tanh

Khúc [136]

KHÚC KINH MỘNG GIÁC
GIẤC MƠ HẢI HÙNG

*“Giật mình còn tưởng
giọng ai oán hồn”
(Thanh Tâm Tài Nhân)*

Công đồ. Chuột xú. Dơi đêm
Nguyên đàn (tụ tập bên thềm) hôi tanh

Hồn ma (bóng quỷ) rành rành
Há mồm. Thè lưỡi. Nhe nanh. Cắn người

Quạ than. Cú rúc. Vượn cười
Tinh tinh kêu bạn. Đười ươi gọi bè

Bừng bùng (khí ngất) sương mê
Ba bên khói dậy. Bốn bề lửa reo

Vực sâu (muôn trượng) hiểm nghèo
Buông tay (nhắm mắt thân treo) giữa đường

Khúc [137]

NỘP BA TRĂM LẠNG
HỌ VƯƠNG ĐƯỢC THA

*“Tiền lưng đã có
việc gì chẳng xong”
(ND)*

Cao tay (tài nghệ) quan trường
Bói lông. Tìm vết. Lật lờng. Nhặt khoan

Trọng. Khinh. Phải. Quấy. Ngay. Gian
Xe tiền: trắng án. Mâm vàng: tái sanh

Một bày (công tặc) vô luân
Ăn dơ. Ở bẩn. Ngoặm càn. Nuốt tanh

Một phường (quan chức) lưu manh
Đè đầu (bóp cổ dân lành) nghệt hơi

Trời cao có thấu chẳng trời
Âm hồn ngựa quỷ dưỡng nuôi bạo thần

Khúc [138]

ĐỒNG TIỀN HỐI MẠI
THÓI ĐỜI ĐỎ ĐEN

*“Dù lòng
đổi trắng thay đen khó gì ”
(ND)*

Đồng tiền: Mua lộc. Mua ân
Mua danh. Mua tước. Mua quan. Mua quyền

Mua tình. Mua nghĩa. Mua duyên
Mua bè. Mua phái. Mua tiên. Mua thần

Phường cướp đất. Bọn hiếp dân
(Máu tanh. Xương nhót. Đờm vàng. Phân khô)

Một bầy (bán nước) nhi nhô
Ba que. Xỏ lá. Hàm hồ. Lớn gan

Phường một nước. Đám sâu dân
Lưu manh. Trí trá. Huênh hoang. Ngu đần

Khúc [139]

XIN LÀM NGHĨA TỬ
KIỀU LẠY CHUNG CÔNG

*“Gọi người Nghĩa Phụ
cho tròn nghĩa ân”
(VTV)*

Thiếu hăng sản. Dư hăng tâm
Một nhà ơn nghĩa Chung Công đã đầy

Tâm vốn thẳng. Lòng vốn ngay
Tính toán. Lo liệu. Mối mai. Đỡ đần

Chạy huyện quan. Gọi băng nhân

Đút trên (lót dưới). (Mọi đàng) êm xuôi

Cảm lòng trời. Động lòng người
Dù mai lưu lạc phương trời ghi ơn

Lạy hai lạy, xin làm con
Gọi người Nghĩa Phụ cho tròn nghĩa ân

Khúc [140]

ĐAU LÒNG TAN HỢP
VƯƠNG ỒNG LIỀU THÂN

*“Nỡ đày đoạ trẻ,
càng oan khốc già”
(ND)*

Sinh con: (Đứt ruột) nát thân
Nuôi con: (Tần tảo, tằm tang). Trắng đầu

Xa con: Muôn thắm, nghìn sầu
Mất con: (tim héo, gan nhàu). Máu đông

Vì ta đứt sợi chỉ hồng
Vì ta (ngang trái đau lòng) hợp tan

Vì ta trắng khuyết vố vàng
Vì ta (oan khuất lỡ làng) tình con

Vì ta làm gãy chữ đồng
Thôi thì (một thác cho tròn) đạo cha

Khúc [141]

VƯƠNG BÀ TỰ VẬN
ĐAU NỖI MẤT CON

*“Nuôi con
những ước về sau”
(ND)*

Nâng như trứng. Hứng như hoa
Bao năm (nứt thịt xẻ da) bọc đùm

Bao đêm (ấp ủ) thăm mừng
Tưởng đâu (ngọc bể vàng rùng) hiển vinh

Ai ngờ hiểu, nghĩa, trung, trinh
Một giây (sụp đổ thành lình) như không

Ai ngờ (bèo giạt) theo dòng
Chảy xuôi (con nước long đong) thác ghềnh

Trớ trêu (mệnh số) âu đành
Đập đầu vách đá. Lạnh tanh xác hồn

Khúc [142]

GỎI CHÀNG LƯU BÚT
TRAO VÂN LỜI THỀ

*“Chiếc vòng
với bức tờ mây”
(ND)*

Khúc kinh mộng. Tờ tiên hồng
Gởi chàng (lưu bút quặn lòng) ra đi

Hận vì tử, biệt, sinh, ly
Tiếc vì (xuyến ngọc, quạt quì) lỡ trao

Hiên lãm thủy. Gác quỳnh dao
Lời thề chưa dứt. Môi trao chưa tàn

Gởi Vân khăn thệ, xuyến vàng
Nhờ em (chấp hộ đôi đành) nhân duyên

Lò trầm quỳên. Phấn hương nguyên
Mệnh phần dang dở. Thuyền quỳên thấn thờ

Khúc [143]

PHÚT GIÂY QUYẾT ĐỊNH
KIỀU SOẠN HÔN THƯ

*“Cũng liều
nhắm mắt đưa chân”
(ND)*

Kiều nghiêng tóc xoắn đôi bờ
Tay tiên dầm mực viết tờ hôn thư

Rằng tôi (phận gái) nữ nhi
Rằng người vu hãm tội gì chưa mình

Bốn trăm rưỡi lượng bán mình
Chuộc cha (khỏi đáu tụng đình) một mai

Chuộc em khỏi nát hình hài
Sẽ theo họ Mã thiên nhai đất người

Phận tiểu thiếp, cam ý trời
Tay run loạn bút. Tâm bời cuồng phong

Khúc [144]

CẢ NHÀ NUỐT HẬN
ĐỒNG KÝ HÔN THƯ

*“Thôi thì mặt khuất,
chẳng thà lòng đau”
(ND)*

Lửa đốt ruột. Muối xát lòng
Vương ông (nước mắt lưng tròng) rã riêng

Cấn răng. (Ấm hận). Nuốt phiền
Vương Quan, bà Hạ, tiếp liền Thuý Vân

Ông mai bà mối ký dần
Tiền trao cháo múc bằng nhân giao vàng

Bàng hoàng. (Sầu tủi). Hoang mang
Phút giây lâm biệt ngựa ngang khóc ròng

Tiến người lên kiệu phụng long
Chiếc xe song mã ruỗi rong dặm chiều

Khúc [145]

KIỀU VỀ QUÁN TRỢ
MỘT ĐÊM TRÚ PHƯỜNG

*“Ngập ngừng,
thẹn lức e hồng”
(ND)*

Bốn bên tường vách tiêu điều
Nhóp. Nhơ. Bẩn. Nhục. Buông. Liều. Ngổn. Ngang

Thân lá ngọc. Phận cành vàng
Dòng dòng máu đỏ. Hàng hàng lệ châu

Mang tủi nhục. Gánh ưu sầu
Đau từng sợi tóc tuổi đầu mười lăm

Vườn khuya (khách điểm) tối tăm
Đế than. Gió rít. Sương giăng. Trăng mù

Màn đêm (quánh đục) thâm u
Nỗi (thân phận) ghẹo. Nỗi (tù ngục) trên

Khúc [146]

CÁI ĐÊM HÔM ẤY
VỮA ĐOÁ TRÀ MI

*“Con ong đã tỏ
đường đi lối về”
(ND)*

Trăng chênh chếch. Gió hiu hiu
Kiều bung tóc mượt chắt chiu những ngày

Nhục bầm (đánh mất) thơ ngây

Đường ong. Dấu bướm. Hoa gầy. Nhụy hoen

Má ấp gối. Lệ ướt khăn
Tắm thân (tuyết bạch trinh băng) rã rời

Ngực trần. (Áo hở). Vai phơi
Nhô nhô gò nõng. Vời vời suối khe

Dường như tỉnh. Đường như mê
Chân dài da nõn. Xiêm nghề máu hồng

Khúc [147]

NÀI KIẾN CUỒNG THƯ'
[CHÍN KHÚC LỖ LÀNG]

*“Sơn hữu phù tô.
Tháp hữu hà hoa”
(Kính Thi)*

Vô duyên gặp kẻ điên cuồng
Dở người. Dở ngợm. Dở muông. Dở cầm

Đứng. Đi. Ăn. Nói. Ngồi. Nằm
Nửa thầy. Nửa tớ. Nửa thằng. Nửa ông

Vô đạo lý. Phi luân thường
Trơ trơ nét bọm. Chường chường tánh nông

Chó hoang. Mèo mả. Gà đồng
Mánh mung. Dứt lác. Nghênh nông. Xiên quàng

Tâm xà. Dạ quỷ. Lòng lang
Tính toan bất chính. Hành tàng bất lương

Khúc [148]

HẬN THÂN NHỚ NHỚP
KIỀU TÍNH LIỀU THÂN

“Cầm dao nàng đã

toan bài quyên sinh”
(ND)

Mưa rơi. Bão rút. Gió giần
Đài xanh rã rụng. Nhụy vàng trụi trơ

Rút dao toan dứt cuộc cờ
Ngại vì (hiếu, phục, tóc, tơ) chưa liều

Đau bao nhiêu. Nhục bấy nhiêu
Một đời sống đục bằng chiều thác trong

Nhuốc nhơ (tủi phận) má hồng
Tiếc công (giữ ngọc gìn vàng) bấy lâu

Mai sau nhớ buổi ban đầu
Sương chùng quạnh vắng. Trăng nhàu quạnh hiu

Khúc [149]

NHỊ ĐÀO THÀ BỀ
CHO NGƯỜI TÌNH CHUNG

*“Biết thân
đến nước lạc loài”*
(ND)

Đã liều, (sau trước) đành liều
Đã hư, (nhắm mắt từ chiều) vàng trao

Biết thân (hoa lạc) sóng dào
Cành dương thà bề. Nhị đào thà dâng

Trước sau. (Đành mất). Một lần
Hoa khai phong nhụy. Trăng rằm tròn gương

Một lần thương. Vạn lần thương
Một lần. (Sen lấm bùn vương). Một lần

Hoặc thân (trong ngọc) trắng ngần
Thà duyên (bể ái cõi trần) vui chôn

Khúc [150]

TÍNH TOAN BẤT CHÍNH
GÃ MÃ GIÁM SINH

*“Về đây
nước trước bể hoa”
(ND)*

Lòng heo. Dạ chó. Thói chồn
Lật lờng nét đất. Dâm bôn tính người

Ăn xổi ngon. Ở xu thời
Lợn lòi tung quẻ. Đười ươi dở trò

Mánh mung. Đều cáng. Thập thò
Mày dày tráo trở. Mặt mo lọc lừa

Miệng cười (môi lệch) răng thừa
Nói năng (thêm, bớt, thiếu, thừa) vô căn

Bất lương. Bất chính. Bất đoan
Tâm cơ phản phúc. Tâm can phản loạn

Khúc [151]

THÁI ĐỘ DỨT LÁC
THẦY TRÒ GIÁM SINH

*“Khi vào dùng dẳng,
khi ra vội vàng”
(ND)*

Một bày chủ tứ lộn hàng
Cá mè (một lúra). (Đồng sàng) một trương

Khi ăn (khi nói) lật lờng
Khi ngồi khi đứng mối giường so le

Choàng vai. Bá cổ. Cặp kè
Một bày vô lại, hành nghề vô lương

Ma cô (đĩ bợm) chung phường
Mua đi (bán lại phần hương) chợ trời

Hôn. Mê. Dâm. Loạn. Lả. Lơi
Đâm anh. Chém chú. Lừa thầy. Phản cha

Khúc [152]

KIỀU NGHI HỌ MÃ
KỂ VỚI VƯƠNG BÀ

*“Ngắm ra cho kỹ
như hình con buôn”
(ND)*

Nghiệt oan mắc lận bợm già
(Khôn ranh. Đều cáng. Dâm tà. Bất lương)

Lao nhao (chủ tớ) lộn phường
(Đánh thuê. Chửi mướn. Khoa trương. Ganh tài)

Làm văn. Làm báo. Làm đài
Quịt công. Lừa nợ. Ăn vay. Góp lời

Tâng công. (Bợ đỡ). Xu thời
Nhạy mũi xú ướ. Bén hơi tanh đồng

Chèn của riêng. Cắp của công
Trơ lì. Trân tráo. Nghênh ngông. Ngây phiền

Khúc [153]

VƯƠNG ÔNG MỞ TIỆC
TIẾN HÀNH ĐƯA THEO

*“Vài tuần
chưa cạn chén khuyên”
(ND)*

Tiểu đình (vừa cạn) chén khuyên

Trúc ti ai oán dệt thiên tuyệt tình

Thân lưu lạc. Phận lưu linh
Bánh xe (rong ruổi đường trình) dặm khơi

Đường dài. Ngựa mỏi. Cương lời
Trăng lên phố nọ. Sao dờn phố kia

Phút giây (lâm biệt) cách chia
Đông tây (đôi ngã phân lìa) sấm thương

Tâm một lối. Tình một phương
Tình anh héo hắt. Can trường héo hon

Khúc [154]

NƯỚC MẮT LÂM BIỆT
GIẤY PHÚT CHIA TAY

*“Lệ rơi thấm đá
tơ chia rũ tằm”
(ND)*

Đón đau này, đứt ruột gan
Xót xa này, bứt can tràng ra đi

Ngậm ngùi nào, so biệt ly
Xót xa nào, sánh sầu bi đoạn trường

Bể dâu. Thống hận. Bi thương
Một đi, một xót. Một dừng, một đau

Một vùng (cỏ úa) ngàn lau
Dặm xa (hiu hắt ngọn dâu) rũ tàn

Lệ mờ (chong mắt) quan san
Đầm đĩa xe ngọc. Chứa chan trướng quỳnh

Khúc [155]

VƯƠNG ÔNG GỠI GẮM

GIÁM SINH HỨA LIỀU

*“Tuyết sương che chở
cho thân cát đằng”
(ND)*

Lệ rơi (mấy dăm) đoản đình
Ướt khăn ly biệt. Đắm tình ly bôi

Thế là xong. Thế thì thôi
Nghìn năm (trọn kiếp nổi trôi) lạc loài

Ông rằng: Liễu rữ đào phơi
Từ nay (góc biển chân trời) phó trao

Sinh rằng: Còn có trời cao
Tắm thân (chùm gởi, nhị đào) xuân tiên

Nắng mưa (thui thui) một miền
Bóng tùng che chở. Mái hiên ngó ngang

Khúc [156]

GIÁM SINH THỀ THÓT
BAO BỘC THUYẾT KIỀU

*“Kìa gương nhật nguyệt,
nợ dao quỷ thần”
(ND)*

Uốn môi (thề thốt) dối gian
Rằng duyên (chồng vợ xích thẳng) sơn keo

Trên đầu nhật nguyệt còn theo
Nếu ăn ở bạc dây treo cột rường

Khung trời (kim cổ) soi gương
Voi dầy. Ngựa xé. Tan xương. Nát mình

Thần Hoàng (Thổ Địa) cao minh
Ăn gian thề dối yêu tình đạo đầy

Trời cao (còn có) đất dày
(Mười năm. Thoáng chốc. Xảy ngay. Nhãn tiền)

Khúc [157]

TIỀN NHAU MƯỜI DẶM
RƯỢU ĐẮNG TRƯỜNG ĐÌNH

*“Sống gọi đất khách,
thác chôn quê người”
(ND)*

Tiền con (mười dặm) trường đình
Rượu thơm hoá đắng. Lời tình hoá cay

Xác xơ hoa cỏ phơi bày
Suối, gò, cồn, bãi chau mày gió đưa

Lệ đầm (lả chả) tuôn mưa
Lạy nhau từ biệt chưa vừa luyến lưu

Nhớ thương. (Chồng chất). Oán cừu
Bâng khuâng sương tụ. Tiêu điều mây trôi

Bánh xe (song mã) bồi hồi
Đường thung lìa xứ. Dặm đời vu quy

Khúc [158]

BƯỚC ĐẦU LƯU LẠC
ĐƯỜNG VỀ LÂM TRUY

*“Bạc phau cầu giá,
đen rằm ngàn mây”
(ND)*

Vó cuồng (gió thốc) Lâm Truy
Nắng mưa thui thui. Đường đi một mình

Từ đêm (tỏ mặt) gian tình
Chua cay đành uống. Kiên trinh đành liều

Đường chiều (sương rớt) hắt hiu
Dặm khuya (vó rưng tiêu điều) lách lau

Bụi quầng (vó soãi) ruổi mau
Bạc phau cát sỏi. Nhặt nhàu phấn son

Bên đường (hoa cỏ) héo hon
Chán chường. Ngao ngán. Bàng hoàng. Hắt hiu

Khúc [159]

KIỀU LẦM NỬA CHỮ
LÂM THANH NHẬP NHẰNG

*“Khác nhau một chữ,
hoạ khi có lầm”
(ND)*

Bụi hồng (cuộn nẻo) Lâm Truy
Rã ròng. (Nguyên thán đường đi). Gập ghềnh

Tưởng rằng (về chốn) Lâm Thanh
Ai ngờ (nửa chữ, tan tành) ước mơ

Từ nay (son phấn) bơ phờ
Mất khô (lệ ngấn trang thơ) bụi hần

Chân trời (rừng mộng) mây giăng
Dặm đường quan tái mưa dằng dặc rơi

Lầm nhau (nửa chữ) một đời
Nước trôi sớm nắng. Hoa rơi muộn chiều

Khúc [160]

BƯỚC ĐƯỜNG LUÂN LẠC
LÒNG GỞI LIÊU DƯƠNG

*“Góc trời thăm thẳm,
ngày ngày dăm dăm”*

(ND)

Trót lằm (nửa chữ) gian điều
Lỡ vì (âm vận từ chiều) tỉnh mơ

Trăng tròn tự buổi nguyên sơ
Tấm lòng chung thủy xin nhờ gió đưa

Sương (ngấn) sớm. Mây (mù) trưa
Tiếng chim (hát tiền mùa mưa) ngâu buồn

Bổng dưng (dòng suối) lệ tuôn
Liêu Dương cách trở ngọn nguồn vì đâu

Yêu từ (vườn trở) hoa cau
Người về (đợi ở giang đầu) hay chưa

Khúc [161]

NHÌN VÀNG NGUYỆT TỔ
THẸN LỜI NGUYỄN XƯA

*“Thấy trăng mà thẹn
những lời non sông”
(ND)*

Ngại ngừng (cữ gió) tuần mưa
Nhìn trăng vàng vặc thẹn chưa đáp đền

Mảnh khăn (ngày ấy) ướt đầm
Bức tiên thề nọ buổi thắm thì trao

Giọt sương (nước mắt) thấm vào
Quan san buốt lạnh. Má đào pha phôi

Trăng rằm (tự xẻ) làm đôi
Nửa in phòng thiếp. Nửa soi dặm chàng

Chập chờn (hương nguyệt) chưa tan
Hồng đơn. (Nguyệt thệ đã tàn). Mộng xanh

Khúc [162]

LẦU XANH NGƯNG BÍCH
HÀNH VIỆN LÂM TRUY

*“Xôn xao oanh yến,
dập dìu trúc mai”
(ND)*

Sạch. Nhơ. Trong. Đục. Nguyên. Lành
Tám thân (ngọc lá, vàng cành) đa đoan

Khoá xuân. Treo giá. Kén hàng
Bầy gian sắp sẵn, ẩn tàng đáy khơi

Thuyền tách bến. Buồm chơi vơi
Lối hoa (ong bướm kêu mời) đông đưa

Vòm xanh (Ngưng Bích) mây thưa
Cối trần (tám hướng, bốn mùa) danh lam

Khuê môn (khép cổng) treo vàng
Bắc, Tây sông núi. Đông, Nam biển trời

Khúc [163]

THUÝ KIỀU NGƠ NGÁC
LỜI KHẨN TÚ BÀ

*“Đêm đêm hàn thực,
ngày ngày nguyên tiêu”
(ND)*

Thấp nhang. Van vái. Ướm lời
Tiền rừng. Bạc bể. Lộc trời. Phước tiên

Dập dìu (xe ngựa) trước hiên
Trung thu. Hàn thực. Nguyên tiêu. Đêm rằm

Khẩn cho duyên quện tơ tằm
Vương tôn công tử xa gần biết tên

Người người (biết mặt) yêu thêm
Ngày ngày nhắn gởi. Đêm đêm hẹn hò

Tiên trà. Thánh rượu. Thần thơ
Xuân đào đặc ý. Xuân tơ được mùa

Khúc [164]

CHÂN DUNG ĐÍCH THỰC
MỤ TÚ BUÔN HƯƠNG

*“Ăn gì to lớn
đầy đà làm sao”
(ND)*

Dã dề. Mời mọc. Đón đưa
Ngọt ngào đầu lưỡi. Chát chua đáy lòng

Dày, mảy cứt. Dạn, mặt đồng
Phấn hương (mua bán ngoài vòng) chính danh

Mua tận ngon. Bán tận ngành
Đầu tư (vào gái nhà lành) sảy chân

Già nghề. Tráo đấu. Lường lường
Lừa công, quẹt nợ độ chừng quen tay

Mặt trơ. Trán bóng. Má dày
Mở ngôi hành viện từ ngày tàn xuân

Khúc [165]

MỐI DÂY LIÊN HỆ
TÚ BÀ, MÃ QUY

*“Mặt cửa mướp đấng
đôi bên một phường”
(ND)*

Một phường (mặn muối) chua chanh
Lặt lường. Phản phúc. Đành hanh. Lộn sòng

Lanh mưa (hai xác) một lòng
Công lao hùn hạp. Tiền nong chia đều

Luyện ngải sống. Chuốc bùa yêu
Buôn hương bán phấn ăn tiêu qua ngày

Mập mờ (tráo trở) xưa nay
Giả danh nạp thiếp. Đặt bày nghinh hôn

Về xây hành viện bán tròn
Mãi lương (vi tiện). Nghinh hôn (kịch màn)

Khúc [166]

ÔNG THẦN MÀY TRẮNG
VÀ GÁI LÀNG CHƠI

*“Nghề này
thì lấy ông này tiên sư”
(ND)*

Thân nhụy héo. Phận hoa tàn
Chập chùng ong bướm. Lỡ làng gió khơi

Gái giang hồ. Khách làng chơi
Xôn xao đưa mối. Lả lơi chào hàng

Trên cao (hương án) đèn nhang
Một pho tượng nổi, hành tàng oai nghi

Tổ hộ mạng: Thần Bạch Mi
Tựa quan (Thánh Đế Đình Uy) trắng mày

Khói nghi ngút. Hương quyện bay
Bạch mao. Bạch phát. Bạch thầy. Bạch ông

Khúc [167]

TÚ BÀ DỠ NGÓN
THỊ UY PHỦ ĐẦU

*“Nhập gia
phải cứ phép nhà tao đây”
(ND)*

Điều ngoa. Kênh kiêu. Nạ dòng
Phun lời thô tục. Xiết vòng rĩ hoen

Ngôn hành (tôm cá) vốn quen
Hỉ. Nộ. Ái. Ố. Ngu. Hèn. Sân. Si

Mụ Tú Bà. Gã Mã Quy
Đôi bên. (Bất nghĩa, vô nghi). Một phe

Ngọt ngào. (Dụ dỗ). Hăm he
Tam bành. Lục tặc. Búa đe. Roi đòn

Nghiến răng. Trừng mắt. Cười dòn
Mặt đánh. Mày đá. Trợn tròn. Vung tay

Khúc [168]

TÚ BÀ TÀN ĐỘC
HÀNH HẠ THUÝ KIỀU

*“Chập bì tiên
rấp sấn vào ra tay”
(ND)*

Lời (trước) ngọt. Ý (sau) cay
Một đàn (chủ tớ mày dầy) mặt mo

Bạo hành (quen thói) dở trò
Hốt nhiên thịt đỏ. Sững sờ máu đen

Thị tỳ (vâng dạ) lảng xãng
Tìm roi. Kiếm gậy. Hung hăng. Tung đòn

Thịt rơi. Máu chảy. Da sồn
Lột quần. (Xé áo. Trống trơn). Trần truồng

Cạo đầu. Gọt tóc. Bôi sơn

Roi ngang gây dọc lạc hồn mấy phen

Khúc [169]

THUÝ KIỀU TOAN TÍNH
TRỐN NỢ ĐOẠN TRƯỜNG

*“Sẵn dao tay áo
tức thì dờ ra”
(ND)*

Tình đã mất. Thân lỗ hoen
Cành đào gló dập. Ngó sen bùn vầy

Tiết không vẹn. Nghĩa chưa đầy
Thì thôi (một nhát dao này) giải oan

Vung tay. (Cửa cổ). Máu tràn
Ngà rơi. Trầm rớt. Vàng tan. Ngọc chìm

Xiêu hồn. Lạc phách. Kinh thiên
Gia nhân thất sắc. Xóm giếng xôn xao

Tường đầu (đội sổ) Nam Tào
(Mãi lương vi tiện, thân hào cáo quan)

Khúc [170]

VUNG DAO ĐỊNH MỆNH
GỠ BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

*“Một dao oan nghiệt
dứt dây phong trần”
(ND)*

Thà chết vinh, hơn sống hèn
Rút dao. (Ánh thép ngọt phăng). Ngang mảy

Dường phiêu hốt. Đường tỉnh say
Nghiệp thân (quyết dứt đặng cay) một lần

Phủ tay (vỗ nợ) hồng trần
Dứt dây oan nghiệt thoát vòng bợn nhơ

Trốn đời. (Thoát tục). Tránh nhơ
Còn ai. (Đưa. Đón. Mong. Chờ). Ai đâu

Thân tầm toan trốn nợ dâu
Hồn mai (phách quế âu sầu) hoá thân

Khúc [171]

ĐẠM TIỀN BÁO MỘNG
BẢN ÁN TIỀN ĐƯỜNG

*“Sông Tiền Đường
sẽ hẹn hò về sau”
(ND)*

Mưa rơi. Gió cuộn. Mây quàng
Đạm Nương (ẩn hiện, sáng ngàn) mặt hoa

Mười lăm năm nữa không xa
Tiền Đường (bến hẹn vớt hoa) gom bè

Nhân sinh (còn lắm) dốc đèo
Đoạn trường (chưa dứt cheo leo) thác ghềnh

Rượu ngon (cùng nhấp) vài tuần
Tiền Đường (sóng nước tà huân) ảo huyền

Ghi tâm (khắc cốt) lời nguyên
Nghịet oan. (Đeo đuổi thuyền duyên). Cơ trần

[172]

TÚ BÀ TRÁ THUẬT
NGON NGỌT DỄ DÀNH

*“Khoá buồng xuân
để đợi ngày đào non”
(ND)*

Tiến một bước. Lùi nửa phân
Ung dung xuất thủ. Âm thầm tung chiêu

Sợ mất vốn. Ngại nước liều
Thôi đành ần nhẫn đợi triều hanh thông

Tú Bà sợ nạn mang gông
Hãm liệt vì xướng tội chồng chất thêm

Phòng loan (nệm ấm) chần êm
Sớm hôm sẵn sóc. Ngày đêm chực hầu

Bãi xanh (Ngưng Bích) biệt lâu
Mộng hoang từng chấp. Giác mầu đôi phen

Khúc [173]

TÚ BÀ THỀ ĐỘC
MUA CHÚT LÒNG TIN

*“Trên đầu
có bóng mặt trời rạng soi”
(ND)*

Thề lưởi mối. Há miệng lần
(Thề gian. Thề dối. Thề nhăng. Thề càn)

Mai sau tráo trở đôi đàng
Gươm đâm. Búa chém. Dao phang. Ngựa giày

Rằng nay (nắn ná) đợi ngày
Vương tôn, công tử rước ngay về hầu

Chọn (hộ) đôi. Lựa (môn) đăng
Mốt mai (phận lẻ cát đẳng) ắm thân

Chờ công khanh. Đợi đông sàng
Gởi thân bồ liễu lầu vàng ngọc cung

Khúc [174]

DỠ DANG PHẬN HẸM
MƯỜI KHÚC BẮT GIAI

*“Thập bắt giai.
Thập bắt giai”
(Thanh Tâm Tài Nhân)*

Giữ xanh cho đến vô cùng
Nhốt xuân bắt tận trong cung ngọc ngà

Lầu Ngưng Bích. Điện Hằng Nga
Bốn bên (cầm tú giang hà) nhung rêu

Vung tay (vẩy bút) gấm thêu
Mười vắn (dang dở, tiêu điều) nét nghiêng

Lời thề (chưa khép) môi tiên
Chén thề (chưa cạn nỗi niềm) trắng soi

Cắn răng (gạt lệ) u hoài
Họa tai (thác trút từ trời) cuốn theo

Khúc [175]

NGUÔI NGOAI, KHUÂY KHOẢ
KIỀU GẶP SỞ KHANH

*“Hình dong chải chuốt,
áo khăn dịu dàng”
(ND)*

Rèm buông. Tơ rụng. Châu gieo
Nghe dầm (khuấy nước), (thuyền neo) bến ngoài

Sở Khanh (ngượng miệng) ướm lời
Vung tay hảo hán cứu người gian truân

Ra điều (ngọc bội) kinh luân
Ra điều (chữ nghĩa, áo khăn) chỉnh tề

Kiều từ khép cửa song the

Tắm thân thật có đâu dè là đây

Khuôn xanh còn để có ngày
Nông sâu. (Ai biết. Ai hay). Ngọn nguồn

Khúc [176]

ĐƯỜNG CÙNG HOẠN NẠN
NHỜ CẬY SỞ KHANH

*“Bạc tình
nổi tiếng lâu xanh”
(ND)*

Thoạt nhìn cũng mạch thư hương
Cũng dòng thi phú. Cũng phường cân đai

Gái quốc sắc lụy trai tài
Tin qua (thư lại đôi bài) nhấn nhẹ

Bên ngoài (cũi sắt) rèm the
Quyết đem đảm lược dẹp bè bức nhân

Nghiệt oan. Uất hận. Trầm luân
Dang chân đạp ngã đất bằng như chơi

Thề non (hẹn biển) xa vời
Mai sau bội bạc ngựa trời phanh thân

Khúc [177]

SỞ KHANH TRÍ TRÁ
THỀ THỐT HUỆNH HOANG

*“Thuyền duyên
ví biết anh hùng”
(ND)*

Rằng ta (dưới trướng) có quân
Vốn dòng thế phiệt, vương thần, huân công

Thương sắc nước. Tiếc hương xuân
Ra tay (tháo củi sổ lồng) cứu nhau

Huênh hoang. Khoác lác. Khoe màu
Khoa môi. Múa mép. Tự hào. Vung tay

Lời ngon (dỗ ngọt) đã đầy
(Có ai biết rõ rằng mây mấy tầng)

Cầm bằng (bước hụt) sảy chân
Trời nghiêng. Đất lệch. Biển dâng. Sóng chồng

Khúc [178]

TÚ BÀ BÀY KẾ
SỞ KHANH THI HÀNH

*“Đà đao
lập sẵn chước dùng
(ND)*

Hai bên (một cốt) một đồng
Bên tung. Bên hứng. Bên tròn. Bên lồi

Bên thả câu. Bên nhử mồi
Làm cho: Nhục, nhả, tanh, hôi, đốn, hèn

Làm cho (biết phép) một phen
Làm cho (cao, thấp, trắng, đen) rõ bày

Làm cho (cong vạy) hoá ngay
Làm cho (đêm tối hoá ngày) nắng chang

Đã dang dở. Cho dở dang
Trớ trêu. Điều đứng. Trái ngang. Kinh thần

Khúc [179]

SỞ, KIỀU HÒ HẸN
TRỐN KHỎI LẦU XANH

*“Đêm thâu
khắc vội canh tàn
(ND)*

Bâng khuâng (trăng ngậm) sương ngàn
Đánh liều. (Khắc vội. Canh tàn). Ra đi

Rừng khuya (lá trút) xầm xì
Âm ty rợn gáy. A tỳ sờn da

Nhúng chân vào cỏi ta bà
Trăng chênh. Gió thốc. Sương sa. Mây lồng

Cuối thu (băng giáng) tê hồn
Lạnh run xiêm váy. Lạnh cồn thịt da

Xuống lầu. Lên ngựa. Bôn ba
Kẻ sau người trước dò la tìm đường

Khúc [180]

THUÝ KIỀU VƯỞNG BÃY
TÚ BÀ MƯU GIĂNG

*“Dặm rừng
bước thấp bước cao hỡi hùng”
(ND)*

Sương khuya (ngọn cỏ) gió vờn
Nén hơi. Nín thở. Máu dồn. Nhịp trơ

Thịt phơi. (Máu nhuộm). Xương khô
Tính toán hiểm độc. Mưu cơ khó lường

Thả ra (bắt lại) như không
Mối dây (oan nghiệt thắt vòng) nịch nhân

Nợ phong trần. Lãi phong trần
Số thanh cao, (chưa dự) phần thanh cao

Rồi đây xương thấm máu đào
Từ đây (thôi đã lọt vào) mê tơi

Khúc [181]

SỞ KHANH TRÁO TRỞ
TÚ BÀ MANH TÂM

*“Uốn lưng thịt đỏ
dập đầu máu sa”
(ND)*

Nào hay (tâm địa) con người
Nào ngờ (sấm sét đất trời) ngựa nghiêng

Roi da. (Một cặp). Bì tiên
Tóc dài phơi sọ. Da liền phơi xương

Cành vàng (lá ngọc) như tương
Còn đâu (bụi phấn, làn hương) những ngày

Tấm nhan sắc hoá bùn lầy
Một trăm roi chấn máu nhầy nhựa tanh

Cấn răng thắm gọi trời xanh
Xót thương. (Cổ nội hoa hèn). Đục trong

Khúc [182]

MÃ KIỀU TỐT BỤNG
KỶ TỶ BẢO ĐOAN

*“Xót nàng nên mới
đánh liều chịu đoan”
(ND)*

Tiết trinh thôi hết đèo bông
Dấu thân (lá ngọc cành vàng) đành buông

Trợn trừng mắt. Sủi bọt mồm
Lóng tay (mười ngón giọt ròng) máu sa

Hạ từ (kèo cột) nóc nhà

Chết đi sống lại lệ pha sắc hồng

Mối dây (oan nghiệt) vướng tròn
Cũng đành (lăn lộn trong vòng) bụi nhơ

Cung chiêu (cùng ký) một tờ
Chung tên (thảo một bức thơ) tỏ lòng

Khúc [183]

LẬT LƯỜNG, TRỞ MẶT
BẢN CHẤT SỞ KHANH

*“Một tay
chôn biết mấy cành phù dung”
(ND)*

Lầu xanh (nổi tiếng) lộn sòng
Lời tình đường mật. Bướm ong lượn vờn

Dối gian. (Thề thốt). Chập chờn
Điều ngoa uốn ươi. Bông lợn nuốt lời

Đã đành bèo giạt hoa trôi
Bấy gian tráo trở. Trò đời đành hanh

Phòng loan (chăn chiếu) một lần
Hận vì (tắc dạ chân thành) tin nhau

Đã đau. (Lầm lỡ). Càng đau
Bình minh. Sớm nhuộm thắm màu. Hoàng hôn

Khúc [184]

KIỀU ĐANG DƯỠNG BỊNH
MỤ TÚ ƯỚM LỜI

*“Con ơi
học lấy nằm lòng”
(ND)*

Kiều nằm (xoả tóc) trầm thơm
Mắt môi sóng gợn. Da đơm ý ngần

Rượu hâm nóng, ướp nụ ngân
(Hồng hoa. Tô mộc. Tam lãng. Nhân đào)

Phòng hương mụ Tú ra vào
Hỏi han. Khuyên nhủ. Mời chào. Đãi bồi

Đổi tên. Đổi họ. Đổi đời
Nghề hay. Nghiệp mới. Làng chơi. Vỡ lòng

Tập tành (ngôn ngữ) khuê phòng
Tống tình. Liếc mắt. Lộn sòng. Lả lơi

Khúc [185]

ÉP KIỀU TIẾP KHÁCH
TÚ BÀ KHUYÊN LỚN

*“Người ta
ai mất tiền hoài đến đây”
(ND)*

Thần mày trắng. Ả làng chơi
Yên hoa (ế ẩm xiêm phơi) váy bà

Ép đêm (rồi lại) dỡ ngày
Hương rây. Phấn rắc. Nhụy vầy. Hoa si

Mọc mời (rời rã) mắt mi
Sắc thanh khép mở. Trúc ty bỗng trầm

Khách biên đình. Tướng biên lân
Mua vui mượn rượu. Bán danh vay tình

Gió khuya (trầm loãng) tửu đình
Thấp hương. Nổi sáp. Nghiêng bình. Rót trắng

Khúc [186]

OÁI OẢM, CAY NGHIỆT
BÀI HỌC VỠ LÒNG

*“Nỗi đêm khép mở
nỗi ngày riêng chung”
(ND)*

Xót mình (trắng tuyết) tươi bằng
Vỡ lòng (học ngón gió trắng) đã dề

Ngoài, bảy chữ. Trong, tám nghề
(Má xuân. Tay hạ. Môi hè. Ngực thu)

Đầu mảy (cuối mắt) mây mưa
Bước đi dáng đứng se sua gót vàng

Trải tình thiếp. Khêu lòng chàng
Uốn thân. Khép mở. Dâm loạn. Mời rao

Tóc vai (quỳnh mơn) xuân đào
Đôi chân huyền diệu trôi vào động hương

Khúc [187]

VÀNH NGOÀI BẢY CHỮ
NGÓN NGHỀ BUỒN HƯƠNG

*“Cho lẫn lóc đá
cho mê mẩn đời”
(ND)*

Mọc mòi (lũ bướm) đàn ong
Trau (ngoài) bảy chữ. Luyện (trong) tám nghề

Thuộc lòng (trá thuật) gian điều
Khấp. Tiến. Thích. Giá. Tử. Thiêu. Tẩu. Liều

Hương phai (phấn nhạt) hăm hiu
Sống cuồng. Yêu vội. Xuôi chiều. Dâm ôn

Đêm bắt bóng. Ngày nhiếp hồn
Nồng nàn hoa lạc. Dập dồn hoa rơi

Phấn son (đơn đả) chào mời
Sao cho (si, đại, rã, bời) sớm khuya

Khúc [188]

LUYỆN CAO TAY ẨN
VÀNH TRONG TÁM NGHỀ

*“Nghề chơi
cũng lắm công phu”
(ND)*

Công phu (chằm thương) đương mùa
Khốc. Siêu. Tiến. Thích... chuốc bùa cao tay

Tình trường: Giá, tử, huý, say
Thốt thề. Nũng nịu. Chua cay. Mật đường

Xe tơ. Kết tóc. Ươm hương
(Khẩu soạn tam trật. Suy hồn toả tâm)

Nhiếp thần. Siễn thoả. Mật thắm
(Thôi hoa kích cổ. Đả màn khinh xao)

Kim liên (song toả) nhụy đào
Kỳ cô đại triển. Tả giao hữu trì

Khúc [189]

ÁP DỤNG NHUẦN NHUYỄN
BẢY CHỮ TÁM NGHỀ

*“Đủ ngàn ấy nét
mới là người soi”
(ND)*

Lẳng lơ. Ngả ngớn. Đam mê
Xiêm bung. Váy lộng. Môi trề. Mắt đưa

Nghê thường. Vân vũ. Mây mưa

Uốn thân nguyệt động sớm trưa xế chiều

Lỡ liễu (nước chót) đành liễu
[Một lần (sau, trước, hắt, hiu) xuân tàn]

Hương trầm. Nhã nhạc. Phòng loan
Rượu khuya. Trà sớm. Cờ bàn. Thơ trao

Hở hang. Lơ lửng. Cột chào
Tóc (sông xuân) sớm. Mắt (ao thu) chiều

Khúc [190]

KIỀU ĐÀNH TIẾP KHÁCH
NHẮM MẮT ĐƯA CHÂN

*“Đến phong trần
cũng phong trần như ai”
(ND)*

Dặt dùi (khuya sớm) trúc tiêu
Miệng thơm sữa ngọt. Môi chiêu rượu nồng

Ong lời. (Bướm lả). Gió lồng
Xiêm phôi. Lụa phát. Váy bông. Phấn hong

Tám nghề (bảy chữ) luyện xong
Hở hang. Cột nhả. Nỉ non. Âu sầu

Bùa mê. Thuốc lú. Ngải trau
Rước người (cửa trước). (Cửa sau) tiễn người

Tới lui. Sầm sỡ. Cột cười
Vương tôn công tử bén mùi phấn hương

Khúc [191]

LÀU XUÂN NGƯNG BÍCH
TÂM SỰ NGỒN NGANG

“Vui là

*vui gượng kẻo mà”
(ND)*

Tóc dày gió. Vai dạn sương
Sợ mai. (Bướm chán, ong chường). Tủi thân

Buồng khuê (cửa các) trắng ngần
Sa chân. Sẩy bước. Phong trần. Lạc quê

Rượu khuya (trà sớm) ê chề
Cơn say rồi tóc. Cơn mê lắm đầu

Thương cha (nhớ mẹ) dãi dầu
Thương em đứt ruột tơ nhàu hoa rơi

Phận mình (lữ t khách) bèo trôi
Thương người tình lỡ. Hận đời gió đưa

Khúc [192]

SONG THÂN VÒ VỖ
NHỚ THƯƠNG MỘT TRỜI

*“Nhớ ơn
chín chữ cao sâu”
(ND)*

Sân hoè (nắng trở) chiều mưa
Cúc cung hương lửa sớm trưa ai đền

Trùng trùng (ngát thắm) non xanh
Tắm thân (trôi giạt lênh đênh) đất người

Môi biếng nhếch. Miệng biếng cười
Dầm sương dãi gió hoa tươi héo dần

Một trời (thương nhớ) băng khuâng
Nghìn non nghĩa nặng. Muôn tầng ân sâu

Ai quệt vôi. Ai tèm trầu
Ai nâng ấp giúp. Ai hầu quạt thay

Khúc [193]

NHỚ THƯƠNG LO LẮNG
MỐI TÌNH VÂN, KIM

*“Hoa kia
đã chấp cành này cho chưa”
(ND)*

Mượn tình sâu trả nghĩa dày
Nhờ em phong nhụy đáp thay tình chàng

Kinh qua mấy chặng thương tang
Lời thề (tan ngọc, nát vàng) vẹn chưa

Biết đâu trầm cũ hương thừa
Biết chẳng ấm lạnh có vừa lòng nhau

Tang điền. Thương hải. Biển dâu
Biết đâu (trong, đục, nông, sâu) tình đời

Vực sông lở. Bến cát bồi
Biển. Thiên. Chuyển. Dịch. Đổi. Dời. Hoại. Sinh

Khúc [194]

NHỚ THƯƠNG KIM TRỌNG
CHƯA QUÊN LỜI NGUYỄN

*“Nhớ lời
nguyện ước ba sinh”
(ND)*

Dặm khơi chàng có thấu tình
Lời thề (non nước ba sinh) còn đầy

Còn nguyên vẹn tuổi thơ ngây
Tương tư (ước mặn tháng ngày) chất chiu

Còn nguyên (bãi úa) tịch liêu
Bên triền (nương quạnh mộ chiều) đạp thanh

Còn nguyên (trắng thệ) trong lành
Bên hiên lẫm thúy mỗi manh nầy mầm

Còn nguyên xuyên ngọc, quạt trầm
Vườn sau, sân trước âm thầm trao duyên

Khúc [195]

NGÓN NGHỀ HOA NGUYỆT
ĐÁNH LẶN MẬP MỜ

*“Mượn màu chiêu tập
lại là còn nguyên”
(ND)*

Vương tôn (công tử) dập dìu
Mào gà vỏ lựu đủ điều si mê

Vốn lời (thâu tóm) gom về
Mẹo gian lấp lửng. Ngón nghề nguyệt hoa

Tay non. (Lường lặt). Nghiệp già
Đầu tư. [(Mua quỳ). (Bán ma)]. Lãi mưòi

Mào gà. Vỏ lựu. Máu tươi
Nhập nhằng. (Đánh lặn vàng mưòi). Đồng thau

Kim Cương. Mã não. Ngân châu
Mánh mung lừa đảo khanh, hầu, bá, vương

Khúc [196]

KHẮN THẦN HỘ MỆNH
NHỮNG KHI Ế HÀNG

*“Trước thần khẩn nguyện
mảnh hương lằm rằm”
(ND)*

Những đêm vắng khách phong trần

Cởi xiêm. Trút áo. Thấp nhang. Khấn thầm

Thay hoa. Đổi chiếu. Khơi trầm
Bẻ thân (uốn éo trước thần) xả xui

Lắc mông. Ừn bụng. Vươn đùi
Non bông nước nhuộm sắc mùi bại luân

Rồn. Mông. Ngực. Bụng. Vai. Lưng
Trước thần khấn vái phùng phùng ý dâm

Nhỏ to (lời nguyện) thì thầm
Ong về sân trước. Bướm vờn vườn sau

Khúc [197]

KÊU TRỜI TUYỆT VỌNG
KIỀU RỂ HOÀNG THIÊN

*“Ngâm lên một chữ,
dạ sầu muôn chung”
(Phong Tình Lục)*

Dư tử nhục. Thừa đón đau
Roi da vùi dập. Xà cao treo mình

Chỉ vì chọn hiếu bỏ trinh
Chỉ vì (hoạn nạn thành linh) oan gia

Phép khai tâm. Ngón điêu ngoa
Đành buông. (Nắng quáng đèn lò). Gieo thân

Đau một lần. Nhục trăm lần
Ngày (hoa) bảy chữ. Đêm (trăng) tám nghề

Cho liễu chán. Cho hoa chê
Cho lẩn lóc mộng. Cho mê mẩn cuồng

Khúc [198]

MỘT TÊN KHÁCH MỚI

LÀNG CHƠI ĐA TÌNH

*“Thiếp hồng tìm đến
hương khuê gởi vào”
(ND)*

Gặp nhau (phần lụy) tình vương
Rời ra (đêm lẻ nhớ thương) nhũn lòng

Khơi lời ngoài. Tổ ý trong
Bốc rời quen tánh. Bướm ong quen đường

Thúc Kỳ Tâm, bậc cự thương
Cùng thân phụ mở cửa hàng Lâm Truy

Xứng danh (nam tử) tu mi
Cũng nòi (hào sĩ, danh thi) mối rường

Cũng nghiên bút. Cũng thư hương
Quán quê Vô Tích (Châu Thường, Giang Tô)

[199]

THÚC SINH KHÁCH MỚI QUEN THÓI BỐC RỜI

*“Trước còn trăng gió,
sau ra đá vàng”
(ND)*

Sử kinh (ấp mộng) tiền đồ
Thông minh. Hào sảng. Khôi ngô. An thường

Mê hoa. Mê sắc. Mê hương
Thiếp hồng trao gởi. Thư hồng nhắn nhe

Ăn chơi. (Đàn đúm). Bạ bè
Trêu hoa. Ghẹo nguyệt. Đi về. Bướm ong

Cùng Hoạn Nương, xe chỉ hồng
(Môn đăng. Hộ đối. Tương đồng. Cân phân)

Dâu Đông Giản. Rễ đông sàng
Phụng lân. (Chủng Tử Thiên Quan). Danh thần

Khúc [200]

HOA KHÔI HÀNH VIỆN
NƯỚC TIẾNG KIỀU NHI

*“Sớm đào,
tối mạn lân la”
(ND)*

Đôi đàng tài tử giai nhân
Bên (hoa nguyệt) thẹn. Bên (quần hồng) chen

Gió trắng. Ong bướm. Đãi đàng
Dần ưa son phấn. Dần quen uẩn tình

Cầm ca. Xênh phách. Hậu đình
Thịt ngon. Mỡ béo. Rượu bình. Trà khay

Màn loan. Gối phụng. Đệm dày
Miên man trắng gió. Miệt mài mây mưa

Đêm. Ngày. Khuya. Tối. Sớm. Trưa
Tình vừa (tròn) mộng. Nghĩa vừa (tròn) duyên

Khúc [201]

NHỮNG KHI GIÓ GÁC
VÀ LÚC TRĂNG SÂN

*“Bầu tiên chuốc rượu,
câu thần nói thơ”
(ND)*

Non bông. Nước nhược. Đào nguyên
Tơ hồng (nén) chấp. Tơ nguyên (trầm) dâng

Trước sau (khắc khít) đá vàng
Mười mê một tỉnh ngựa ngang hoạn đồ

Khi chén rượu. Lúc vãn thơ
Mối duyên càng đượm. Mối tơ càng nồng

Đêm ngày (dào dạt) hương thơm
Rượu tràn môi ngọc. Mặt tươm động vàng

Cuộc say (tuý lúy) đêm tàn
Mưa sa sân đỏ. Sương giăng gác điều

Khúc [202]

NHỮNG KHI HƯƠNG SỚM
CÙNG BUỔI TRÀ TRƯA

*“Bàn vây điểm nước,
đường tơ hoạ đàn”
(ND)*

Trà trưa. Cờ sớm. Rượu chiều
Sắc thanh (quán đỏ, đình xiêu) trện cười

Nghìn vàng đổi thoáng hoa tươi
Ván bài sắp sẵn chọn người mới mạnh

Trời già (con tạo) đành hanh
Tháo ra (buộc lại nguyên vành) lụy vương

Chập chờn thêm phần song hương
Bước chân mộng mị hài nương mé hồn

Tóc sương tỵ. Vai tuyết đồn
Đảo xanh. Động biếc. Cồn hồng. Rừng lam

Khúc [203]

TẠI LẦU NGƯNG BÍCH
KIỀU TẮM KHOẢ THÂN

*“Dày dày sẵn đúc
một toà thiên nhiên”*

(ND)

Phòng niêm. Trưởng rữ. Nền ngàn
Mang mang bão giạt. Lâng lâng sóng cuồng

Mưa. Phùn. Lũ. Lụt. Thác. Truông
Rừng (tràn) bí ần. Suối (tuôn) nhiệm màu

Môi nồng hạ. Má gò thu
Khơi khơi suối chiếc. Mù mù dốc đôi

Nước ngừng chảy. Mây ngừng trôi
Băng sa lãng đãng. Tuyết rơi mịt mù

Sương vờn. Gió trở. Bụi tung
Núi cao. Thung rậm. Khe chùng. Đèo hoang

Khúc [204]

THÚC DÒ TUNG TÍCH
ƯỚC CHUYỆN DÀI LÂU

*“Trăm năm
tính chuyện vương tròn”
(ND)*

Hỏi tra (cho biết) ngọn ngành
Lòng sông. Đáy biển. Đầu ghềnh. Cuối mương

Tính toán (đôi lẽ) một đường
Dặn lòng từ thuở phần hương chưa nồng

Xe duyên (lá thắm) chỉ hồng
Đốt lò (hương ấm tơ đồng) từ đây

Chuốt rượu ngọt. Rót rượu cay
Ngày đêm (cơn tỉnh, cơn say) nổi liền

Cắm hoa. Nối sáp. Thay đèn
Hun trầm. Quạt khói. Khơi men. Tẩy trần

Khúc [205]

THÚC MỜI XƯỞNG HOẠ
KIỀU HẸN MAI NGÀY

*“Nỗi quê
nghĩ một hai điều ngang ngang”
(ND)*

Lòng ưu uất, biếng gieo vắn
Tình quê (gởi đám mây Tần) xa xa

Câu thần (xin hẹn) mốt mai
Nét xiêu. Chữ lệch. Bút lòa. Mực nhem

Từng ngày. (Từng tháng). Từng đêm
Cội tùng sân quế nỗi niềm ngổn ngang

(Làng quê. Cố quốc. Tha bang)
Mốt mai khuây khoả chấp vắn họa thơ

Mất. Mồi. Mi. Má. Tóc. Tơ
Hắt hiu liễu rũ. Bơ phờ huệ lay

Khúc [206]

THÚC SINH NHẦM TƯỞNG
KIỀU CON TÚ BÀ

*“Cành kia
chẳng phải cội này mà ra”
(ND)*

Tưởng rằng trâm ngọc, kim thoa
Tưởng rằng [(hoa, nguyệt), (nguyệt, hoa)] một dòng

Tưởng rằng (cội quít) gốc bông
Tưởng rằng (quen nét bướm ong) dặt dìu

Thì ra (bá mị) thiên kiều
Từ trong (lầu ngọc, gác điều) bước ra

Sen vàng (gót trỏ) kiêu sa
Tóc mây quyện gió. Da ngà toả hương

Thì ra (hiên nguyệt) đài gương
Từ sân ngọc bội. Từ phượng kim môn

Khúc [207]

GIẢI TOẢ THẮC MẮC
KIÊU KẼ NỖI MÌNH

*“Đoạn trường lúc ấy
kể mà buồn tênh”
(ND)*

Tiếc thân (lá ngọc) cành vàng
Sa cơ. (Nấn ná bình kang). Đợi thời

Đài khô. Cánh vữa. Nhụy bời
Chán chường. (Ong lả bướm lơi). Bẽ bàng

Tiếc mình tay đã nhúng chàm
Thương mình (sen lấm bùn tanh) đã rồi

Oán thân (ngọc nát) vàng rời
Hận mình. (Hương rã, phấn rơi). Dã dề

Dòng sông bến đục bãi mê
Trách đời (chìm, nổi, ê, chề) tang thương

Khúc [208]

CẢM TÂM TÌNH THÚC
KIÊU LẠI PHÂN VÂN

*“Yêu hoa,
yêu được một màu điểm trang”
(ND)*

Mai nhạt phấn. Mốt phai hương
Còn yêu? Còn ấp? Còn thương? Còn nồng?

Nhụy hết thoảng. Phấn hết lòng
Còn mơ? Còn mộng? Còn mong? Còn chờ?

Biết đâu tin. Biết đâu ngờ
Biết đâu (mộng triệu, huyền mơ) chóng tàn

Phận duyên thôi đã lỡ làng
Cam đành (chen lẫn sang ngang) chuyển dò

Mệnh vun. Phận đắp. Duyên tô
Sợ cơ (con tạo bày trò) dối gian

Khúc [209]

TÂM TÌNH GẮN BÓ
THÚC CÔ GIẢI BẦY

*“Đá vàng cũng quyết,
phong ba cũng liều”
(ND)*

Trách người chưa tỏ mối manh
Giận mình chưa rõ ngọn ngành đục trong

Trời cao xin chứng cho lòng
(Gian truân tương kiến. Long đong tương kỳ)

Sá gì chương ngại trùng vi
(A tỳ nước lớn. Âm ty nước ròng)

Quyết đem chút nghĩa đèo bông
Đoan thề (dấu đục, dấu trong) một đời

Sánh vai (trộn kiếp) rong chơi
Tháng ngày (tận hưởng lộc trời) bên nhau

Khúc [210]

THÚC SINH MƯU TÍNH
TÌM KẾ CHUỘC KIỀU

*“Mượn điều
trúc viện thừa lương”
(ND)*

Ân bồi. Tình chuốc. Nghĩa trau
Trắng đen đã tỏ. Vàng thau cũng tường

Trăm năm (thiết thạch) ngọn nguồn
Từ nay (phần bán, hương buôn) thoát vòng

Quyết lòng dứt kiếp long đong
Rút chân (ra khỏi gác hồng) lầu xanh

Ngàn vàng (mưu chuộc) tấm thân
Tâm tình trượng nghĩa muôn phần kính yêu

Đắng cay (phận mông) tiểu kiều
Đành thôi. (Nhắm mắt đánh liều). Cũng xong

Khúc [211]

HOA DƯƠNG HÀO PHÚ
TẠM CHỨA CHẤP KIỆU

*“Rước về hãy tạm
giấu nàng một nơi”
(ND)*

Gốc chánh phái. Nòi kim môn
Thi thư lễ nhạc con dòng danh gia

Lập mưu đầu trí Tú Bà
Gởi Kiêu tạm trú Dương Hoa phú hào

Nép ngõ hạnh. Khép vườn đào
(Cơ ngơi cự phú cổng cao tường dày)

Giao tình. (Hào sảng). Chung tay
Lễ tiên, binh hậu chọn ngày xuất chiêu

Bên đàm. Bên đánh. Luân lưu
Be bờ chặn sóng. Lập mưu chuyển dòng

Khúc [212]

NGÓN ĐÒN DỌA KIẾN
CỦA THÚC KỲ TÂM

*“Chiến, hoà
sắp sẵn hai bài”
(ND)*

Bên nguyên bên bị đôi đường
Tụng đình hạ sách. Thảo thương kế dày

Bổng là đây. Lộc là đây
Dân trơ bụng đói. Quan đầy túi tanh

Mãi lương. Vi tiện. Tội danh
Lập mưu (lừa gạt gái lành) đầu tư

Mua đi. Bán lại. Lãi mưòi
Giả danh (nạp thiếp). Buôn người (tráo duyên)

Lời nhiều. Vốn ít. Tụ chuyên
Một đồng. Một cốt. Vung quyền. Tung côn

Khúc [213]

BỘ TÂN TÍNH KẾ
MƯU VIỆC ĐIỀU ĐÌNH

*“Thua cơ
mụ cũng cầu hoà dám sao”
(ND)*

Uốn môi (lý giải) thiệt hơn
Dĩ hoà: Êm thấm. Phân tranh: Tai nản

Bọn cầu quan, chức cửa quan
(Sâu bầy. Một lũ. Chồn đàn, Chó phe)

Ngọt ngào. (Dẫn dụ). Hăm he

So hơn. Tính thiệt. Cò kè. Lằn khân

Hoa Dương, chàng Thúc, Bộ Tân
Bàn mưu. Tung hứng. Xa luân. Phủ đầu

Tú Bà, họ Mã thăm đau
Đành buông món lợi ôm nhau khóc vùi

Khúc [214]

THÚC, KIỀU ĐÀM ẨM
HẠNH PHÚC NỬA NĂM

*“Càng sâu nghĩa bể,
càng dài tình sông”
(ND)*

Cuộc cò sớm. Chén trà trưa
Bên nhau (giông, bão, nắng, mưa) ngại gì

Ân: tương kính. Nghĩa: tương tri
Điển. Kinh. Kỳ. Tửu. Thư. Thi. Họa. Đàn

Nửa năm (ấm lạnh) trên cam
Kề vai. Tựa gối. Luận đàm. Tri tâm

Tình man man. Tứ man man
Biển khơi ân ái. Rừng ngàn ấp iu

Sương giá (sớm). Gió trăng (chiều)
Lãng quên đèn sách. Chôn vùi thư kinh

Khúc [215]

THÚC, KIỀU UỐNG RƯỢU
LUẬN ĐÁM VĂN NÔ

*“Máu tham
hễ thấy hơi đồng thì mê”
(ND)*

Một phường (dua nịnh) đáng khinh
Đội trên đạp dưới, súc sinh chung bầy

Túi cơm. Bị thịt. Giá giày
Viết thuê. Chửi mướn. Bợ thầy. Nâng cô

Vấy bùn. (Bôi trấu). Trát tro
Bẻ cong phải trái. Uốn vo méo tròn

Khi nịnh vợ. Lúc mắng con
Nhây nhây mặt mỡ. Nhơn nhơn mặt dày

Chồn đàn. (Cáo lữ). Sói bầy
Cẩn cần. Sủa bậy. Cãi nhây. Già mồm

Khúc [216]

THUÝ KIỀU LINH CẨM
SÓNG GIÓ BA ĐÀO

*“Dấm chua lại tội
bằng ba lửa nồng”
(ND)*

Thân côi cút. Phận lạc loài
Bão. Giông. Sấm. Sét. Chớp. Loà. Bãng. Sương

Thân liễu ngõ. Phận hoa tường
Đất bằng (bống dầy tai ương) nghiệt tình

Rồi đây (sóng gió) thành linh
Duênh sâu nước cuốn lục bình dập trôi

Sợ giấm chua. Sợ lòng người
(Đất dày bao lớp. Biển khơi mấy tầng)

(Diệt sơn. Địa chấn. Sóng thần)
Tội thân phận thiếp. Ngại danh giá chàng

Khúc [217]

THÚC ÔNG NGHIÊM PHỤ
NỖI TRẬN LÔI ĐÌNH

*“Dạy cho má phẫn
lại về lầu xanh”
(ND)*

Vừa cời tròng. Lại mắc tròng
Thúc ông (dựng trận lôi phong) dùng dùng

Lầu xanh nghĩ nỗi thẹn thùng
Đã từng (rã liễu rụi từng) mấy phen

(Tưởng đâu thoát khỏi phận hèn
Trầm luân đổi sắc. Bạc đen đổi màu)

(Ai hay tình trước nghĩa sau
Một cơn lũ lụt chân cầu xoáy quanh)

Nửa năm (yên gốc) lặng cảnh
Bỗng dưng bão táp. Thôi đành nắng mưa

Khúc [218]

THÚC SINH VAN LẠY
CHO KIỀU ĐƯỢC THA

*“Ôm cầm ai nữ
dứt dây cho đàn”
(ND)*

Tình đã chuộng. Nết đã ư
Phải đâu (ong bướm cột đũa) nguyệt hoa

Hạnh xem gần. Đức suy xa
Thủy chung xin quyết. Phong ba đành liều

Hồ cầm (hoà quyện) ngọc tiêu
Ôm đàn (ai nữ một chiều) dứt dây

Đã đành (đến nỗi) nước này
Yêu hoa ai nữ đoạ đầy cánh hoa

Dù cho máu rót lệ sa
Trăm năm (cắn cỏ xin tha) phận bèo

Khúc [219]

PHỤ THÂN CÁO HUYỆN
THÚC, KIỀU HẦU QUAN

*“Song song
vào trước sân hoa lay quỳ”
(ND)*

Cũng đành (khuấy nước) gạn phèn
Đánh liều. (Thử cuộc gió trăng). Nhập nhoà

Mặt hoa (chầu dưới) sân hoa
Phủ đường trống dậy. Tiếng loa cáo quỳ

Lênh đên. Luân lạc. Lưu ly
Tắm thân phó mặc cho kỳ nước trôi

Cửa công. (Cửa tử). Cửa đời
Đập vùi đọt liễu. Tôi bời ngó sen

Mặc người bơi trắng tô đen
Tắm lòng (sáng tỏ như trắng) sá gì

Khúc [220]

ĐĂNG ĐƯỜNG XỬ ÁN
QUAN PHỦ LÂM TRI

*“Trông lên
mặt sắt đen sì”
(ND)*

Quan phụ mẫu mặt da chì
Sấm uy. (Huyện lệnh Lâm Truy). Đăng đường

Lấy điều lễ, nghĩa, nhu, cương

Lệnh nghiêm: Hai lẽ (thù, thương) một bề

Miệng lằn (lưỡi mối) khen chê
Biết đâu (bến giác, bờ mê) mà chờ

Lâm Truy quan phủ đầu ngò
Bày ra lại xoá ván cờ trắng đen

Lấy điều nhân nghĩa đe răn
Chi dân phụ mẫu nhập nhằng đánh hơi

Khúc [221]

HUYỆN QUAN PHỤ MẪU
MẮNG PHỦ ĐẦU DÂN

*“Lập nghiêm,
trước đã ra uy nặng lời”
(ND)*

Gái mất nét. Trai chơi bời
Ong qua. Bướm lại. Lả loi. Si tình

Về lâu xanh. Chịu gia hình
Hai đường chọn một. Huyện đình thôi tra

Lệ hoa (tầm tã) sân hoa
Xiêm nghê lẳng đảng. Tóc thoa dật dờ

Ngược lên mắt dằm lệ mờ
Mặt chì da bóng thôi ngò phận đen

Cúi đầu cam chịu nhục hèn
Một vùng (tăm tối đã quen) chia lìa

Khúc [222]

CẢN RẰNG CHỊU NHỤC
VÌ MỐI TÌNH CHUNG

“Nhện này

vương lấy tơ kia mấy lần”
(ND)

Rằng: Nhện này quện tơ kia
Rằng: Duyên này quyết không lìa tình son

Rằng: Đưa lưng hứng trận đòn
Rằng: Hoa (cam phận héo hon) vì tình

Dù đau (xương cốt) nhục hình
Dù tan (thân xác phù sinh) một giờ

Vàng tro tro. Đá tro tro
Nước tanh (không) ngại. Bùn nhơ (không) từ

Thuỷ chung. Sau trước. Nhất như
Nhục vinh (không) quản. Thực hư (không) nề

Khúc [223]

THUÝ KIỀU BỊ PHẠT
BA CHỤC ĐÓN NGANG

*“Gương lò nước thủy,
mai gầy vóc sương”*
(ND)

Nhện. Tơ. Hoa. Nguyệt. Thốt. Thề
Đục. Trong. Vinh. Nhục. Điếng. Tê. Rã. Ròng

Máu rĩ giọt. Lệ đoanh tròn
Hoa (trôi trát) nhụy. Phấn (bồng bênh) hương

Càng đau. Càng xót. Càng thương
Bỏ công (ấp phấn, ươm hương) thốt thề

Xót xa đợi mảnh trăng về
Nát nhàu huệ cúc. Dầm dề mai lan

Dắt nhau hầu trước cửa quan
Thôi đành (cơ nghiệp nát tan) lẽ thường

Khúc [224]

LÀM THƠ GỠ TỘI
DÂNG TRƯỚC HUYỆN ĐƯỜNG

*“Tiên hoa trình trước
án phê xem tường”
(ND)*

Khen thơ (vượt chuẩn) Thịnh Đường
Cân tài. Xem sắc. Đáng thương. Nên mừng

Hoa tiên (một bức) thơm lừng
Chữ thù nhưng gấm. Ý bưng sắt son

Con tim (rướm máu) chưa sờn
Khắc lời (hẹn biển thề non) buổi đầu

Thơ dâng (thảo vội) vài câu
Tài kia. Đức ấy. Tâm sâu. Hạnh dày

Trót vì (món nợ) ai vay
Còn lưu di họa lòng đầy héo tro

Khúc [225]

KHEN KIỀU ĐỨC HẠNH
QUAN PHỦ MẪN TÀI

*“Thương vì hạnh,
trọng vì tài”
(ND)*

Ân kia. Đức ấy. Hạnh này
Tình (sâu) chồng vợ. Nghĩa (đầy) dâu con

Quỳnh sơ. Liễu yếu. Đào non
Thủy chung một kiếp. Sắt son một đời

Thương: Nền thấp. Quý: Trầm khơi
Giữ gìn. Vun quén. Tô bồi. Nâng niu

Khen tài (nhả ngọc) phun châu
Sảnh đường bút rợp. Sơn đầu mây xanh

Khen cho thi pháp rồng tranh
Rắc rây cánh gió. Tung hoành nét son

Khúc [226]

QUAN PHỦ TÁC HỢP
KHUYÊN NHỦ THÚC ÔNG

*“Châu Trần,
còn có Châu Trần nào hơn”
(ND)*

Bia còn dấu. Đá chưa sờn
Sắt son tình mặn. Keo sơn nghĩa nồng

Đã từng (vượt bể) trèo non
Thì thôi chúc phúc cho tròn trăm năm

Gom dâu. Ươm kén. Xe tầm
Tươi xuân Nguyên Đán. Sáng rằm Nguyên Tiêu

Sông sâu. (Đã quyết). Cũng liều
Núi cao. (Trắc. Trở. Thử. Trêu). Gan bền

Quý thay (một đoá) sen đầm
Lòng nào nở để đầm đầm trắng chín

Khúc [227]

LUẬN BÀN TỬU ĐẠO
THÚC, KIỂU CHUNG LY

*“Mãng vui
rượu sớm trà trưa”
(ND)*

Tình chuốt rượu. Rượu đượm tình

Càng lâu. Càng quý. Càng tinh. Càng ròng

Một ly danh tửu vũ phong
(Thuỷ tương hoả tể. Âm dương nhu hoà)

Một ly (nước, lửa) giao thoa
Một bầu trời đất hồn hoa vía thần

Chén sừng tê, rượu thơm ngàn
Chung Ngọc Uyển, rót Tửu Phần mới chưng

Ly Dương Chi. Rượu Thiệu Hưng
Bách Thảo. (Men, bát Cổ Đăng). Tửu lâm

Khúc [228]

LUẬN BÀN KỲ LÝ
KIỀU, THÚC GIẢI KHUÂY

*“Bàn vây điểm nước,
đường tơ hoạ đàn”
(ND)*

Nước cờ (động phách) kinh tâm
Điều binh. Khiển tướng. Thư hùng. Quyền cơ

Kỳ phổ. Kỳ lý. Kỳ đồ
Lạ Kha. Vương Chất. Tiên cờ. Lý Sơn

Ngày đêm (trà rượu) ấm nồng
Hoành xe. Phóng pháo. Tấn công. Thủ thành

Trận cờ (ngang dọc) tung hoành
Lúc tiến. Lúc thoái. Khi tranh. Khi nhường

Biển, kỳ ảo. Hoá, dị thường
Thanh nhàn sớm tối. Ung dung bốn mùa

Khúc [229]

KIỀU KHUYÊN CHÀNG THÚC

VỀ THĂM QUÊ NHÀ

*“Trước người đẹp ý
sau ta biết tình”
(ND)*

Lại rượu sớm. Lại trà trưa
Gió mời ong lại. Hương đưa bướm về

Lòng Kiều thấu nỗi xa quê
Khuyên chàng lai xứ, lời thề thiết nài

Cảm thông (gối mộng) chia hai
Sâm thương chia lối. Gót hài chia xa

Rời nhau (nước mắt) chan hoà
Đường quê ngán nỗi cánh hoa mưa vầy

Sợ lan héo. E cúc gầy
Nhụy hương ngơ ngác. Bèo mây tàn ngần

Khúc [230]

THUYẾT KIỀU KHUYÊN THÚC NÊN TỔ SỰ TÌNH

*“Sao cho trong ấm
thì ngoài mới êm”
(ND)*

Đắng cay rồi cũng một lần
[Ngỡ ngàng đôi lúc. Bâng khuâng đôi hồi]

Trước sau chỉ một lần thôi
[Hoa rơi. Nhụy rụng. Phấn trôi. Bèo chìm]

Giữ cho (trong ấm) ngoài êm
Giấm chua (trọn kiếp), (một đêm) lửa nồng

Sá chi (hoa rụng) đèo bông
Sá chi (thân phận sóng cồn) biển dâu

Bèo trôi tự thưở ban đầu
Tha phương đất khách. Dãi dầu bến sông

Khúc [231]

TRƯỚC LÚC CHIA BIỆT
TÂM SỰ NGỒN NGANG

*“Rừng phong,
thu đã nhuộm màu quan san”
(ND)*

Bao ngày (sum họp) mặn nồng
Phút giây lâm biệt lệ ròng rã mưa

Đêm tàn. Rượu nhạt. Trà chua
Hoạ thơ tiễn biệt thảo đưa đôi hàng

Ra đi rã cánh chim bằng
Phòng khuê (chăn lạnh giá băng) đêm trường

Năm canh bóng lẻ in tường
Rượu chờ hợp cấn lòng vương ngán sầu

Năm xưa. Cổ quận. Trăng lâu
Câu thơ tổng biệt giọt châu đoanh tròn

Khúc [232]

THÚC VỀ VÔ TÍCH
THĂM VỢ (HOẠN THƯ)

*“Người lên ngựa
kẻ chia bào”
(ND)*

Tiểu đình ngàn liễu héo hon
Cao đình rượu tiễn ngựa bon dậm dài

Mắt trông (mờ lệ) hôm mai
Thương người rong ruổi nguyệt cài yên sương

Bãi dâu. Trăng nhiều. Cành dương
Càng xa. Càng nhớ. Càng thương. Càng buồn

Chiếu chần. (Xô lệch). Đệm giường
Gối căng sợi mộng. Tóc vương nhánh sầu

Ra vào (trăn trở) uyên lâu
Mắt (heo hút) đợi. Khoé (xa ngái) chờ

Khúc [233]

VÀNG TRĂNG AI XẺ
THÚC, KIỀU CHIA ĐÔI

*“Nửa in gối chiếc
nửa soi dặt trường”
(ND)*

Yên sương. Vó bụi. Cát bông
Ngựa đeo tuyết lạnh. Bờm hong nắng chiều

Trượng phu cầm. Tráng sĩ liêu
Thanh âm (réo rắc, tịch liêu) bất tường

Đường xa. Vó mồi. Dặt trường
Đồi thao thức (lạ). Trăng thườn thợt (quen)

Tơ rời. Nguyệt rụng. Sao băng
Ánh Khuê soi lối. Bóng Hằng dòm song

Rừng khuya. Bờm dựng. Ngựa dong
Nỗi quê (từng bước long đong) gió trườn

Khúc [234]

BÂNG KHUÂNG, LO LẮNG
MONG NGÓNG, NHỚ THƯƠNG

*“Nào lời non nước,
nào lời sắt son”*

(ND)

Lầu uyên (vò võ) nhớ thương
Song hương gió quạnh. Phòng hương chấn chùng

Giấy khô (mực đọng) nảo nùng
Biệt ly ai tỏ. Trùng phùng ai hay

Lời chia biệt. Lệ chia tay
Một thương. Hai nhớ. Trăm cay. Nghìn phiền

Trăng nửa mảnh, soi đôi miền
Sương rơi (một cõi). (Uớt triền) núi xa

Đồi cao. Vực thẳm. Giang hà
Vó vương còn biếc. Bờm pha đậm hồng

Khúc [235]

GIA THỂ HỌ HOẠN
CHÂU TÍCH, HUYỆN THƯỜNG

*“Vốn dòng họ Hoạn
danh gia”
(ND)*

Thơm dòng thể phiệt lưu phương
Con quan Lại Bộ đường đường danh gia

Tiểu thư họ Hoạn nếp nhà
Đoan trang (qui củ). Nết na (mối giềng)

Thờ chồng (sớm tối) bút nghiên
Thuỷ chung (nguyên vẹn lời nguyên) sánh đôi

Một trang (hồng má) thắm môi
Khôi hoa nồng đượm. Hoa khôi mặn mà

Gia phong. Lễ giáo. Con nhà
Đứng đi khuôn phép. Vào ra thảo hiền

Khúc [236]

TIỂU THƯ HỌ HOAN
MÁU GHEN LẠ ĐỜI

*“Máu ghen đâu có
lạ đời nhà ghen”
(ND)*

Từng nghe (trắng gió) gieo phiến
Thâm mưu. Độc chước. Ty hiềm. Sâu cay

Cẩn rắng. Chịu nhục. Giả ngây
(Làm cho hả dạ những ngày ảm ương)

Làm cho chia cách đôi đường
(Cho hoa lạc bướm. Cho ong xa bầy)

Muốn cay, cho thật là cay
Muốn vừa ăn xổi, pha đầy giấm chua

Giả ngu. Giả dại. Giả đùa
Bưng tai. Bịt mắt. Luyện bùa. Yểm binh

Khúc [237]

THÚC KHÔNG THÚ THẬT
TÌM CÁCH DỐI QUANH

*“Nào ai có khảo
mà mình lại xưng”
(ND)*

Phản nhếch nhác. Phản thương mình
Phản duyên Kiều Nữ. Phản tình Hoạn Nương

Tài triết phụ. Đức cột rường
Tề gia. Nội trợ. Đảm đương. Chu toàn

Trên tứ đức. Dưới tam tông
Nghĩa (sâu) con thảo. Hạnh (nồng) dâu ngoan

Đẩy đưa. Rào trước. Đón sau
Khoá môi. Đắm miệng. Chặn đầu. Ngắt đuôi

Sinh càng (ém nhem) buông xuôi
Giấu quanh. Giấu quần. Giấu chui. Giấu lòn

Khúc [238]

HOẠN VỜ KHÔNG BIẾT
CHỒNG ĐÃ NẠP THIẾP

*“Giấu ta,
ta cũng liệu bề giấu cho”
(ND)*

Một nhà (sau trước) kín bưng
Hoạn Nương giả lả chưa từng nghe qua

Việc chồng phụ rầy miền xa
Cẩn rắng. (Để bụng. Lân la). Dò tìm

Tổ tường. Toan tính. Lặng im
Kẻ tâng, người bốc đưa tin chẳng màng

Roi tre. Búa sắt. Kìm đồng
Mắng la. Vả mặt. Giam cầm. Bẻ răng

Cổng cài. (Tường khép). Rào ngăn
(Gần quê chặt đất. Xa phương kín trời)

Khúc [239]

BIẾT THỨC NHỚ TƯỜNG
HOẠN KHUYÊN RA ĐI

*“Lâm Truy
cũng phải liệu mà thần hôn”
(ND)*

Ra đi (quán lữ) dậm vờ
Sớm (vàng) lá rụng. Chiều (ngời) ráng hanh

Hồ thu nước gợn long lanh
Mắt người (thăm thẳm dâu xanh) cuối trời

Tiến chàng ngựa soãi cương lơi
Nắng phơi. Mây trái. Sương rơi. Gió giần

Một năm mười mấy mùa trăng
Ấm êm gượng gạo. Keo sơn ép nài

Người lên ngựa. Kẻ trở lại
Sút sùi. (Gạt lệ đêm dài). Thở ra

Khúc [240]

HOẠN THƯ THĂM MẸ
KỂ HẾT SỰ TÌNH

*“Nỗi chàng ở bạc,
nỗi mình chịu đen”
(ND)*

Ngựa chàng vừa soãi dặm xa
Hoạn Nương sắp sẵn kiệu hoa về hầu

Mẹ con (ý hợp) tâm đầu
Phen này rửa nhục bấy lâu đắng lòng

Làm cho (điều đứng) long đong
Cúi không thấy đất. Ngược không thấy trời

Làm cho dở khóc, dở cười
Làm cho (đầy đọa một đời) trầm uất

Làm cho (nước mắt) đầy vơi
Cho người biết mặt. Cho đời biết tên

Khúc [241]

HOẠN THƯ TRÌNH MẸ
KẾ HOẠCH TRẢ THÙ

*“Làm cho đầy đoạ
cất đầu chẳng lên”
(ND)*

Nhục phải trả. Hận phải đền
Làm cho (đau đớn, kêu rên) khóc buồn

Làm cho rã nhụy, tàn hương
Làm cho giáp mặt đôi đường lạng câm

Làm cho lệ chảy âm thầm
Cho khuây (mặt vữa, gan bầm) bấy lâu

Dò la tông tích a đầu
Biết xây (tổ ấm khuê lầu) mộng khơi

Biết đường. Biết ngõ. Biết nơi
Biết giờ. Biết giấc. Biết đuôi. Biết đầu

Khúc [242]

HOẠN BÀ THUẬN Ý
KHEN MƯU CHƯỐC HAY

*“Phu nhân
khen chước rất mau”
(ND)*

Mừng chước lạ. Khen mưu sâu
Tâm cơ cẩn trọng. Sở cầu xảo thâm

Bày kế độc. Tính đòn ngằm
Bấy lâu (ruột đứt, gan bầm) bởi ai

Giương cung. Ráp nỏ. Xùng vây
Cạm ma. Bẫy quỷ. Chước dày. Mưu nguy

[Từ Vô Tích đến Lâm Truy
Dong buồm. Vượt sóng. Trẩy đi. Bắt về]

Linh phù. Thuốc lú. Bùa mê

Man man thiên địa. Thê thê quỷ thần

Khúc [243]

KHUYỄN, ỨNG ĐẮC LỰC
HAI GÃ TÔI TRUNG

*“Khuyển, Ưng,
lại lựa một bầy côn quang”
(ND)*

Đâm thuê (chém mướn) chung phường
Hai tên Ưng, Khuyển. Một phường Sở, Tề

Buồm căng. Gió lộng. Mê mê
Hiểm hung niềm nhớ. Ê chề nổi đau

Bọn ma cô, đám tôi hầu
Chung phường cướp biển bấy lâu tung hoành

Về đầu (dưới trướng) Hoạn Nương
(Quan quân truy nã triệt đường sinh nhai)

Về đây (nấn ná) bấy nay
Làm vườn. Gác cổng. Ngủ ngày. Thức đêm

Khúc [244]

TÂM TÍNH TY TIỆN
CỦA PHƯỜNG TIỂU NHÂN

*“Làm cho đau đớn
ê chề cho coi”
(ND)*

Cúi lườn tâng bốc từng quen
Đồng sàng (một lũ đốn hèn) nhuốc nhơ

Mặt nhầy. Mày nhót. Trán trơ
Bẻ măng thừa gió. Cắp lò thuận tay

Chung quy một lũ mặt dày
Ranh khôn. Láu vật. Ngẩn tay. Dài đòn

Khi vênh váo. Lúc cúi lòn
Bắt tường. Phản trắc. Vô ơn. Bạc tình

Một bày (nhặng nhít) đáng khinh
Đội trên. Đạp dưới. Hợm mình. Xum xoe

Khúc [245]

LÀM THƠ NHỚ THÚC
NƠI GÁC UYÊN ƯƠNG

*“Nàng
từ chiếc bóng song the”
(ND)*

Gầy vóc hạc. Rạc mình ve
Nhớ thương (bao nỗi sương se) dậm dài

Chờ trông. Mong ngóng. Quan hoài
Thơ ngâm (sáu khúc trầm ai) nhão lòng

Đường dài (dặm gió) long đong
Phòng khuê. (Gối lể chần đờn). Nảo nề

Lầu tây (trăng giải) thê thê
Bút vung. Mực vẩy. Thơ đề. Tứ vơ

Rảo chân Kiều bước ra vườn
Gập mình. (Khấn vái mười phương). Khơi trầm

Khúc [246]

HAI TÊN ƯƠNG, KHUYẾN
THI HÀNH TRÁ MƯU

*“Sắn thầy vô chủ
bên sông”
(ND)*

Nhớ thương. Mãi mực. Gieo vắn
Chấp tay sen búp thấp nhang nguyện cầu

Cho tình tươi đẹp bền lâu
Cho chàng (đỗ đạt, công hầu) thăng quan

Bồng đầu dậy lũ ác nhân
Góc vườn (thè lười, nhe nanh) hiện hình

Mượn bóng đêm. Giấu bóng mình
Vung tay (thủ đoạn thành linh) xông ra

Bắt người. Nổ lửa. Đốt nhà
Tráo thầy vô chủ làm ma chung tình

Khúc [247]

THÚC ÔNG THƯƠNG TIẾC
CÔ DÂU TÀI LÀNH

*“Nghĩ con vắng vẻ,
thương người nét na”
(ND)*

Đức. Tài. Hiếu. Nghĩa. Trung. Trinh
Dáng mai. Nét liễu. Hương quỳnh. Vẻ lan

Tiếc người (trầm quyền) khói nhang
Thương người (mệnh bạc chung thân) nỗi tình

Lập đàn khăn vái hương linh
(Anh hoa phảng phất. Minh tinh chập chờn)

Xót con nghìn dặm đường trình
Thương dâu (mòn mỏi một mình) bơ vơ

Tiếc cho tháng đợi năm chờ
Đêm đêm (cẩn bút chép thơ) khăn nguyện

Khúc [248]

THÚC ÔNG KỂ LẠI
NGỌN NGÀNH HOẠ TAI

*“Thúc Ông
sùi sụt ngắn dài”
(ND)*

Lửa đỏ rực. Khói đen tuyền
Lầu khuê ngằn ngật. Phòng riêng phùng phùng

Sương dăng dặc. Đêm mịt mùng
Khét mùi (thịt cháy, xương nung) nực nồng

Đêm đặc quánh. Than rực hồng
Tài nào thoát được khỏi vòng họa tai

Mịt mù khói lửa vô nhai
Hắn rằng chín suối tuyền đài ẩn thân

Hoạ chẳng (kiếp khác) xoay vần
Còn nhìn thấy mặt. Còn lần vầy duyên

Khúc [249]

TƯỜNG KIỀU CHẾT CHÁY
TRONG ĐỒNG TRO TÀN

*“Trong tro
thấy một đồng xương cháy tàn”
(ND)*

Trà đình. Viện sách. Thềm lan
Ba bề khói ngát. Bốn bên lửa phùng

Tóc tơ chưa lỗi lời vàng
Quạnh hiu gác thệ. Lỡ làng phòng duyên

Biết đâu (tìm chốn) cửu tuyền
Trần gian (đã lỡ lời nguyên) chung thân

Còn đây phảng phất hương làn

Còn đây (dáng dấp đàn thanh) thuở nào
Bốn bên (lạnh ngắt) hạnh đào
Thương hoa. (Chỉ biết ghen ngào). Xót hoa

Khúc [250]

TRÁCH SAO HUỲNH HOẶC
THÚC KHÓC THƯƠNG KIỀU

*“Ai hay vĩnh quyết
là ngày đưa nhau”
(ND)*

Cắm thần hoả. Hận trời già
Khóc than. Ngắt xủ. Lệ sa. Máu bầm

Cắm thiên mệnh. Hận tình thâm
Cây liên lý giải đồng tâm nát lòng

Hẹn nhau (ngày tháng) năm rông
Gặp nhau (nối lại cầu vòng) ái ân

Mơ màng (hồn phách) lằng lằng
Trùng trùng cách biệt. Ngần ngần chia ly

Đón đau. Uất ghen. Tử kỳ
Khuông thiêng (khép mở huyền vi) cửu tuyền

Khúc [251]

THÚC NHỜ PHÙ THUYẾT
BÓI QUẺ TÌM KIỀU

*“Còn nhiều nợ lắm
sao đà thác cho”
(ND)*

Tài trí quý. Phép thông huyền
Trần gian. Tam đảo. Cửu tuyền. Âm nha

Bóng hồng (thoáng hiện) gần xa
Anh linh lẫm đấng. Anh hoa chập chờn

Số này (oan khóc) tủi hờn
Gia can oan nghiệp. Tình trường đoạn ly

Đốt bùa triệu tướng âm ty
(Luyện phù ếm quỷ hỏi gì cũng thừa)

Rằng nàng mắc nạn chẳng vừa
Sang năm. Vương lại tơ xưa. Sững sờ

Khúc [252]

KHUYỄN, ỨNG BẮT TRÓI
VỰC KIỀU XUỐNG GHE

*“Mơ màng
như giấc chiêm bao biết gì”
(ND)*

Nửa mê. (Nửa tỉnh). Nửa ngờ
Nửa ngờ ngác thức. Nửa ngờ nghếch say

Rõ ràng cơn mộng riêng tây
Lâng lâng hồn bướm. Ngây ngây lòng người

Dường như (gió thốc) sóng nhồi
Dường như (ngạ quỷ, ma trời) hớp hồn

Tâm thao thức. Dạ bồn chồn
Đêm đùn ngất khói. Ngày dồn khơi sương

Dường cơ trời đất còn thương
Dường lòng (bể khổ đoạn trường) sâu miên

Khúc [253]

KHUYỄN, ỨNG NỘP KIỀU
NƠI DINH HOẠN BÀ

*“Khuyển, Ưng hai đứa
nộp nàng dâng công”
(ND)*

Vì cơm áo. Vì đồng tiền
Một bày Ưng, Khuyển thả thuyền buồm dong

Bao vây. (Lén lút). Xiết vòng
Nín hơi. Chui rúc. Rình trong. Chực ngoài

Bóng hồng (thấp thoáng) mặt hoa
Bắt người. Cướp cửa. Đốt nhà. Ém tin

Dưới sân (quỳ gối) cúi mình
Khom lưng lãnh thưởng. Tâu trình dâng công

Mưu ma (chước quỷ) lầu thông
Đâm thuê. Chém mướn. Tráo tròng. Bức nhân

Khúc [254]

TƯ DINH TỂ TƯỞNG
CƠ NGÔI HOẠN BÀ

*“Ngược trông
toà rộng dầy dài”
(ND)*

Tường hoa. Gác tía. Lầu vân
Cổng (rỗng) dinh thự. Mái (lân) tổ đình

Cẩn nghiêm. Gương bóng. Lộng hình
Thiên Quan Chủng Tể rập rình ngựa xe

Kiệu điều. Tàn gấm. Lộng the
Công hầu. (Xe, ngựa, thuyền, bè). Vương tôn

Ngất mê (một giấc) lạc hồn
Mở trướng đôi mắt tường còn chiêm bao

Đây là đâu? Biết làm sao?
Đầy nhà (tôi tớ ra vào) lảng xãng

Khúc [255]

THUÝ KIỀU BỊ MẮNG
HOẠN BÀ RA OAI

*“Chẳng phường trốn chúa,
cũng quân lộn chồng”
(ND)*

Ngồi trên mụ Hoạn cười gằn
Gia nhân (bưng tráp, nâng khăn) đứng hầu

Má hồng phấn. Môi đỏ trầu
Ngoắc mồm. (Mắng xả. Phủ đầu). Oang oang

Rằng quân (trốn chúa) lộn chồng
Lộn rưng. Mèo mả. Gà đồng. Chó hoang

Trôi sông. Lạc chợ. Đứng đàng
Ngẩn ngơ. Lúng túng. Hoang mang. Thất thần

Ra điều mệnh phụ phu nhân
Ra điều (ăn trước ngồi trên) cơ cầu

Khúc [256]

THUÝ KIỀU BỊ ĐÁNH
BA CHỤC ROI CÂY

*“Hãy cho ba chục
biết tay một lần”
(ND)*

Lập uy (vung ngón) phủ đầu
Cưỡng từ. Đoạt lý. Ngắt câu. Xoay đề

Ỗ thân. Cậy thế. Dựa bè
Nghiến răng. Thè lưỡi. Hăm he. Gầm gừ

Đánh cho (vừa mặt) mềm người

Cho ra (con tở, người hầu) cửa cao

Roi da đổ trận mưa rào
Hoa rơi hương nhụy. Lệ trào phần bông

Tóc mây. Da sóng. Ngực bông
Quặn lòng máu đỏ. Đau lòng tóc xanh

Khúc [257]

SẮC KIỀU TÀN TẠ
SAU TRẬN MƯA RƠI

*“Một phen mưa gió
tan tành một phen”
(ND)*

Ngất đi (sống lại) mấy lần
Tỉnh ra mê loạn, máu tanh sặc mùi

Tuyết tan. Hoa rụng. Trắng vùi
Ba mươi roi chấn bụi nhùi thịt xương

Đang cơn (mưa trút) nước dồn
Bì tiên bão thét. Trúc côn gió gào

Đày đoạ lý. Trù dập đào
Da nào không sứt. Thịt nào chẳng tan

Đón đau. (Tủi nhục). Phũ phàng
Đã mờ sắc nước. Chưa hoàn sắc gương

[257]

HOA NÔ TÊN MỚI
SAI LÀM CON SEN

*“Buồng the
dạy ép vào phiên thị tỳ”
(ND)*

Con hầu (phận tớ) chưa tường
Nhục nhằn chưa dạn. Trái ngang chưa dày

Hoa Nô tên gọi từ nay
Áo xanh. (Đắm nước mắt đầy). Tân toan

Dần lòng (nuốt ngược) thương tang
Đành rằng (nước xoáy bèo tan) hoa dờ

Thôi thì thôi. Thế đành thôi
Từ nay (thay bậc đổi ngôi) sá gì

Hoa Nô (yên phận) nữ tỳ
Nén lòng nuốt hận chỉ vì dở dang

Khúc [259]

QUẢN GIA TỐT BỤNG
HỌ MÃ TÊN KIỀU

*“Đem lời phương tiện
mở đường hiếu sinh”
(ND)*

Lòng từ ái. Dạ từ tâm
Cứu người hoạn nạn, âm thầm đỡ nâng

Cháo cơm. Chạy chữa. Thuốc thang
Khuyên can dè dặt. Ủi an dè chừng

Lòng nghe nhẹ gánh băng khuâng
Oan khiên mấy bận. Xoay vần mấy khoa

Mã Kiều (tên mụ) quản gia
Khiêm. Nhu. Phước. Hạng. Khoan. Hòa. Thảo. Ngay

(Một bàn tay. Những bàn tay)
Phò nguy. Cứu khốn. Đúc dày. Lột hưng

Khúc [260]

HOẠN BÀ SAI KIỀU
VỀ HẦU HOẠN THƯ

*“Cho về bên ấy
theo đòi lầu trang”
(ND)*

Nạn thành linh. Hoạ bổng dựng
Âm ty địa ngục đâu chừng không xa

Chân guốc mộc. Áo bà ba
Thị tỳ phận tở. Sai nha kiếp hầu

Biết đâu (trong, đục) là đâu
Biết đâu (tang, hải, biển, dâu) mà lường

Từ đoạ kiếp, đến tai ương
Từ Hoạn Bà đến Hoạn Nương một lò

Sắc hương (cổ giầu) chưa mờ
Tài hoa [(cổ dập) (càng tro)] đức lành

Khúc [261]

THUÝ KIỀU VÂNG LỆNH
HẦU ĐÀN HOẠN NƯƠNG

*“Lĩnh lời
nàng mới lựa dây”
(ND)*

Mê tơi (từng ngón) tay trần
Nỉ non (từng sợi dây thần) vút cao

Biển dâng. Sóng trút. Thuyền chao
Núi nghiêng. Thác chảy. Suối trào. Mương khai

Bốn dây (rỉ máu) tài hoa
Đài trang (từng sợi tóc dài) buông lơ

Kiều ngời (dáng mộng) chơi vơi
Năm cung tức tởi, châu rơi, ngọc chìm

Biệt mù (tắm cá) bóng chim
Tuyết tan. Giá vữa. Gió im. Băng rời

Khúc [262]

THÚC VỀ VÔ TÍCH
CHO KHUÂY NỖI BUỒN

*“Nhớ quê,
chàng lại tìm đường thăm quê”
(ND)*

Nhớ người. Nhớ dáng. Nhớ hơi
Mưa trời tuyết đọng. Mây trời sương in

Quẩn quanh (mộng bóng) mơ hình
Ra vào (thương nghĩa, xót tình) nôn nao

Nhìn hoa tưởng má môi đào
Bước ra khuây khoả. Khép vào hôn mê

Chợt nghe trong buổi đi về
Âm âm nỗi xót. Bề bề nỗi xa

Dong cương (trở lại) quê nhà
Bụi vương chân ngựa. Trắng sa dậm đường

Khúc [263]

THÚC VỀ VÔ TÍCH
LINH CẢM BẤT AN

*“Làm ra
con ở chủ nhà đôi nơi”
(ND)*

Một về. Một bước. Một thương
Xa miền gió cuốn. Gần phương bụi quàng

Bước ra lòng những tần ngần

Đầm rồng. Hang cộp. Khe hùm. Hồ dơi

Một đi (lòng rối) bời bời
Dữ nhiều lành ít trắng rơi dọc đàng

Hoá ra (duyên nợ) phũ phàng
Ngõ ngang số kiếp. Bẽ bàng lứa đôi

Nước đưa. Bèo giạt. Mây trôi
Ai ngờ (gió đập, sóng giồi) chưa yên

Khúc [264]

THÚC, KIỀU ĐỐI MẶT
KHÔNG DÁM NHÌN NHAU

*“Ăn làm sao,
nói làm sao bây giờ”
(ND)*

Mặt đối mặt. Tim chạm tim
Còn ngờ (lỡ lối, lạc miền) chiêm bao

Ai bày (chước độc) mưu cao
Gặp nhau cúi mặt mạch trào máu đen

Mắt gặp mắt. Tình gặp tình
Ai ngờ (trong cõi ba sinh) có ngày

Dấm chua. Muối mặn. Gừng cay
Chưa từng (ném trái kế dày) chước sâu

Đau này ai biết cho nhau
Nghịch oan. Duyên ảm. Tình nhàu. Nghĩa sông

Khúc [265]

HOẠN NƯỞNG MỪNG THÚC
TIỆC BÀY ĐOÀN VIÊN

“Tẩy trần mượn chén

giải phiên đêm thu”
(ND)

Dặm trường (bụi lấm) yên cương
Nỗi vui đoàn tụ. Nỗi buồn chia ly

Tẩy trần mượn chén vân vi
Rượu ngon. Thịt béo. Tình si. Nghĩa dày

Đền chong. Hoa kết. Trầm vây
Vui đêm sum họp. Quên ngày đường xa

Nồng nàn. Âu yếm. Thiết tha
Mời nhau (cạn chén quan hà) thủy chung

Mừng nhau (sóng mắt) trùng phùng
Nói cười. (Rào đón mộng lung). Khó lường

Khúc [266]

KIỀU HẦU HOẠN, THÚC
GÂY ĐÀN MUA VUI

“Cuộc vui
gây khúc dạo trường ấy chi”
(ND)

Niềm sau trước. Nỗi hưng vong
Ngón tay điệu thủ khoá vòng trần ai

Tâm mê tỉnh. Thân lạc loài
Cung trong rơi lệ. Trời ngoài mưa giăng

Tiếng đàn (vỡ tuyết) tan băng
Sầu mưa. Thảm gió. Rụng trắng. Lịm dòng

Dây tơ (ai oán) trầm hôn
Năm cung than khóc. Ba hồn ngất say

Bốn dây lạnh buốt lòng tay
Nghĩa chua mật vừa. Tình cay rượu hèm

Khúc [267]

AI VUI CHẴN ẦM
KỂ BUỒN PHÒNG KHÔNG

*“Người ngoài cười nụ,
người trong khóc thầm”
(ND)*

Nổi hương. Rót rượu. Khơi đèn
Tiệc khuya chưa dứt. Trăng đêm gần tàn

Người vầy chẵn gấm, màn loan
Kể ôm đàn khóc lệ tràn tây hiên

Phím loan (dằng dặc) ưu phiền
Mưa rơi. Bão rút. Suối nghiêng. Mây quàng

Thùng đàn gỗ quặn đường gân
Đón đau hai mặt. Bâng khuâng hai lòng

Dấm chua. Rượu nhạt. Lệ ròng
Bốn dây (mười ngón tơ hồng) đêm chùng

Khúc [268]

MỘT TÊN SỢ VỢ
BẢN CHẤT THÚC SINH

*“Vội vàng
gượng nói gượng cười cho qua”
(ND)*

Danh long đông. Phận long đông
Áo cơm (thẹn mặt, tủi lòng) nam nhi

Thẹn mày râu. Thẹn tu mi
[Sân Trình. Cửa Khổng. Trường Qui. Sách đèn]

Tam cương (bách hạnh) rồi beng
Ngũ thường (năm mối sang hèn) thị phi

Chữ tình (gốc lụy) sân si
Trăm cay nghìn đắng cũng vì non gan

Đường hoạn lộ đã lỡ làng
Tình duyên (oan khốc, bể bang) riêng chung

Khúc [269]

TRAO TRÌNH HOẠN, THÚC
KIỀU VIẾT TỜ CUNG

*“Rằng tài nên trọng
mà tình nên thương”
(ND)*

Kiều nghiêng tóc rối chảy tràn
Vai (run rẩy) động. Lệ (bàng hoàng) rơi

Tay tiên (mười ngón) tuyệt vời
Ngón măng tháp bút. Ngón ngời kiêu sa

Giấy vân tiên. Mực cảm hoa
Rót dòng (tâm huyết lệ nhòa) trang thơ

Thanh tao. Cổ kính. Diệu vời
Hàng hàng châu ngọc. Lời lời gấm nhung

Quỳ dâng Hoạn, Thúc tờ cung
Tiêu dao đáng ghét. Ung dung đáng ngời

Khúc [270]

CHÚT TÌNH CŨNG MẾN
NHƯNG DUYÊN KHÔNG CHÌU

*“Thoạt xem
đường có ngăn ngại chút tình”
(ND)*

Tờ cung nâng trước mặt người

Rừng sâu thác trút. Biển khơi sóng dìm

Biết đâu (ngọc nát) vàng chìm
Lòng người đáy giếng. Dấu chim vực nguồn

Tài nên trọng. Tình nên thương
Mà lòng dan díu, ai nhường chi ai

Tài này (sắc ấy) chưa phai
Nghìn vàng đúc sẵn lâu đài cũng nên

Người trên (tổ lượng) kẻ trên
Mở chuồng. Tháo cồng. Nói then. Cởi tròng

Khúc [271]

ĐẦU QUAN ÂM CÁC
KIỀU ĐƯỢC THOẢ LÒNG

*“Rắp đem mệnh bạc
xin nhờ cửa không”
(ND)*

Biết đâu đại. Biết đâu khôn
Đầu Quan Âm Các quên hờn, oán, thương

Chép kinh. Niệm Bụt. Thỉnh chuông
Hoa Nghiêm lá bối. Vô thường mực thơm

Sớm chiều (khánh mõ) trầm ươm
Mây vương bút thánh. Hoa tươm nét thần

Nén lòng. (Gạn đục). Khơi trong
Bể trần thủ phận. Cửa không gởi mình

Tìm gác tử. Lánh bụi tình
Nhang, đèn phảng phất. Điện, kinh tịnh ngời

Khúc [272]

TỤC DANH NAY ĐỔI

PHÁP DANH TRẠC TUYỀN

*“Áo xanh
đổi lấy cà sa”
(ND)*

Suối trong. (Nước đục). Ngược đời
Dòng trong, ai biết. Nước ngồi, ai hay

Trạc Tuyền (pháp hiệu) từ nay
Khe phồ đá gọn. Suối bày râu nguyên

Đổi tên. Giấu họ. Lánh phiền
Hoa Nô ngạc ngạc. Trạc Tuyền phiêu phiêu

Từ Thuý Kiều, đến Mã Kiều
Mấy năm lưu lạc bao điều trở trính

Đổi tên chẳng đổi tâm tình
Lầu son. Thềm phấn. Gác kinh. Thư phòng

Khúc [273]

KIỀU ĐÁP Y VÀNG
LÀM KHÁCH THƯỢNG TÂN

*“Lửa lòng tươi tắt
mọi đường nhân duyên”
(ND)*

Thay áo vải. Mặc áo vàng
Chép kinh tu đạo vào hàng Thượng Tân

Sách Hoa Nghiêm. Bút Trạc Tuyền
Đạo duyên vừa chớm. Tục duyên dần tàn

Khép lối mê. Mở đạo tràng
Vườn sau. Sân trước. Hoa làn. Bướm đưa

Tháng chầy (khánh sớm) mõ trưa
Thời kinh triều mộ gió đưa ong vờn

Lòng nguôi hận. Tâm nguôi hờn
Niềm vui dịu dịu. Nỗi buồn rưng rưng

Khúc [274]

XUÂN HOA, THU NGUYỆT
HÀU HẠ HƯƠNG ĐÈN

*“Xuân, Thu
cắt sẵn hai tên hương trà”
(ND)*

Xuân Hoa, Thu Nguyệt đôi vừng
(Sắc dâng nhả điệu. Hương bùng nhả thanh)

Trăng Thu sáng. Hoa Xuân lành
Môi cung sơ nguyệt. Má vành nguyên tiêu

Thương mệnh ít. Tiếc duyên nhiều
Dương Tư Dì Nguyệt cột trêu khách tình

Cùng nhau gỡ gỡ, nghe kinh
Đốt trầm. Thắp nến. Nện kinh. Thỉnh chuông

Pha trà. Nồi sập. Khơi hương
(Kế ngoài lời lỏng. Mưa trong sâu dày)

Khúc [275]

NƠI QUAN ÂM TỰ
THUÝ KIỀU CHÉP KINH

*“Ngày pho thủ tự,
đêm nhồi tâm hương”
(ND)*

Tài hoa (thơm ngát) đôi tay
Búp lan mười ngón sen bày đoá xuân

Phút giây (động thủ) xuất thần
Lan Đình Nhả Tập mây quầng giấy thiêng

Mực thần. Bút thánh. Tay tiên
Chép trang (kinh ngọc Hoa Nghiêm) đạo màu

Tóc nghiêng (chảy lợt) vai sầu
Rồng tranh. Hạc múa. Lân châu. Phụng xoay

Chữ cuộn cuộn chảy cung mây
Hoa ươm nhụy mộng. Phấn rây hương thiên

Khúc [276]

CỬA QUAN ÂM CÁC
NHỮNG NGÀY TẠM YÊN

*“Dường gần rừng tía,
dường xa bụi hồng”
(ND)*

Tiếng kinh xoá nỗi ưu phiền
Trầm xông (khói quyện phiêu nhiên) tháng ngày

Tâm gạn tĩnh. Tình lọc say
Chút lòng (tịch mặc mây bay) sương ngần

Nhang bùng. Khói toả. Hương dâng
Hoa viên viện sách như gần như xa

Đêm ngày khánh mỗ ngân nga
Nhớ thương (chầy tháng phôi pha) lịm dần

Tình man man. Ý man man
Quẩn quanh. Quanh quẩn. Ươm trầm. Trầm ươm

Khúc [277]

GÁC KINH, VIỆN SÁCH
TƯỞNG GẦN HOÁ XA

*“Trong gang tấc
lại gấp mười quan san”*

(ND)

Hương tình (viện sách) thoảng thơm
Gác Quan Âm tiếng mõ hờn gọi khuya

Nhớ. Thương. Trông. Ngóng. Mong. Là
Trăng này tròn khuyết. Lòng kia vui đầy

Chập chờn (cơn tỉnh) cơn say
Đêm (dầm) lệ ngọc. Ngày (mài) mực châu

Biết đâu (manh mối) là đâu
(Gió sương đất khách. Biển dâu quê người)

Tơ lòng (ngõ ý) còn tươi
Khói hun nền bạc. Trầm khơi lư đồng

Khúc [278]

THỪA LÚC VẮNG HOẠN
THÚC LÉN THĂM KIỀU

*“Xăm xăm
đến mé vườn hoa thăm nàng”
(ND)*

Nhớ nhung (khắc cốt) chưa sờn
Lời nguyện (thệ hải, minh sơn) còn nồng

Vạch hoa. Rẽ lối. Tìm đường
(Giật mình đàn bướm. Hoảng hồn bày ong)

Cẩn rằng bề một chữ đồng
Vạn lời muối mặn. Nửa hồn gừng cay

Trăm năm (thoảng cuộc) bề dâu
Chút hương (tình cũ chấp sầu) chưa phai

Nợ nần (ai đã) vì ai
Chữ đồng (ai đã chia hai) từ ngày

Khúc [279]

THÚC, NỖI BẤT LỰC
VÀ LÒNG THƯƠNG NHỚ

*“Thấp cơ
thua trí đàn bà”
(ND)*

Vì ta nên nổi nước này
Vì ta (má phấn, mày ngài) héo hon

Vì ta (thương nhớ) mỗi mòn
Vì ta (mắt biếc, môi son) rạc gầy

Bởi ta thua trí đàn bà
Bởi ta (thúc thủ), (bó tay) chịu lòn

Bấy lâu (lòng dạ) sâu hong
Miệt mài. (Nung nấu chưa tròn). Nghĩa ân

Thì thôi duyên nợ có ngần
Thì thôi. (Rừng ngút. Núi ngàn). Cao bay

Khúc [280]

THUYẾT KIỀU XIN THÚC
MỞ CỔNG CHO ĐI

*“Ấy là tình nặng,
ấy là nghĩa sâu”
(ND)*

Tình ai khát. Nợ ai vay
Nghịch duyên. (Huyền hợp. Bèo mây). Lễ thường

Xin chàng lưu chút vắn vương
Đưa tay (mở khoá khai đường) mai sau

Ra đi còn nhớ buổi đầu
Trăm năm (không thẹn trầu cay) bể bàng

Dỡ dang. (Trần trở). Lỡ làng
Sắc son tô đậm. Đá vàng khắc sâu

Rộng lòng giải thoát cho nhau
Món quà. (Ngang trái. Thảm sầu). Duyên ta

Khúc [281]

HOẠN THƯ CHỨNG KIẾN
THÚC, KIỀU THỞ THAN

*“Rành rành
kẻ tóc chân tơ”
(ND)*

Mặt hoa (nếp dưới) tàng hoa
Tai nghiêng. Gót nhón. Mắt loà. Miệng câm

Ruột đứt đoạn. Gan tái bầm
Đôi môi (nở nụ hương trầm) khói bay

Vờ như đại. Giả như ngây
Im lìm (gió thoảng phẩn lay) ngỡ ngàng

Lắng nghe lòng cảm thương chàng
Tài hoa. (Nghĩ cũng mến nàng). Tân toan

Lửa ghen (muôn thuở) đa đoan
Ai chia. Ai sót. Ai san. Ai nhường

Khúc [282]

ĐANG ĐÊM VƯỢT THOÁT
TRỐN KHỎI HOẠN GIA

*“Lần đường
theo bóng trắng tà về tây”
(ND)*

Ái ân (ngấm có) dường này
Phận duyên càng buộc. Đắng cay càng phiền

Nửa đêm lạnh, vượt tường nghiêm
Vành cong (ngờ ngạch lười liềm) rọi theo

Trời cao (nửa mảnh) vàng treo
Núi rừng trùng điệp. Ầi dào tứ vi

Ngậm ngùi (mỗi bước) chân đi
Bóng trắng huyền ảo cũng vì người soi

Vượt bao ghềnh, thác, nông, đồi
Trời khuya. (Thu lạnh bời bời). Gió heo

Khúc [283]

DẶM KHUYA THÂN LỮ
KHÁNH NGỌC, CHUÔNG VÀNG

*“Phần e đường sá,
phần thương dãi dẫu”
(ND)*

Bìa rừng. Hẻm núi. Lưng đeo
Dấu chân cát trộn. Dấu bèo sương pha

Chuông vàng (khánh bạc) oằn vai
Mặt mừng. Bóng hạc đòi tây. Dặm nghìn

Bước từng bước, nhủ lòng tin
Chung quanh (trời, đất, thần, tiên) hộ trì

Của người (gói ghém) mang đi
Quả là (phận hẩm, duyên thiêu) âu đành

Tủi thân (phí uổng) ngày xanh
Công ơn (dưỡng, dục, sinh, thành) nhói tim

Khúc [284]

BƠ VỢ DẶM KHÁCH
ĐẦU CHIỀU ẮN AM

*“Mặt mù
dặm cát đồi cây”
(ND)*

Mặt mờ (lớp lớp) sương im
Mái cong cổ tháp lặng chìm sương mờ

Cửa Không (đợi khách) khép hờ
Giang tay tế độ thoát bờ trầm luân

Tạ ơn (lối cỏ) trắng rừng
Khi mờ. Khi tỏ. Khi bừng. Khi phai

Cổng tùng mở lối thiên thai
Sân rêu (nước nhợt, bông lai) đón mời

Tri ân (linh khí) đất trời
Núi (sâu) hoang lạnh. Rừng (khởi) hải hùng

Khúc [285]

ÂN NHÂN BỒ TÁT
SỰ TRƯỞNG GIÁC DUYÊN

*“Trụ trì nghe tiếng
rước mời vào trong”
(ND)*

Bi tâm thương mảnh hồng quần
Nghịch duyên nặng nợ. Bụi trần đa mang

(Nay lều cỏ. Mai am tranh
Lúc gian nước biếc. Khi làn mây thiêng)

Nghiệp oan (cộng hưởng) niềm riêng
Gánh phần. Chia số. Xóa hiềm. Chung ưu

Dù không (ngựa quý) khinh cừu
Phong trần đã trải. Phong lưu đã từng

Đã là nghiệp. Đã là thân

Chất chiu. (Nợ cũ khát lần). Lãi tăng

Khúc [286]

UỐNG RƯỢU LÀM THƠ
NƠI CHIỀU ẪN AM

*“Nhất liên giai vịnh
độ thanh tiêu”
(Thanh Tâm Tài Nhân)*

Ngọc Hoàng Các. Chiều Ẽn Am
Cửa Không mây động. Cõi phàm mây trôi

Rừng. Cây. Bến. Nước. Suối. Ngòi
Hồi chuông (bát nhã), (trầm khơi) khói thiền

Kiều ngâm mấy khúc đoản thiên
Phấn mê bốn hướng đắp viên trăng tươi

Bút thiêng (mực đọng) giọt ngời
Trùng quan núi thẳm. Trùng khơi dặm mù

Môi đêm hạ. Mắt chiều thu
Vật lam gió gheo. Áo tu sương viên

Khúc [287]

NGÂM THƠ UỐNG RƯỢU
TRÊN CẦU THẮNG TIỀN

*“Cửa khuyết giữa từng mây
Lên cao mở dạ này”
(TTTTN)*

Canh năm lạnh buốt non tiên
Trăng mơn nhều sữa. Sương hiền rụng tơ

Khách thiền (uống rượu) ngâm thơ
Giọng Kiều cao vút đỉnh mờ non tây

Long đông từ độ xa bầy
(Đọt se xuân hạ. Hoa gầy thu đông)

Trơ gốc nhớ. Bầy ngọn trông
Giác Duyên Sư Trưởng, Triệu Không Bất Hà

Uống say (cối thể) ta bà
Uống quên (khánh, mõ, trắng, hoa) lửa phiền

Khúc [288]

BÓNG DÁNG TIÊN HẠC
TAM HỢP ĐẠO CÔ

*“Tu là cõi phúc,
tình là dây oan”
(ND)*

Vân du (hành khước) khắp miền
Mang bầu quẫy trấp tùy duyên nhàn hành

Gương trời đáy nước long lanh
Ung dung cánh nhọn mây hoành gieo hoa

Quả kinh (đầu trượng) đường xa
Dặm ngàn (sông, rạch, giang, hà) biếc xanh

Phiêu nhiên từng bước vân hành
Dấu chân (thanh tịnh), (sen lành) trở hoa

Dép chỉ thảo. Áo cà sa
Ni hài (sương rụng, nắng nhòa) vắng lai

Khúc [289]

TUNG TÍCH BẠI LỘ
GIÁC DUYÊN NGỖ NGÀNG

*“Nửa thương nửa sợ
bồi hồi chẳng xong”
(ND)*

Tiếng kinh trong cõi ta bà
Bước chân (phiêu dật hồng sa) dấu hài

Giọt mưa lỡ một lằm hai
Ngõ ngang thân thế. Mĩa mai cát đàng

Vu Lan mở hội mừng trăng
Ghé chùa (thí chủ nhang đèn) thắp hương

Cho hay gia bảo Hoạn Nương
(Chuông vàng. Khánh bạc. Lư hương. Lò trầm)

Từ Quan Âm Các không lằm
Thánh triều (cống phẩm ngoại bang) làm quà

Khúc [290]

KIỀU ĐÀNH TÁ TÚC
TỰ GIA BẠC BÀ

*“Mừng thăm được món
bán buôn có lời”
(ND)*

Theo lối quý. Lạc đường ma
Chuông vàng. Khánh bạc. Cà sa. Ni hài

Thân lâm lụy. Phận an bài
Bụi trôi dòng đục mười hai bến đời

Nơi nào nghiệt. Chốn nào lời
Bến nào (thuyền đậu, thuyền rời) tùy duyên

Thân gái sắc. Phận thuyền duyên
Lạc hoa (hương phấn). (Áo xiêm) đổi màu

Tháo ra (rồi lại) buộc vào
(Thềm lan. Thiền tự. Ngõ đào. Lối hoa)

Khúc [291]

CŨNG PHƯỜNG BUÔN THỊT
BÁN NGƯỜI LẦU XANH

*“Bạc Bà
học với Tú Bà đồng môn”
(ND)*

Miệng lẫn (lưỡi mối) điêu ngoa
Cũng phường (buôn phần bán hoa) biệt tài

Mừng thăm được mối đào mai
Châu Trần úp mở. Châu Thai nhập nhằng

Lọc lừa (sấp ngựa) từng quen
Múa môi. Thề thốt. Miệng lẫn. Ba hoa

Oan gia gặp phải Bạc Bà
Rõ ràng (hành trạng yên hoa) chợ đời

Ngờ đâu đẹp một lời mời
Tĩnh ra (ngiên ngựa đất trời) nghiệt oan

Khúc [292]

MA CÔ BẠC HẠNH
CHÁU CON BẠC BÀ

*“Bạc đem mặt bạc
kiếm đường cho xa”
(ND)*

Nguyễn Thổ Công. Khán Thành Hoàng
Xôn xao buồm dựng. Vội vàng xe đưa

Món hàng (gặp giá) đương vừa
Mười lời. Một vốn. Lãi thừa. Lộc ngon

Cũng sinh lễ. Cũng nghinh hôn
Thuyền xuôi nước ngắn. Ngựa bon dặm dài

Ra điều (áo mào) cân đai

Tưởng đâu (gái sắc trai tài) xứng duyên

Đất trời (nửa giấc) oan khiên
Bao cơn (ác mộng rã riêng) tình ngờ

Khúc [293]

BẠC BÀ, BẠC HẠNH
ĐÁNH LỬA KIỀU NƯỞNG

*“Cũng phường bán thịt,
cũng tay buôn người”
(ND)*

Đang nằm mơ, thấy mình mơ
Thấy trò (nhân nghĩa lập lò) trắng đen

Thử liều (nhắm mắt) gieo chân
Đâu ngờ (con Tào xoay vần) oái oăm

Bao phen tay đã nhúng chàm
Rõ ràng (thân phận tơ tằm) quấn quanh

Quả nhiên Nguyệt Lão đành hanh
Hai trăm bốn chục lạng vàng đành trao

Đường ma (lối quỷ) mắc vào
Hềm như ngõ cụt lối nào thoát cho

Khúc [294]

CHÂU THAI HÀNH VIỆN
THÊM BƯỚC LONG ĐÔNG

*“Cũng thân mây trắng,
cũng phường lầu xanh”
(ND)*

Lại mây trắng. Cũng mặt mo
Lòng sông (đáy biển khôn dò) nông sâu

Sáng, trà ấm. Tối, rượu bầu
Vào. Ra. Nhộn. Nhịp. Công. Hầu. Ngựa. Xe

Cũng hương phấn. Cũng xiêm nghề
Cũng say lựa mỏng. Cũng mê đáng ngời

Ngàn sau (để một) trận cười
Chuốt câu phong nguyệt. Nổi lời bướm ong

Lòng xa. (Càng xót). Xa lòng
Tám trăng vĩnh thệ hư không lời thề

Khúc [295]

MỘT ĐỜI BÈO GIẠT
SUỐT KIẾP HOA TRÔI

*“Tài tình chi lắm
cho trời đất ghen”
(ND)*

Trầm dịu dịu. Hương thê thê
Gót sen rụng ngọc, đã dề chiêm bao

Khóc thầm (danh phận) lao đao
Sương neo cánh gió. Tuyết gào sườn non

Không không. Sắc sắc. Chập chờn
Vô thường (sỏi vụn lối mòn) trắng soi

Nghĩ thương thân phận lạc loài
Thi thư. (Đáng mặt con nòi). Nho gia

Má hồng (từ buổi) phai pha
Trang kinh (lá bối, giấy hoa) nhạt nhòa

Khúc [296]

HỒNG LOAN CHIẾU MỆNH
NỢ NẦN YÊN HOA

*“Biết thân
chạy chẳng khỏi Trời”
(ND)*

Duyên son phấn. Nợ yên hoa
Hồng Loan (chiếu mệnh lập lòe) chủ tình

Lụy vì nghĩa. Đọa vì tình
Sớm ngây ngất mộng. Chiều thành linh mê

Trăm năm (một cõi) đi về
Xa xăm nổi có. Cận kề nổi không

Núi. Đèo. Nồng. Giốc. Ghềnh. Truong
Đi cho hết kiếp đoạn trường yên hoa

Kinh qua (muôn chặng) ta bà
Hoàng hôn bụi lấm. Chiều tà phấn mê

Khúc [297]

BƯỚC ĐƯỜNG LUÂN LẠC
GẶP KHÁCH BIÊN ĐÌNH

*“Râu hùm,
hàm én, mây ngài”
(ND)*

Nay đất Sở. Mai biển Tề
Thanh gươm yên ngựa bốn bề quân thao

Râu hùm (thuần). Mây sói (đao)
Bão tràn. Kiếm bạt. Sóng trào. Gươm phăng

Biên đình khách mới xưng danh
Nghe vang (sấm nổ tường thành) cửa mê

Dập diu (đưa đón) ngựa xe
Châu Thai hành viện tơ se duyên nồng

Kẻ từ (phận số) long đong
Cơ may run rủi lọt trông mắt xanh

Khúc [298]

BẢN CHẤT TỪ HẢI
NGANG DỘC ANH HÙNG

*“Côn quyền hơn sức,
lược thao gồm tài”
(ND)*

Tài lấp vực. Chí xẻ băng
Ngừng đầu mài kiếm. Chỉ trắng lập thề

Đạp yên (sóng gió) bốn bề
Sói lang bạt vía. Kinh nghệ khiếp hồn

Đất nghiêng. Trời lệch. Bão dồn
Thanh gươm (yên ngựa sóng cồn) động binh

Tiến lui (cát cứ) biên đình
Một tay (khiển tướng điều binh) cõi ngoài

Quân triều xếp giáp bó tay
(Túi cơm bị thối một bầu cơn quang)

Khúc [299]

CHÍ LỚN TỪ HẢI
HỒ, THỦ, TANG, BÔNG

*“Phong trần
mài một lưỡi gươm”
(ND)*

Tài linh điều. Chí đại bàng
Ngoài bình giặc dữ. Trong an dân lành

Quyền mưu. (Tế thế). Kinh bang
Thu quân. Bắt tướng. Trừ gian. Đoạt thành

Đánh cho (khôi giáp) tan tành

Đánh khoe (uy vũ, tài lành) vung tay

[Trời (trên) cao. Đất (dưới) dày]
Đuổi quân triều mặt chạy dài ngựa run

Đao. Thương. Chùy. Kích. Kiếm. Cung
Sấm uy biên trấn. Lẫy lừng biên cương

Khúc [300]

TRỜI SINH HÀO KIẾT
ĐẤT DUNG ANH TÀI

*“Họ Từ, Tên Hải
vốn người Việt Đông”
(ND)*

Thời lửa ngược. Buổi khói xuôi
Trời nung hào kiệt. Đất nuôi anh tài

Sá gì áo, mao, cân, đai
Một tay khuấy nước chia hai sơn hà

(Khi hoà thượng, lúc thương gia)
Bầm sinh (trọng nghĩa khinh tài) quảng giao

Bốn phương chiêu nạp quần hào
Dựng cờ đất Việt nêu cao chí hùng

Cường hào (ác bá) không dung
Tham quan những lại ngại ngùng đường gươm

Khúc [301]

THUYỀN QUYÊN, LIỆT NỮ
NAM NHI, ANH TÀI

*“Tấm lòng nhi nữ
cũng xiêu anh hùng”
(ND)*

Trai anh hùng. Gái thuyền duyên
Cỡi rồng. Sánh phượng. Tác nguyên. Xe tơ

Thanh gươm. Yên ngựa. Túi thơ
Sáng hăm kinh điển. Chiều hơ lửa lòng

Gặp nhau (từ thuở) long đông
(Thương nhau) chín nhớ mười mong (từng giờ)

Lụy nhau (từng buổi) nguyệt mờ
Khi hăm rượu ngọt. Khi chờ trăng tươi

Khi ần nhọc. Lúc dương hư
[Núi sông. (Thế nước. Cơ trời). Lòng dân]

Khúc [302]

CUNG CÁCH HÀO SẼNG
TỪ HẢI TỔ TÌNH

*“Rằng nghe
nổi tiếng má đào”
(ND)*

Nghe đồn nước tiếng tài hoa
Cầm. Kỳ. Thi. Họa. Xướng. Ca. Luận. Bình

Phong hương huệ. Khép nhụy quỳnh
Bút vung (Nhã Tập Lan Đình) phụng bay

Biết nhau qua một chữ tài
Lụy nhau (thiên mệnh an bài) phút giây

Danh là đâu. Phận là đây
Nhà vàng đức sẵn chờ ngày hưng binh

Nghiêng trời (vạch đất) oai linh
Xin dâng thành quách tỏ tình thủy chung

Khúc [303]

KIỀU, TỪ GẮN BÓ
TÌNH LỚN THEO NGÀY

*“Muôn chung nghìn tứ
cũng là có nhau”
(ND)*

Một đời được mấy anh hùng
(Quang. Minh. Chính. Đại. Khiêm. Cung. Trí. Cường)

Một rừng được mấy hoa vương
Tinh anh rắc gió. Sắc hương rây tình

Đêm trăng (ngày bướm) rập rình
Dựng gương nóc rượu. Nghiêng bình cười khan

Chuyện đời, luận. Việc nước, bàn
Đồng thanh tương ứng. Đồng tâm tương cầu

Hơi kiếm lạnh. Sắc thép ngời
Hoành thương. Vạch đất. Chỉ trời. Xưng tên

Khúc [304]

ƠN NHAU TRI NGỘ
TRI KỶ, TRI ÂM

*“Anh hùng
đoán giữa trần ai mới già”
(ND)*

Nghe đàn trộm đã biết âm
Tri ngộ. Tri Kỷ. Tri tâm. Tri tình

Ai biết ta. Ai vì mình
Đãi nhau. (Vào bậc bổ kinh). Hả lòng

Phải đâu (ong bướm) lượn vòng
Vờn quanh vườn mộng hoa tàn lại bay

Đã biết nhau. Sẽ vì nhau
Muôn chung nghìn tứ cũng san sẻ đều

Sống cho nhau. Chết vì nhau
Đầu tên. Mũi đạn. Hào sâu. Thành bằng

Khúc [305]

LÀU XANH THOÁT NẠN
TỪ HẢI CHUỘC KIỀU

*“Tiền trăm
lại cứ nguyên ngân phát hoàn”
(ND)*

Mặn mòi (cũ nước) tuần trăng
Anh hùng đương vận. Bóng Hằng đương xuân

Muôn chung. Nghìn tứ. Nghinh thân
Phận may. (Sánh phụng. Cõi lân). Duyên thành

Gái thiên kim. Giá liên thành
Vàng mâm sính lễ. Thiếp danh trình vào

Bao năm (khổ nhục) lao đao
Biển khơi sóng lặng. Rừng cao gió lành

Có hoa. Có lá. Có cành
Có trắng. Có nước. Có tình. Có duyên

Khúc [306]

THUÝ KIỀU, TỪ HẢI
XÂY TỔ UYÊN ƯƠNG

*“Đặt giường thất bảo,
vây màn bát tiên”
(ND)*

Giường thất bảo. Màn bát tiên
Nửa năm (nước nhục, đào nguyên) tuyết trần

Đêm bắt bóng. Ngày nhiếp hồn

Bâng quơ hoa lạc. Bồn chồn hoa rơi

Khi bát rượu. Lúc cuộc cờ
Khi trà Long Tỉnh. Lúc thơ Thịnh Đường

Chờ dựng cũi. Đợi nghinh hôn
Giáp binh mười vạn, cung cong, dáo dài

Tiền hô. Hậu ứng. Cân đai
Đón nhau về chốn lân đài vầy duyên

Khúc [307]

NHỮNG NGÀY ĐẦM ẤM
HẠNH PHÚC ĐỜI KIỀU

*“Nửa năm
hương lửa đương nồng”
(ND)*

Trưa cờ thánh. Chiều rượu tiên
Sớm vàng mây bạc. Khuya viền trăng tươi

Ngày kinh điển. Tối binh thư
Môi kè. Má ấp. Miệng cười. Mắt đưa

Vừa mê mệt. Đủ say sưa
Mãi cho [(còn thiếu) - (chưa thừa)] tình si

Buổi thâm giao. Thuở xuân kỳ
Đàn ca. Xên phách. Xiêm y. Nghê thường

Rượu. Trà. Tâm. Ý. Nhụy. Hương
Anh hùng (nhi nữ tình trường) thiên nhai

Khúc [308]

TỪ, KIỀU ĐỐI ẦM
KHOÁI LUẬN ANH HÙNG

“Côn quyền hơn sức,

lược thao gồm tài”
(ND)

Anh hùng (đứng giữa) trần ai
Như tùng. Như bách. Như mai. Như quỳnh

Không đua dáng. Không khoe hình
Thân cao. Đứng thẳng. Một mình. Nở đông

Không sợ gió. Chẳng ngại giông
Chém kình (chí cả). Cối rồng (tài cao)

Tiến. Lui. Xuất. Xử. Ra. Vào
Đeo gươm tể tướng. Khoát bào nguyên nhung

Hoành thương. Vạch đất. Xưng hùng
Trùng hưng cương thổ. Chấn hưng cương thù

Khúc [309]

TỪ, KIỀU TRIẾT LUẬN
QUÂN TỬ, TIỂU NHÂN

*“Những phường
giá áo túi cơm sá gì”*
(ND)

Thanh gươm quân tử phù suy
Chước cao bình giặc. Mưu kỳ an dân

Lưỡi đao (phù thịnh) tiểu nhân
(Đâm thuê. Chém mướn. Tranh phần. Lập phe)

Chồn đàn (cáo lữ) kết bè
(Vây giương. Vuốt múa. Nanh nhe. Móng vờn)

Thanh gươm kiến nghĩa không sòn
Biên duyên trấn giữ. Giang sơn khuôn phò

Ra dũng tướng. Vào uyên nho
Triều cương lương đồng. Cối bờ cần vương

Khúc [310]

TỪ, KIỀU UỐNG RƯỢU
LUẬN BÀN BẦU ĐAO

*“Làm cho
rõ mặt phi thường”
(ND)*

Nguyên Nhung kiếm. Tề Tướng gươm
(Kiếm tanh gió lạnh. Gươm thơm sương ngần)

Tài vương tá. Chí kinh luân
Mưu cao Hàn Tín. Sức tràn Hạng Vương

Đường gươm (phỉ chí) tang bồng
Chỉ trời. Vạch đất. Xẻ sông. Phá thành

Rượu phun mài rợn thép xanh
Trăng nghiêng cảm khái. Sao chênh quan hoài

Đường gươm (vũ lộng) cỡi ngoài
Rồng bay. Phượng múa. Lân xoay. Hổ vờn

Khúc [311]

ĐƯỜNG GƯƠM TỪ HẢI
CHỌC NƯỚC, KHUẤY TRỜI

*“Gươm đàn nửa gánh,
non sông một chèo”
(ND)*

Đường gươm (chênh chếch) phiêu bồng
Tuyết rơi. Mây cuộn. Gió lồng. Sương sa

Đao phong (vũ lộng) tài hoa
Chấn uy (một cỡi năm toà) thành Nam

Vó tràn (ngựa đạp) quan san
Trèo đèo. Lội suối. Vượt ngàn. Băng sông

Chí trấn ải. Tài định sơn
Thanh gương (ba thước chưa sòn) sức trai

Yên gió mỏng. Bờm tuyết dày
Trí mưu động địa. Sức tài kinh thiên

Khúc [312]

HẢI HỒ RÉO GỌI
MỘNG LỚN RA ĐI

*“Trượng phu thoát đã
động lòng bốn phương”
(ND)*

Bồng đầu (lửa ngát) khắp miền
Hải tần sấm dậy. Bụng biển sét rung

Ra đi hẹn cuộc trùng phùng
Tinh binh. (Mười vạn xưng hùng). Cối riêng

Vung thương (trời ngửa) đất nghiêng
Hoành đao (Hậu Thổ, Hoàng Thiên) mỉm cười

Hé nghiêng (cổng gió) thấy trời
Chí trai vạn dặm tít vời bể Đông

Ra đi (cung kiếm) tang bồng
Ráng chiều (khói ửng vó hồng) áo sương

Khúc [313]

TỪ XÂY MỘNG LỚN
THUÝ KIỀU XIN THEO

*“Chàng đi
thiếp cũng một lòng xin theo”
(ND)*

Ngại hiên quạnh. Ngại lâu không

Ngại thân cô chiếc. Ngại phòng vắng tanh

Ngại đêm thắm. Ngại chiều hoang
Ngại mình đơn lạnh. Ngại chàng trở vơ

Kiều nguyên thắt chặt tóc tơ
Nguyễn cùng (chia sớt nguy cơ) dặm đường

Rằng: Nhi nữ (thói) tình trường
Gươm đao. (Hung hiểm. Bất tường). Tai ương

Đợi thời nán ná quanh đơn
(Tím tê gối chiếc. Xanh rờn đệm riêng)

Khúc [314]

ĐẤT TỪ DẤY NGHIỆP
DANH THẮNG HÀNG CHÂU

*“Ngất trời
sát khí mơ màng”
(ND)*

Dân vi quý. Dân vi tiên
Vĩ dân. (Mài kiếm rửa phiên). Cứu dân

Tài muôn trượng. Chí nghìn cân
Vung đao. Chém tướng. Thu quân. Đoạt thành

Vĩ nghĩa lớn. Đem tài lành
Thanh gươm. Yên ngựa. Tương tranh. Trướng rồng

Ruổi rong (dặm biếc) còn hồng
Trăng treo bờm ngựa. Sao lồng mũi thương

Kể từ (vạch kiếm) xưng vương
Một miền cát cứ. Mười phương tụ về

Khúc [315]

BUỔI VẮNG TỪ HẢI
TÂM TƯ THUÝ KIỀU

*“Đường kia nổi nọ
ngổn ngang bồi bồi”
(ND)*

Ru võng xuân. Đón gió hè
Hiên lan (trăng rụng đã dề) mù sa

Đưa tay vén bức rèm là
Khôn ngăn (giọt lệ thương nhà) nhớ quê

Mây Tần. (Khói núi). Sương khe
Tới lui mộng寐. Đi về chiêm bao

Má môi (hồng ửng) nụ đào
Vai trâm mây quện. Tóc thao gió về

Ngổn ngang (trăm mối) ê chề
Lầu văn nền lụn. Phòng khuê hương ngần

Khúc [316]

LÒNG KIỀU QUẬN NHỚ
BÓNG HÌNH SÔNG THÂN

*“Sân lai
cách mấy nắng mưa”
(ND)*

Song thưa (thấp thoáng) mây Tần
Ngẩn ngơ mực sớm. Bần thần thơ khuya

Gốc phần. (Cổ lý). Hương xưa
Sớm hôm (hầu hạ nắng mưa) ai người

So đo (đếm tóc) nhớ thời
Tiếng ru (võng mẹ à ơi) ngọt bùi

Trăm thương (nghìn nhớ) ngùi ngùi
Dáng cha (vất vả ngược xuôi) phương trời

Quê xưa (vườn Thuý) xa xôi

Nhớ cha. Nhớ mẹ. Nhớ người. Nhớ em

Khúc [317]

LÒNG KIỀU THƯƠNG NHỚ
HAI EM VÂN, QUAN

*“Đã mòn con mắt
phương trời đăm đăm”
(ND)*

Biết giờ (hương sắc) còn tươi
Biết tình (buổi ấy, bây chừ) đơm hoa

Sôi kinh (nấu sủ) nếp nhà
Đèn mờ viện sách. Trăng tà thư hiên

Chờ tình ủ mộng lương duyên
Chờ mùa (khoa bảng lệnh truyền) trường thi

Chờ hoa (nở kịp) xuân thì
Chờ ngày (bái tổ vinh quy) miếu đường

Ví bằng (cách trở) âm dương
Gượng cười cõi thế. Ngậm gương cửu tuyền

Khúc [318]

HÌNH ẢNH KIM TRỌNG
NGƯỜI TÌNH NĂM XƯA

*“Dấu lìa ngỏ ý
còn vương tơ lòng”
(ND)*

Này tình. (Này nghĩa). Này duyên
Này người buổi mới gặp miền cỏ non

Hiên Lãm Thuý. Khoá lâu son
Vườn sau. Cổng trước. Giả sơn. Nách tường

Trang văn. Mực đọng. Nét vương
Nguyệt sơ vịnh thệ rũ buồn mắt môi

Liêu Dương mộng nhớ dáng người
Lời chung (non nước còn tươi) trắng ngần

Ba sinh nguyện ước còn nguyên
Xuyến vàng. Khăn lụa. Tờ ngần. Rượu mê

Khúc [319]

QUÊ XƯA, VƯỜN THUÝ
GÁC SÁCH, LẦU VĂN

*“Hồn quê
theo ngọn mây Tần xa xa”
(ND)*

Hiên xưa (còn ngát) hương thè
Gác xưa án sách còn thê thiết chờ

Lầu xưa tròn mảnh trăng mơ
Sân xưa (rêu đá vẫn tro) gan tình

Rã rời nguyện ước ba sinh
Nổi trôi. (Ai biết duyên mình). Phận ai

Quê hương (vạn dặm) đường dài
Ngõ xưa. Vườn thúy. Nguyệt đài. Lầu gương

Lư xưa. (Trầm cũ). Phòng hương
Ngân ngơ giàn lý. Ván vương gốc phần

Khúc [320]

TỪ HẢI THOẢ NGUYỄN
MƯỜI VẠN QUÂN THẢO

*“Đầy sông kinh ngạc,
chật đường giáp binh”
(ND)*

Lọng. Cờ. Pháo. Mã. Ròng. Lân
Tinh binh (mười vạn rần rần) thác tuôn

Ngựa xe (ngiênng suối) lệch nguồn
Một miền oai chấn. Mười phương qui hàng

Chí trai (vạn dặm) ngang tàng
Tài này, sức ấy dọc ngang biên thuỳ

Đất trời (sấm động) binh uy
Việt Đông một giải. Lâm Truy nổi liền

Hàng hàng. (Lớp lớp). Quân nghiêm
Gươm thiêng cát lộng. Thành nghiêng đá găm

Khúc [321]

TỪ HẢI HIỂN LỘNG
TRỞ VỀ ĐÓN KIỀU

*“Tấn Dương,
được thấy mây rồng có phen”
(ND)*

Nhớ nhung. Chờ đợi. Khép lòng
Người đi (vó ngựa chinh an) dặm hồng

Bốn phương (thoả chí) tang bồng
Ngày về (uống cạn chén đồng) hợp hoan

Ra đi (từ buổi) giặc càn
Ngày về (hiển lộng, hải hoàn) đại doanh

Khởi binh (tướng suý) ngang tàng
Ngày về (mưa tạnh trời quang) đất bằng

Bước ra giục ngựa đánh tràn
Lui về (quân mã hàng hàng) lệnh nghiêm

Khúc [322]

MỘT CUỘC RƯỚC DÂU
VÔ TIỀN KHOÁNG HẬU

*“Hoa quan phát phối,
hà y rỡ ràng”
(ND)*

Rợp trời. Dậy đất. Trống chiêng
Thành liền dấy dấy. Cờ thiêng hàng hàng

Lọng châu. Rèm bạc. Kiệu vàng
Cung nga. Thể nữ. Quân quan. Triều thần

Rước Kiều (mệnh phụ) phu nhân
Về dinh. (Ra mắt quần thần). Liên hoan

Pháo rền (thành quách) Đại Hoang
Minh Sơn (Thiên Tuế Đại Vương) lâm trào

Vén rèm. Xuống ngựa. Cúi chào
Hẹn xưa. (Dáo dộng tình trao). Buổi đầu

Khúc [323]

MINH SƠN THIÊN TUẾ
ĐÓN VƯƠNG PHU NHÂN

*“Từ Công ra ngựa
thân nghênh cửa ngoài”
(ND)*

Lọng vàng. Kiệu tía. Rèm châu
Tả phù. Hữu dực. Trống châu. Pháo ran

Cổng thành (Từ đứng) hiên ngang
Hoành gươm. Gò ngựa. Dựng thương. Nhếch mày

Sánh vai về trước lân đài
Voi châu. Ngựa phục. Rồng xoay. Gấu quỳ

Nghiêng trời. Lệnh đất. Uy nghi

Trai tài, gái sắc xuân kỳ sánh duyên

Trai anh hùng. Gái thuyền duyên
Vẹn toàn thân phận. Vẹn nguyên thân danh

Khúc [324]

RƯỚC DÂU VỀ TRẠI
THÉT TIỆC KHAO QUÂN

*“Giữa vòng
giáo dựng gươm trần”
(ND)*

Song song vào trước soái doanh
Gươm giảng. Giáo dựng. Thương hoành. Kiếm đeo

Voi găm. Ngựa hí. Quân reo
Trống rền. Pháo nổ. Thịt treo. Rượu hàm

Khách tân. Mưu sĩ. Hiền nhân
Ba quân. Tướng soái. Biền thần. Văn quan

Chia nhau (thứ bậc) uống tràn
Quân doanh (tắm rượu liên hoan) say nồng

Thi tài. Thăng chức. Thưởng công
Thành nghênh ngang đứng. Cờ lồng lộng giảng

Khúc [325]

KIỀU THAN LUÂN LẠC
KHÍCH ĐỘNG LÒNG TỪ

*“Thong dong
mới kể sự ngày hàn vi”
(ND)*

Cờ nổi gió. Gươm uống trăng
Thành liền (lớp lớp sao băng) dầy dài

Đêm tàn rượu. Khuya cạn trà
Kiều kêu phong lạp tóc nhòa sương rơi

Rằng lênh đênh, giặt quê người
Biết bao luân lạc trong mười năm sông

Làm sao kể hết ngọn nguồn
Đắng. Cay. Tủi. Nhục. Hận. Buồn. Ly. Tan

Quan tham. (Heo chó). Hung tàn
Đoạt vườn. Lầy đất. Chiếm nương. Cướp nhà

Khúc [326]

TỪ LUẬN ÂN OÁN
UỐNG RƯỢU TRUNG QUÂN

*“Bất bình nổi trận
đùng đùng sấm vang”
(ND)*

Đùng đùng (vỗ án) thét oai
Vung gươm chém đất. Dựng mây xung thiên

Rằng ta dẹp nổi bất bình
Tháo gông. Mở cũi. Nhổ đinh. Bứt xiềng

Ân phải trả. Oán phải đền
Chén cơm phiếu mẫu nghìn vàng chưa cân

Oán vay. Nặng lãi. Trả dần
Để lâu (lãi chất nợ chồng) tăng mau

Ơn đền trước. Nợ trả sau
Công. Minh. Chính. Đại. Thông. Lầu. Trục. Ngay

Khúc [327]

LUẬT TRỜI BÁO PHỤC
OÁN TRẢ, ÂN ĐỀN

*“Đạo trời
báo phục chính ghê”
(ND)*

Luật trời. (Nhân Quả). Trả vay
Ân đền oán trả. Trả vay phục hoàn

Lưới trời (lồng lộng) man man
Cao xanh có mắt. Dương gian có lẽ

Luật công bằng đã chuẩn phê
Oán đền ân trả, mê mê xoay vần

Nhân sinh quả. Quả tạo nhân
Nhân từ vô lượng. Quả thành vô chung

Từ vô lượng. Đến vô cùng
Ân đền oán trả, trùng trùng nghiệp duyên

Khúc [328]

ĐIỂM QUÂN, TUYỂN TƯỚNG
RA LỆNH THỆ SỰ

*“Đạo ra Vô Tích,
đạo vào Lâm Truy”
(ND)*

Dựng mây. (Trợn mắt). Vắn thiên
Quyết tâm. (Nghĩa lớn dụng quyền). Vung tay

Điểm quân. (Tuyển tướng). Chọn ngày
Gươm giăng chặt đất. Cờ bay rợp trời

Nghiêng rừng thẳm. Letch bể khơi
Oai dương kiếm báu. Dũng ngời thép thiêng

Rượu thề (tế cáo) Hoàng Thiên
Sử Chiêu nhận lệnh qua miền Lâm Truy

Hạ ra Vô Tích dương uy
Lôi Phong (kiện tướng) (quyền tùy) phu nhân

Khúc [329]

BA QUÂN KHÍ THỂ
QUYẾT TRẢ THÙ NHÀ

*“Quân trung,
gươm lớn, giáo dài”
(ND)*

Ba quân (ngựa trắng) rần rần
Đạp phẳng (núi thánh, non thần) liệt oanh

Bừng bùng. Khí thế. Dương danh
Tướng tài. Quân khỏe. Dạ hành. Đuốc thiêng

Đầm run. Núi ngã. Rừng nghiêng
Gươm đao múa tít. Côn quyền vung uy

Vây Vô Tích. Hãm Lâm Truy
Tóm về một mẻ khẩu quỳ trước dinh

Phu Nhân uỷ lạo quân tình
Dưới cờ (rót rượu cáo trình) mối manh

Khúc [330]

ĐẠI DOANH SOÁI PHỦ
LỄ NẠP HIẾN PHỦ

*“Vệ trong thị tập,
cơ ngoài song phi”
(ND)*

Trên trướng hổ. Giữa đại doanh
Kiếm hươi. Gươm tuốt. Đao hoành. Cung giương

Vung tay tháo gỡ mối giềng
Quân reo vỡ núi. Voi rền inh tai

Kiều Nương, Từ Hải sánh vai

Uy nghi. Lầm liệt. Đẳng đài. Điểm danh

(Hoạn Tiểu Thư, Mã Giám Sinh
Khuyển, Ưng, Bạc Hạnh, Sở Khanh, Bạc Bà)

Pháo nghiêm lệnh. Trống nghiêm toà
Một bày (quì dưới trướng oai) chín tầng

Khúc [331]

ĐỀN ÂN, TRẢ NGHĨA
LỄ BẠC NGHÌN VÀNG

*“Nghìn vàng
gọi chút lễ thường”
(ND)*

Đền ơn (trả nghĩa) nghìn vàng
Quản gia, Sư Trưởng, Thúc Lang, Mã Kiều

Ngửa trông ân huệ hoàng triều
Ân nhân (phách lạc, hồn xiêu) lạy mừng

Tâm tình (khinh trọng) băng khuâng
Chút lòng (đùm bọc đỡ nâng) những ngày

Tấm thân còn có hôm nay
(Đường đường mệnh phụ. Dày dày mẫu nghi)

Đức lân tuất. Hạnh từ bi
Mỉm môi thăm hỏi. Điểm mi chào mừng

Khúc [332]

ĐẦU BÊU CÔNG CHỢ
XÁC VÙI CỬA ĐÌNH

*“Phụ người
chẳng bỏ khi người phụ ta”
(ND)*

Bạc Bà, Bạc Hạnh, Khuyển, Ưng
Giám Sinh họ Mã (tay lừng gian ngoa)

Sở Khanh, cùng mụ Tú Bà
Gian manh thịt rớt. Gian tà đầu rơi

Một bày từng uống máu tươi
Chung đàn (lang sói, đười ươi) hiện hình

Trước thề sao. Nay tau trình
Chém phăng (phơi trước cửa dinh) răn đời

Tiếng kêu (thảm thiết) ngất trời
Đường gươm hành quyết lạnh ngời thép xanh

Khúc [333]

PHU NGHỊ ÁN
MẸ CON HỌ HOẠN

*“Càng cay nghiệt lắm,
càng oan trái nhiều”
(ND)*

Khi kiêu (không nhớ) ngọn ngành
Khi ghen (quên cả hôi tanh) phận mình

Lúc mờ ám. Lúc bắt minh
Bất nhân. Thất đức. Bạc tình. Ác tâm

Hoạn Bà (Kế Thị) trâm anh
Thiên Quan Chứng Tể lạc thần, đứng tim

Ba mươi roi, chưa thọ hình
(Xuôi tay. Tắt thở. Im lìm. Mạch đen)

Hoạn Thư (khóc lạy) xin đền
(Nhỏ nhen. Đê tiện. Đón hèn. Hạ lưu)

Khúc [334]

NGHỊ ÁN HỌ THÚC
ÂN TỬ GIÁNG THA

*“Mặt như chàm đỏ,
mình dường dễ giun”
(ND)*

Ưa trăng gió. Thích mây mưa
Uốn môi thề thốt lời chưa cạn dòng

Đoan nguyên. Hẹn biển. Thề non
Lời tình giữ một. Chữ đồng chia hai

Kiều nghiêng (mắt phượng) mày ngài
Nhìn Sinh (run rẩy dưới ngài) chín tầng

Nghĩ ta (mệnh phụ) đường đường
Danh môn mẫu mực. Mối giềng mẫu nghi

Nhớ lầu Ngưng Bích thư thi
Ban ân đại xá cảm vì yên hoa

Khúc [335]

KHẨN LỆNH TẦM NÃ
QUAN HUYỆN LÔI CHÂU

*“Nuốt ba trăm lạng
máu trinh dân lành”
(VTV)*

Nhận trát lệnh, gọi hầu Toà
Lôi Châu Tri Huyện mắt loà tim ngưng

Sai quân đánh một dây thừng
(Hậu dinh). Treo cổ huyện đường. (Xà ngang)

Cũng ân (cũng lộc) triều quan
(Cân, đai, áo, mào, lọng, tàn, ngựa, xe)

Nanh nhe. Mồm há. Mắt rình
Nuốt ba trăm lạng máu trinh dân lành

Bắt tài. Điểm nhục. Hôi tanh
Khôn nhà. Đại chợ. Lưu manh. Tham bần

Khúc [336]

KHẪN LỆNH TÂM NÃ
GÃ BUỒN TƠ LỰA

*“Chiếu danh tâm nã,
bắt về hỏi tra”
(ND)*

Từ khi (gieo hoạ) trái ngang
Gã buồn tơ lụa giữa đàng bắt tằm

Vợ con (giòng tộc) tan tành
Tiêu điều cơ nghiệp. Hoang tàn cơ ngơi

Sân si (tham ác) thói đời
Nghiệp duyên. Nhân quả. Luật trời. Cát hung

Từ vô cùng đến vô cùng
(Tu nhân tích đức thiện chung rõ ràng)

Nhân. Gian. Thiên. Địa. Quỷ. Thần
Hận bầy (tham ác, gian manh) công đồ

Khúc [337]

LỜI TỪ ĐOAN HỨA
TÌM KIẾM HỌ VƯƠNG

*“Sao cho
muôn dăm một nhà”
(ND)*

Đã biết nhau giữa chợ đời
Đã tin nhau giữa muôn lời thị phi

Đã chọn nhau, phải hiểu nghi

Tứ thân phụ mẫu xin vì nhau thương

Nửa đời trôi giạt tai ương
Dặm xa (vời vỏi cội dương) gốc hoè

Mưa thu (đầy). Gió đông (che)
Một nhà (đoàn tụ xuân hè) an khang

Công dưỡng dục. Đức sinh thành
Cù lao (chín chữ vô ngần) phúc duyên

Khúc [338]

HẸN NGÀY TÁI NGỘ
GIÁC DUYÊN RA ĐI

*“Trong năm năm,
lại gặp nhau đó mà”
(ND)*

Giờ gặp đây. Giờ mừng đây
Vô thường (tan hợp phút giây) xoay vần

Biết đâu phận. Biết đâu thân
Năm năm (hẹn gặp một lần) lương duyên

Nhấn lời thăm hỏi Đạo Tiên
(Sư Bà Tam Hợp lánh miền phù danh)

Như hạc trắng. Như rồng xanh
Vân du. (Bốn cõi thiên hành). Sơn Khê

Khi đi. Khi nghỉ. Khi về
Nhục thân tự tại. Vân nghề tểch ngàn

Khúc [339]

XONG CHUYỆN ÂN OÁN
ĐẠI VƯƠNG KHAO QUÂN

“Muôn binh, nghìn tướng,

hội đồng tể oan”
(ND)

Khao quân. Đãi tướng. Tẩy trần
Soái doanh (ngắt ngắt, hàng hàng) cò bay

Múa gươm. Yên ẩm. Đàn ca
Rượu say doanh trấn. Men nhoà đầu tỉnh

Thuận đường (triệt thoái) lui binh
Tiện tay (thu huyện, chiếm thành) an dân

Thanh gươm đại định sáng ngàn
Quân trần uy vũ. Sấm rền uy danh

Chém Không Hồn. Đuổi Bốc Thanh
Cừu Nhiên (du kích tướng quân) chạy dài

Khúc [340]

NGÔI CAO MỆNH PHỤ
ĐƯỜNG ĐƯỜNG MẪU NGHI

*“Trướng hùm
mở giữa trung quân”*
(ND)

Chớp ran. Sấm động. Núi dời
Tột cùng mệnh phụ. Cao vờ mẩu nghi

Trung quân rạng rỡ ân uy
Nội đình kiếm dựng. Biên thuý cò giảng

Giúp Từ (định kế) an dân
Công huân hãn mã. Công thần lương minh

Ngày, điều trận. Đêm, điểm binh
Thao quân. Luyện tướng. Chấp hình. Trị yên

Phát cò. Gióng trống. Thúc chiêng
Lược mưu. Định kế. Lập nghiêm. Tể cò

Khúc [341]

TỪ CÔNG NGANG DỘC
BỀ SỞ, SÔNG NGÔ

*“Huyện thành
đạp đổ năm toà cõi Nam”
(ND)*

Thanh gươm. Yên ngựa. Soái đồ
Năm năm. (Bề Sở, Sông Ngô). Tung hoành

Vào ra (trăm trận) thư hùng
Dương oai danh hổ. Danh lừng tiếng beo

Dẫm nát đất. Đạp sập đèo
Vó, băng tuyết núi. Bờm, đeo trắng rừng

Máu đã trải. Rượu đã từng
Pha chung. (Máu hận. Rượu mừng). Uống chung

Yêu tướng soái. Thương ba quân
Đồng lòng cự bí. Chung lưng tịch tà

Khúc [342]

ANH HÙNG GẶP VẬN
MỘT CỎI NGHÊNH NGANG

*“Bình uy
từ đây sấm ran trong ngoài”
(ND)*

Bệ rồng uy ngất thép lò
Năm năm (hùng cứ giang hà) cờ reo

Doanh hùng. (Trướng hổ). Dinh beo
Ngựa phi rợp đất. Thuyền neo bạt ngàn

Thành lộng gió. Cờ lộng trăng
Đao rờn khí thép. Thương ngàn chí gan

Vó tung. Bụi cuốn. Quân tràn
Núi phơi thương dựng. Biển gầm đao nghinh

Tướng, gan đồng. Quân, thép đinh
Đông chinh. Bắc phạt. Tây bình. Nam truy

Khúc [343]

GIANG SAN NHẤT KHOẢNH
RIÊNG MỘT GÓC TRỜI

*“Năm năm
hùng cứ một phương hải tần”
(ND)*

Sông Ngô (bể Sở) tung hoành
Năm năm (cát cứ liệt oanh) một miền

Từ ngoại trấn, đến biên duyên
Thanh gươm đại định vũ yên núi ngàn

Cương thủy (một cõi) thênh thang
Thành (liền) lớp lớp. Cờ (hàng) giăng giăng

Gò cao. (Lũng thấp). San bằng
Một phương đại định. Bao phen thái bình

Vũ. Uy. Chính. Đại. Quang. Minh
Riêng (trời) một góc. Riêng (mình) một khung

Khúc [344]

TRIỀU MINH HỐT HOÀNG
TRƯỚC CẢNH QUA PHÂN

*“Đổng xương vô định
đã cao bằng đầu”
(ND)*

Quân bất minh. Tôi bất trung

Anh tài (hào kiệt xưng hùng) bốn phương

Lệnh ban: Lương, đồng, cột, rường
Ra tay thảo phạt, chính cương thu về

Thánh triều (Khâm Tử) chuẩn phê
Rừng gươm. Bát máu. Rượu thề. Quân thao

Ấn tiên phong. Cờ tiết mao
Điểm quân (tuyển tướng). (Ào ào) xuất binh

Pháo. Xe. Tượng. Mã. Tốt. Binh
Ầm ầm thác trút. ình ình sấm ran

Khúc [345]

TỔNG BINH TÔN HIẾN
MỆNH QUAN TRIỀU ĐÌNH

*“Đẩy xe
vâng chỉ đặc sai”
(ND)*

Ra tướng võ. Vào quan văn
Lược thao: Vương tá. Kinh luân: Vương thần

Tài gió lộng. Chí mây quàng
Kiếm cung một quảy. Tang bồng hai vai

Biền thần (khoác áo) quan sai
Đánh xe đặc chỉ mượn bài an dân

Kéo cờ: Chiêu Phủ Đại Thiên
(Mánh mung. Trí trá. Xỏ xiên. Dụ hàng)

Tước. Quyền. Gấm. Lụa. Bạc. Vàng
Món quà (lật lọng ẩn tàng) gian manh

Khúc [346]

NHÌN HỒ NỬA MẮT

TỪ MÀI BÁU ĐAO

*“Những phường
giá áo, túi cơm sá gì”
(ND)*

Mưu cao. (Trí dũng). Tài thần
Sá gì (cầu tướng, trư quan) triều đình

Ý hùm, hổ. Chí ngạc, kinh
(Vung gươm bắt soái. Xua binh chiếm thành)

Quân tràn. Nước trút. Trăng chênh
Dang chân (đạp đổ năm thành) cõi Nam

Bén gươm. Nhọn giáo. Bền gan
Vung đao. Phóng kiếm. Múa can. Tung chùy

Sấm ran (dậy cõi) biên thù
Tinh binh lớp dựng. Tinh kỳ trương phô

Khúc [347]

LỄ VẬT, BIỆN SĨ THUYẾT DỤ TỪ HÀNG

*“Ngọc vàng gấm vóc
sai quan thuyết hàng”
(ND)*

Manh tâm. Sấp kế. Bày trò
Gởi ba biện sĩ vòng vo thuyết hàng

Lễ tiên binh hậu đôi đảng
Yểm quân. (Chờ dịp trể tràng). Tung quân

Áo gai dép cỏ Hoa Nhân
(Mép môi tép nhảy phân trần thiết hơn)

La Trung Quân vạch nguồn cơn
(Mẹ cha đoàn tụ, công ơn sinh thành)

Lợi Sinh dụ miếng công danh
(Đỉnh chung. Xa mã. Công thần. Tôi ngay)

Khúc [348]

HOA NHÂN MƯU SĨ
VÒNG VO DỤ HÀNG

*“Biết Từ
là đáng anh hùng”
(ND)*

Trâu già chẳng nệ dao phay
Vào hang cộp dữ tâu bày thiệt hơn

Khoa môi (múa mép) tuột trơn
Khuyên Từ (cởi giáp bó thương) quy hàng

Phong hàm. Phong đất. Phong quan
Vinh hoa phú quý. Giang san yên bình

Thành tay lương đồng triều đình
Quân oai hữu dực. Quân dinh tả phù

Thuận thời (tiến thoái) ôn nhu
Tông môn danh rạng. Ân thù ghi công

Khúc [349]

TỪ HẢI PHẢN ỨNG
ĐÒI CHÉM HOA NHÂN

*“Sao bằng
riêng một biên thủy”
(ND)*

Từ Công (nổi giận) dùng dùng
Vĩnh râu. Tuốt kiếm. Khí bùng. Dầu sôi

Thét quân (cắt lưỡi) xẻo môi
Đầu bêu cổng chợ làm mỗi chim muông

Lập uy (chém sù) tranh cường
Chồn bày thẳm nhục. Cầu phường khiếp tay

Cho trời đất biết từ nay
Biên duyên cát cứ quân bày cờ tung

Kiên gan. Bền chí. Vẫy vùng
Voi khôn. Ngựa khỏe. Quân hùng. Tướng oai

Khúc [350]

LẬP TRƯỜNG QUYẾT CHIẾN
CỦA TỪ TƯỚNG QUÂN

*“Vào luôn, ra cú
công hầu mà chí”
(ND)*

Tài có một. Sức không hai
Quân công bất chấp. Quân giai sá gì

Thanh gươm (đại định) thần uy
Tinh binh lớp lớp. Tinh kỳ giảng giảng

Vung gươm Từ quyết san bằng
Xua quân (thảo phạt, đập phăng) cỡi bờ

Hợp thời. (Thuận thế). Thừa cơ
Sấn tay kiếm báu. Tiện cờ lọng hoa

Chiêng khua. (Trống gióng). Kiếm loà
Quân reo. Ngựa hí. Đầu nhòa. Khuê băng

Khúc [351]

LA TRUNG QUÂN MƯU SĨ
MÓN QUÀ DỤ HÀNG

*“Gấm trăm cuốn,
bạc nghìn cân”*

(ND)

Bạo tim. Bạo phổi. Bạo gan
Đẩy xe. (Mưu sĩ Trung Quân). Sang Từ

Ba nghìn lượng chắt vàng tươi
Chuôi gươm ngọc đính. Cỗn bào châu thêu

Bốn mươi đôi thạch vân tê
Bạc ròng mười vạn. Đoạn tơ mười tràng

Mỹ nhân: Tuyên Ngải, Dụ Ân
Đệm giường thất bảo. Chăn màn bát tiên

Dâng Đại Vương – tỏ ngay tình
Hẹn ngày (cởi giáp bãi binh) về châu

Khúc [352]

HỒ ĐƯA TRỌNG LỄ
HỒI LỘ THUYẾT KIỀU

*“Lại riêng
một lễ với nàng”*
(ND)

Sấp ngọc sáng. Chắt vàng tươi
Tuyển người (túc trí, đa mưu) già nghề

Nhỏ to. (Úp mở). Nghị đề
Tiến dâng gái đẹp hồng mê hoặc Từ

Mỹ nhân kế (trò đười ươi)
Sắc hương. (Khích tướng. Trêu người). Sá gì

Đặt bày biếu xén vương phi
Bạc vàng. Châu ngọc. Vũ y. Lựa bào

Rằng mong (tương đắc) tâm giao
Những đêm tàn rượu tẩn vào bàn ra

Khúc [353]

HAI NÀNG THỂ NỮ
CŨNG DÂNG TRỌNG QUÀ

*“Hai tên thể nữ
bạc vàng nghìn cân”
(ND)*

Song đôi (thể nữ) lựa là
Nâng gương sửa áo, mặn mà chiếu chẵn

Dâng của báu. Gọi lòng ghen
Nửa ly gián kế. Nửa kèm kẹp mưu

Rằng phú quý. Rằng danh lưu
(Hòng xoa mỗi nhục quốc cừu thâm niên)

Cũng thề địa. Cũng hứa thiên
(Nào danh. Nào lợi. Nào quyền. Nào công)

Song thân (biên biệt) vân mông
Lòng thắm ước nguyện núi sông chung màu

Khúc [354]

CHỐI TỪ QUÀ QUÝ
NẤU VẠC DẦU SÔI

*“Chọc trời
khuấy nước mặc dầu”
(ND)*

Thị uy, Từ nấu vạc dầu
Năm trăm giáp sĩ đứng chầu đôi bên

Hồ quân lược sứt dụn hàng
Họ La khiếp vía quỳ ngang, lạy dài

Chừng như (sấm động) ngang tai
Chừng như (giáo nhọn thương dài) sắp vung

Họ La (mưu sĩ) Quân Trung

Xin tha tội chết. Thẻ cùng chia vinh

Bốn phương quy thuận triều đình
Khuyên Từ (giải giới, hiệp binh) thánh trào

Khúc [355]

YÊN PHẬN TÔI DÂN
KIỀU NGHE LỜI HỒ

*“Một là đặc hiếu,
hai là đặc trung”
(ND)*

Đĩnh chung trọng. Tước quyền cao
(Muôn đời mỗi nhữ vương, hầu, công, khanh)

Ngẫm thân (ngọc lá) vàng cành
Cổ hương đăng đẳng. Song thân võ vàng

Lời chí thiết. Quà ngọc vàng
Tắm lòng nhi nữ thấm tràn giọt xuân

Dù Từ lịch lãm an bang
Thạo bài xuất xử. Rành đường tiến lui

Sao bằng (liệu kế) an vui
Vinh hoa. (Êm ấm, ngọt bùi). Cơ ngơi

Khúc [356]

PHẢN ỨNG TỪ HẢI
VỚI LA TRUNG QUÂN

*“Sức này
đã dễ làm gì được nhau”
(ND)*

Thà đầu gà hơn đuôi voi
Đánh thành. Chiếm đất. Lên ngôi. Sở cầu

Thà đuôi chuột hơn tròn trâu
[Hàng vương (trái đấng). Hàng hầu (trái oan)]

Biên đình (riêng cõi) quyền ngang
[Nội đình (ngoại thích, hoạn quan) chật triều]

(Mắt cú vọ bọn đồng liêu
Luồn trên. Lót dưới. Đặt điều. Bới lông)

Chi bằng (hồ hải) tang bồng
Nam nhi mộng lớn giữa vòng trần ai

Khúc [357]

PHẢN ỨNG QUYẾT LIỆT
TỪ XUA QUÂN TRẦN

*“Dọc ngang
nào biết trên đầu có ai”
(ND)*

Cắt binh (tuyển tướng) đặc sai
Thánh uy đất chuyển. Thần oai trời gầm

Ngựa. Xe. Pháo. Mã. Quân. Dân
Trắng nghiêng. Đầu lệch. Khói hầm. Lửa nung

Một phen (quyết chí) thư hùng
Kiếm vung. Dao múa. Cung trương. Thương hoành

Quân Từ vây hãm châu thành
Hồ công quyền trá thi hành mưu gian

(Lợi Sinh trở lại chiêu hàng
Múa môi. Khua mép. Thuyết quàng. Dụ xiên)

Khúc [358]

MÉP MÒM LỢI HẠI
MƯU SĨ LỢI SINH

*“Lễ nhiều, nói ngọt,
nghe lời dễ xiêu”
(ND)*

Rằng mai (lãnh ấn) công hầu
Trên châu thiên tử. Dưới đầu chư dân

Vinh hoa. Phú quý. Thanh nhàn
Quyền cao (tước ẩm rờ ràng) tông môn

Sánh đôi (long phụng) tơ hồng
Ơn vua. Lộc nước. Huân công. Hiền thần

Công cha. Nghĩa mẹ. Hiếu phần
[Một nhà (phúc, lộc, khang, an) dồi dào]

Đáp đền chín chữ cù lao
Còn hơn (lận đận ra vào) biển lân

Khúc [359]

KIỀU KHUYÊN XẾP GIÁP
QUY THUẬN VƯƠNG TRIỀU

*“Công danh
ai dứt lối nào cho qua”
(ND)*

Cửa châu báu. Lời ngọt ngào
Vinh hoa. Hiên lộng. Quyền cao. Tước dày

Tỉ tê. (To nhỏ). Đêm ngày
Anh hùng (khí đoản buông tay) xuôi hàng

Thả trôi (khí phách) hiên ngang
Ngẩn ngơ cờ rũ. Ngỡ ngàng cờ lay

Họ Hồ (gian kế) hiểm dầy
Tung chiêu hạ cấp trong ngoài phục quân

Lật lờng. Yếm trá. Gian manh
(Bản danh triều mệnh. Nhớ danh triều thần)

Khúc [360]

ANH HÙNG KHÍ ĐOÀN
NHI NỮ TRƯỜNG TÌNH

*“Thế công,
Từ mới đổ ra thế hàng”
(ND)*

Đã dày dạn ải mỹ nhân
Mới hay (sự nghiệp ngang tàng) bụi tro

Ngược xuôi sông nước giang hồ
Mới hay (ngọc chuốc, vàng phô) thường tình

Si mê. Chung thủy. Trung trinh
Trường danh mộng phiếm. Trường tình mộng sông

Trên thiên tử. Dưới hoạn đường
Từ nay (bó giáp xếp thương) hồi đầu

Ba quân ngơ ngác sân châu
(Nghiêm thành. Soái phủ. Vọng lâu. Lân đài)

Khúc [361]

HỌ HỒ TRÍ TRÁ
CHỦ MƯU SÁT HÀNG

*“Lễ nghi dàn trước,
bát đồng phục sau”
(ND)*

Đường đường (Đặc Chỉ) Khâm Sai
Trải quân dẹp loạn. Mượn bài chiêu an

Yểm binh. (Giấu kiếm). Dụ hàng
Gấm nhung xe nạp. Bạc vàng thuyền trao

Ba lần sai sứ bang giao

Uốn cong (tắc lưởi đường ngà) mật ong

Lấy nhân nghĩa dụ vào tròng
Lấy trí tín (khép vào) vòng kỷ cương

Mượn nhu. Mượn nhược. Mượn cường
Tình trường mượn sắc. Sa trường mượn cơ

Khúc [362]

TỪ CÔNG Y HẸN
THÂN NGHINH CỬA THÀNH

*“Tin lời
thành hạ yêu mình”
(ND)*

Bó gươm. Thu giáo. Hạ cờ
Tướng ngơ ngác tướng. Quân thờ thần quân

Sương sa. Gió cuộn. Mây vùn
Mưa giăng hào lũy. Cát quăng soái doanh

Sai quân xếp pháo, mở thành
Đặt bày hương án thân nghênh lịnh triều

Thành liền (nội cỏ) hoang liêu
Đài lân trướng phủ tiêu điều sầu giăng

Ngựa Từ (hí, dựng) bờm căng
Áo Từ (ửng đỏ nền băng) tuyết ngàn

Khúc [363]

BẤT NGỜ BINH PHỤC
HÙM THIÊNG SA CƠ

*“Ba bề phát súng,
bốn bên kéo cờ”
(ND)*

Cờ xiêu lệch. Trống trống trảng
Bó thương. Xếp giáp. Lệnh hàng. Giải binh

Đất trời. (Ngạ quỷ). Âm binh
Hùm beo sụp bầy. Ngạc kinh sa cơ

Dạ bất trắc. Mưu bất ngờ
(Mệnh quan tráo trở. Triều cơ lật lường)

Giấu quân (mai phục) chặn đường
Ba bên đánh lén. Bốn phương chém hàng

Hồ Tổng Đốc, dạ sói lang
(Xùng vây. Giương móng. Nhe răng. Gầm gừ)

Khúc [364]

TẢ XUNG HỮU ĐỘT
GIỮA CHỖN TRÙNG VÂY

*“Dạ dày cho biết
gan liền tướng quân”
(ND)*

Giữa trời (một khối) như như
Gươm đâm tướng giặc. Mất lữ quân gian

Dựng râu. (Xùng tóc). Sôi gan
Tên ghim lớp lớp trên làn da ngăm

Ra roi. Thét ngựa. Đánh tràn
Hươi thương. Phạt giáo. Đâm ngang. Chém liều

Khuyển quân (cẩu tướng) bản triều
Đầu rơi chân ngựa. Xác vùi chân voi

Múa gươm thánh. Phóng lao trời
Tả xung. Hữu đột. Dao ngời. Kiếm phô

Khúc [365]

TỪ CÔNG CHẾT ĐỨNG
NGAY GIỮA TRẬN TIỀN

*“Ai lay chẳng chuyển,
ai rung chẳng rời”
(ND)*

Phút giây tiêu tán soái đồ
[Năm năm (bể Sở, sông Ngô) tung hoành]

Lửa mờ (khói ngát) đại doanh
Ngần ngơ thần tụ. Bàng hoàng khí ngưng

Vềnh râu cọp. Trợn mắt hùm
Phách thiêng (khí bốc ùn ùn) ngọn mây

Dưới chân (máu lụt) thịt đầy
Quân triều thây rụng bầy nhầy đòi hoang

Tung hoành. (Cự phách). Dọc ngang
Đại Vương Thiên Tuế Minh San kỳ tài

Khúc [366]

CHIẾN TRƯỜNG LỬA KHÓI
KIỀU KHÓC TANG CHỒNG

*“Bởi nghe lời thiếp
đến cơ hội này”
(ND)*

Trong vòng (gươm bén) giáo dài
Uổng thân danh tướng giữa bầy sói lang

Thương chồng (khí phách) hiên ngang
Khóc chồng ngất lịm giữa màn tên bay

Tiếc chàng trí hiểm, mưu dày
Vung đao bắt tướng. Trở tay chiếm thành

Chẳng vì (bổng lộc) quyền danh

Vì nghe lời thiếp tan tành khói mây
Vì ta nên nổi nước này
Thôi thì liều phận cho đầy khuôn duyên

Khúc [367]

THUÝ KIỀU HỐI HẬN
LỖ KHUYÊN TỪ HÀNG

*“Tin tôi
nên quá nghe lời”
(ND)*

Máu anh hùng. Lệ thuyền duyên
Đá (trơ) thân đá. Mồi (mềm) dẫu mồi

Thôi thì thôi. Cũng đành thôi
Trăm năm. (Trót lỗ. Đã rồi). Tang thương

Cơ đồ (một sớm) như sương
Vô hình ngọc nát. Vô thường khói bay

Sa trường (lửa ngất) bụi cay
Anh linh thể phách phơi bày trung can

Hận lắm lời. Hận hồng nhan
[Cửu tuyền (xin hẹn lấy thân) đáp đền]

Khúc [368]

HỒ MỪNG THẮNG TRẬN
MỞ TIỆC KHAO QUÂN

*“Xôn xao tơ trúc
hội đồng quân quan”
(ND)*

Sát hàng. (Quỷ kế). Mưu gian
Men (si) lòng lộng. Khí (sân) phùng phùng

Tiệc thắng trận, thưởng quan quân
Xôn xao nhạc dậy. Rần rần trống ran

Một bày cầu tướng, trư quan
(Điều ngoa. Tráo trở. Sỗ sàng. Gian manh)

Một phường (xôi thịt) hôi tanh
Một đàn (giá áo túi canh) quây quần

Rượu ngon. Thịt béo. Nhạc tràn
Cờ (tanh) doanh trại. Cờ (tang) sa trường

Khúc [369]

CHÉN RƯỢU HUÂN TRẠNG
HỒ RÓT MỜI KIỀU

*“Chấp công
cũng có lời nàng mới nên”
(ND)*

Luận công. (Xét tội). Chia vàng
Khao quân. Thưởng tướng. Phong quan. Biếm thần

Trống rung. Pháo nổ. Rượu phùng
Hiu hiu Hồ rót chén mừng Kiều Nương

Sút sùi (hồng lệ) tiếc thương
Mĩa mai. (Đạo lý. Luân thường). Men say

Ngùi ngùi. (Ngọt. Đắng). Ngát ngây
(Chén hèn. Chén bại. Chén cay. Chén tội)

Hồng phấn má. Đỏ son môi
Bâng khuâng dáng liễu. Bồi hồi điệu lan

Khúc [370]

MẮNG HỒ GIỮA TIỆC
CA TỤNG ĐỨC CHỒNG

*“Xét mình
công ít tội nhiều”
(ND)*

Tưởng đâu (binh mã) thiên hoàng
Tưởng đâu (thao lược, kinh bang) biệt tài

Ai ngờ (mặt sạn) mây chai
Ai ngờ (lòng dạ quái thai) lật lừa

Liệu thân (sống nhục) bằng thừa
(Danh ôi. Phận ảm. Số chua. Phận bìm)

Đã liệu (mấy kiếp) đành liều
Mắng tên (cầu tướng quan điều) một lần

Làm cho (rạng mặt) xa gần
Từ Công Thiên Tuế tài thần Đại Vương

Khúc [371]

HỌ HỒ CẤP ĐẤT
KIỀU CHÔN XÁC TỪ

*“Truyền cho
kiểu táng di hình bên sông”
(ND)*

Phục Từ (là đáng) anh hùng
Trọng Kiều (dự cuộc quân trung) luận bàn

Thương nàng (danh phận) ngựa ngang
Cấp cho (vuông đất biên giang) táng chồng

Mộ chôn xương trắng bên sông
Khóc người (vấn số). (Tang bồng) hiển linh

Chết bên cho trọn cuộc tình
Quyên sinh (để lại trung trinh) một thời

Chôn theo đao báu, kiếm ngời
Lập bia (khắc đá để đời) tiếng tăm

Khúc [372]

HẦU RƯỢU TỔNG ĐỐC
SỰC NƯỚC MEN NỒNG

*“Lạ cho mặt sắt
cũng ngây vì tình”
(ND)*

Sóng vờn (đôi mắt) lá rằm
Chân mày cánh liễu. Chiếc cầm chồi mai

Bàn tay (sen búp) nụ lài
Ly nâng rượu chúc. Tóc cài hoa nghiêng

Long lanh mắt đăm trắng viền
Ngón thần (rót chén). (Tay tiên) dâng mời

Tóc sa. Suối chảy. Mây dờn
Rượu ngây ngất (đắng). Tình vời vợi (cay)

Khóc chồng (trống giục) tên bay
Tang chồng. (Nhã nhạc. Rượu say). Men nồng

Khúc [373]

KHÚC ĐÀN BẠC MỆNH
RÉO RẤT TIỆC VUI

*“Bốn dây
nhỏ máu năm đầu ngón tay”
(ND)*

So dây chưa hết bàng hoàng
Trục đàn rớm máu. Thành đàn bật rung

Hai tay (mười ngón) bão bùng
Ve than. Vượn khóc. Tơ chùng. Mây vương

Yếm gò (mờ ảo) khói sương

(Hở vai. Khoe ngực. Phơi lườn. Letch xiêm)

Mắt Hồ (ngây ngất) lim dim
(Men tình. Men rượu. Men ghen. Men nồng)

Quan quân (cúi mặt) bồn chồn
Nửa (vui) yền ẩm. Nửa (buồn) kỷ cương

Khúc [374]

KIỀU NHÌN NỬA MẮT
CÔNG ĐẲNG, QUAN TRƯỜNG

*“Kể bao nhiêu,
lại đau lòng bấy nhiêu”
(ND)*

Đường hoạn lộ. Chốn quan trường
(Do thời. Do vận. Do lường. Do cơ)

Cân. Đai. Áo. Mảo. Kiệu. Cờ
(Bởi mua. Bởi bán. Bởi nhờ. Bởi hèn)

Thói đời (hoạnh hoẹ) bon chen
(Tranh cao. Tranh thấp. Tranh thẳng. Tranh ông)

Thằng lão ngáo. Ông lông ngông
(Bất tài. Vô tướng. Đen lòng. Bạc tâm)

Khoe bạc đồng. Trưng vàng mâm
(Vô liêm. Vô sỉ. Vô thần. Vô đoan)

Khúc [375]

ĐẠI DOANH TỔNG ĐỐC
TRỐNG ĐIỂM MÀN ĐÊM

*“Hồ Công
chén đã quá say”
(ND)*

Rập rình (trống trút) đại doanh
Tiếng hô (nghiêm lệnh ngoại thành) điểm quân

Chập chờn (xiêm váy) giai nhân
Chiếu chắn trướng hổ. Đệm màn doanh beo

Ngoài song tròn mảnh vàng treo
Đèn leo lắt lựn. Đuốc heo hắt buồn

Tàn đêm. (Rượu cạn). Trà sông
Nực (men) phẳng phát. Nồng (hương) phiêu bông

Liêu trai. (Tóc rối). Xiêm hồng
Nguyệt chênh gối mộng. Trăng tròn lồng gương

Khúc [376]

HỌ HỒ QUÁ CHÉN
ÉP LIỄU NÀI HOA

*“Lệnh quan
ai dám cãi lời”
(ND)*

Tiếng đàn (rã nhụy) rời hương
Áo xiêm (lời lả). Cương thường (lả lời)

Kiểm dài (mắt). Gươm bén (môi)
Men say máu lạnh. Trận cười mạch đông

Tóc bung (giấu giọt) lệ dòng
Nài hoa (ép nguyệt, nển chong) canh tàn

Cũng suối chảy. Cũng mạch tràn
Gò cao. Khe thấp. Bờ ngang. Sóng ngầm

Cũng sao sáng. Cũng trăng ngần
Sa trường (trống vọng thép ngân) kinh hoàng

Khúc [377]

THỔ QUAN VĨNH THUẬN
HỒ ÉP GÃ KIỀU

*“Xe tơ
sao khéo vơ quàng vơ xiêng”
(ND)*

Gỡ ra chưa dứt mối giường
Buộc vào. (Ngán ngấm tơ hương). Vãn mùa

Dượng Tơ (dì Nguyệt) khéo đùa
Phong trần (chưa hết nắng mưa) cuối đời

Đã đành thân phận hoa rơi
Nhưng sao (thống nghiệt một trời) gian truân

Đất Vĩnh Thuận. Gã thổ quan
Nỗi oan (lại thắt dây oan) trùng trùng

Chập chờn (ẩn hiện) râu hùm
Mắt trừng trừng hận. Máu sùng sục sôi

Khúc [378]

THỔ QUAN MỜI RƯỢU
ĐÊM TRÊN THUYỀN HOA

*“Lá màn rủ thấp,
ngọn đèn khêu cao”
(ND)*

Bập bênh (sóng nước) chơi vơi
Xiêm y (gió dập rã bời) chiếu chắn

Ngoài khoang (vành vạnh) viền trắng
Ngọn đèn trên cột. Bóng Hằng mĩa mai

Tình người tê tím đôi vai
(Nhụy rơi phấn rã trên đài phân ly)

Hận hợp tan. Tủi phân kỳ
Nửa đời (chép mấy biệt thi) khóc người

Rượu mời (môi mắt) men tươi
Ghép duyên. Mượn nghĩa. Cây đời. Vay ân

Khúc [379]

**TRÊN THUYỀN TIỆC RƯỢU
KIỀU LUẬN THỊ PHI**

*“Trăm phần,
nào có phần nào phần tươi”
(ND)*

Rượu cay còn ngọt đôi phần
Tình đời (mật lịm), (vạn lần) đắng cay

Mời người cạn đấu rượu này
Cho quên. Cho nhớ. Cho đầy. Cho vơi

Cho nước chảy. Cho bèo trôi
Cho mây tụ tán. Cho trời thấp cao

Muôn đời không dứt binh đao
Đống xương (chinh chiến máu trào) thành sông

Cổ kim (vùi dập) má hồng
Rừng băng. Núi lở. Sóng cồn. Bãi hoang

Khúc [380]

**CHẠP CHỜN ĐỊNH SỐ
SÔNG NƯỚC MỆNH MÔNG**

*“Trời cao sông rộng
một màu bao la”
(ND)*

Nước xanh. (Dồn dợn). Mây hồng
Gió xô bờ thấp. Sương lồng đê cao

Chênh chao (gió táp) ngọn trào

Đáy sâu duềnh xoáy. Non cao bóng vờn

Nghe như Thần Sóng van lơn
Buông tay. (Nhắm mắt. Đáy hờn). Gieo thân

Cuồng lưu xiết chảy giang tân
Âm Vương, Hà Bá, Thủy Thần... luận tra

Rằng: Phận mỏng. Rằng: Đức dày
Nửa đời bùn đục vấy đầy tấm son

Khúc [381]

NHỚ LỜI HÒ HẸN
GẶP NHAU TIỀN ĐƯỜNG

*“Hỏi ra mới biết
rằng sông Tiền Đường”
(ND)*

Buồm chao. Sóng ngắt. Sương vờn
Bóng ai (thấp thoáng bên cồn) lướt tơ

Người là mộng? Người là mơ?
Nhớ chẳng (buổi hẹn trao tờ) án phê

Đoạn trường (cuộc lữ) thê thê
Mười lăm năm (cạn chén) thề tương tư

Người về gót nhẹ như ru
Bóng xiêm bông đảo mịt mù non tiên

Người về chấp mối lương duyên
Tiện tay (xóa sổ đoạn trường) cõi mê

Khúc [382]

BÀI THƠ TUYỆT MỆNH
TRÊN GIẤY HỒNG ĐƠN

“Một thiên tuyệt bút

gọi là để sau”
(ND)

Duyên oan nghiệt. Phận khát khe
Cẩn môi. Vỡ máu. Tím tê. Sầu đầy

Trắng mờ (sương dầm) Giang Tây
Khêu đèn. (Vung bút. Nét mây). Tạ tình

Lung linh phong lạp in hình
Tổ bà (gan ruột trung trinh) một đời

Tiền đây (thâm tạ) ơn người
Đưa tay (cứu độ nửa vời) trầm luân

Tạ ơn (thiên địa) quỷ thần
Mẹ, cha, Chung, Trọng, Vân, Quan, Thúc, Từ

Khúc [383]

GIẤY PHÚT LINH HIỀN
TRẦM CHÂU GIEO VÀNG

*“Đem mình gieo xuống
giữa dòng tràng giang”*
(ND)

Dòng khuya (vàng lạnh) huyền hư
Tâm tư (khói ngát lòng người) triều dâng

Yêu thương ví đã một lần
Tử sinh (dù có lần khôn) với đời

Ba sinh (hương lửa) nửa vời
Nguyệt soi đáy vụng. Trăng rơi chân cầu

Uyên lung (mây nước) tiếp màu
Man man sóng giặt. Dầu dầu bèo trôi

Tiền Đường (hoa rụng) trùng khơi
Tắm thân tự tại tểch vời chân gieo

Khúc [384]

TIỀN ĐƯỜNG THUYẾT MỘ
ĐỊNH MỆNH AN BÀI

*“Thì đà đắm ngọc
chìm châu cho rồi”
(ND)*

Mệnh trôi. Phận giặt. Duyên khơi
Tiên tri Tam Hợp nổi lời Đạm Tiên

Mịt mờ (sông nước) man nhiên
Vén rèm gieo ngọc trầm thiêng cánh vờ

Nhánh sông (cuồn cuộn) hoa xuôi
(Đáy sâu. Dòng lạnh. Bùn hôi. Sóng ngầm)

Chập chờn bờ cát giang tân
Vàng trắng (ẩn hiện xa gần) chơi vơi

Mây tan (đáy nước) bời bời
Âm dương giao phối. Đất trời giao thoa

Khúc [385]

NỖI LÒNG VĨNH THUẬN
NGƠ NGÁC THỔ QUÂN

*“Hại thay
mang lấy sắc tài làm chi”
(ND)*

Sao băng. Trăng lạnh. Vàng rơi
Chiếu xô. Chấn lệch. Nước ngời. Triều dâng

Ngỡ ngàng. Thảng thốt. Bâng khuâng
Thoảng nghe (gió lạnh duềnh ngân) trở mình

Ngẩn ngơ (tìm bóng) kiếm hình
Mênh mang (mặt nước vô tình) chảy xuôi

Đâu bóng hạc. Đâu dáng người
Sóng xô bèo giạt. Sóng dồi bèo dâng

Cũng rồi (một kiếp) giai nhân
(Tuyết tan. Trăng khuyết. Hoa tàn. Nhụy rơi)

Khúc [386]

HAI TÊN NGƯỜI PHỦ
CHỢC CHỜ QUANH NĂM

*“Đóng thuyền chợ bến,
kết chài giăng sông”
(ND)*

Ra tay (tế độ) cứu người
Sóng dờn nguyên khối. Trăng tươi nguyên vành

Vàng gieo (đáy nước) long lanh
Lưu ly vực thẳm. Chòng chành thuyền con

Buông chài (bủa lưới) quăng sông
Nguyên năm ngóng mỗi bên dòng thủy lưu

Bãi xanh. Sóng bạc. Sương nhàu
Đêm khuya khoắc lụn. Canh sầu tủi giăng

Chờ người nào thấy hơi tăm
Bồng năng nặng lưới. Bồng khăm khăm chài

Khúc [387]

VỚT KIỀU TRONG LƯỚI
BỎ NẪM TRÊN MUI

*“Tuy dầm hơi nước,
chưa loà bóng gương”
(ND)*

Ngây phách quế. Ngất hồn mai

Nước đầm dề lạnh. Da tai tái nhòn

Má môi (gờn gợn) trắng tròn
Gió lay xiêm động. Sóng bông vấy tung

Tiền Đường (sông nước) chập chùng
Trên mũi (lụa mỏng nguyệt lồng) đáng phai

Kêu tên tục. Giọt tóc mai
Hú hồn. Gọi vía. Véo tai. Lay đầu

Dần hồng má. Dần thắm môi
Khép vòng tay hẹp. Duỗi đôi chân dài

Khúc [388]

CHẬP CHỜN MỘNG MỊ
ĐẠM TIÊN HIỆN VỀ

*“Bán mình là hiếu,
cứu người là nhân”
(ND)*

Man man (sen nở) gót hài
Vai đeo sao lạnh. Tóc cài trắng râu

Chập chờn quen bóng dáng nhau
Vờn trong sương ẩm khoé nhàu Đạm Nhi

Rằng: Gian truân hết hạn kỳ
Đoạn trường rũ sổ. Phân ly rã sầu

Rằng: Nay (đáo ngạn) hồi đầu
Rằng: Trong ảo hóa hiện màu chân như

Đoạn trường (sạch nợ) phù hư
(Trăng sông. Nước quận. Sương mù. Mưa rây)

Khúc [389]

RÚT TÊN KHỎI SỔ

ĐOẠN TRƯỜNG THOÁT LY

*“Đoạn trường
sổ rút tên ra”
(ND)*

Phận tuy mỏng. Đức đủ dày
(Nhân duyên tuy bạc. Thảo ngay có thừa)

Đường tu (nếu vụng) kiếp xưa
(Kiềm, đình Hà Bá. Dao, cưa Thủy Thần)

Từ nay dứt kiếp phong trần
(Lầu xanh. Kỷ viện. Hương làn. Phấn trau)

Mấy phen (nhục kiếp) cô đầu
(Áo xanh. Dép cỏ. Châu hầu. Tỳ nô)

Bao phen (phận tở) trì hồ
(Dâng trà. Rót rượu. Pha trò. Múa xoay)

Khúc [390]

LỜI SƯ TAM HỢP
NHÂN QUẢ DỠ DANG

*“Cõi nguồn
cũng bởi lòng người mà ra”
(ND)*

Nhân kiếp trước. Quả kiếp này
Nhân kiếp này, quả kiếp sau kết tràng

Trùng trùng (sau trước) trái ngang
Quả. Nhân. Oan. Nghiệt. Xoay. Quần. Man. Nhiên

Xóa khổ đau. Diệt ưu phiền
Nghe kinh. Bổ thí. Tham thiền. Tịnh trai

Vườn tình. Hải phố. Thiên nhai
Từ tâm (cấy hạt mộng dày) thiện duyên

Cuộc đời một giấc đông miên
Khéo tu (giác ngộ). Vụng nguyên (vô minh)

Khúc [391]

THUÝ KIỀU PHẢI SỐNG
ĐI HẾT ĐOẠN ĐƯỜNG

*“Đoạn trường
cho hết kiếp này mới thôi”
(ND)*

Vội gì vỡ nợ ba sinh
(Dở dang ai gánh. Nợ tình ai thay)

Đoạn trường (nghiệt ngã) lỡ vay
Chát chua lải nặng. Đắng cay nợ dài

Đào nguyên. Phương trượng. Bồng lai
Lầu son. Gác tía. Trang đài. Phòng khuê

Còn hứa hẹn. Còn thốt thề
Còn lời nguyện ước khi về khi đi

Ba mươi (đương độ) xuân thì
Phù sinh (ba vạn sáu kỳ) qua mau

Khúc [392]

KIỀU VỀ THẢO XÁ
TU VỚI GIÁC DUYÊN

*“Gió trăng mát mặt,
muối dưa chay lòng”
(ND)*

Chân mây (mặt nước) điệp màu
Am tranh. Lều cỏ. Mái cau. Tường dừa

(Sáng) kinh kệ. (Chiều) thêu thùa
Nâu sông. Dưa muối. Mỡ khua. Khánh ngân

Rũ sầu (gởi tiếng) chuông ngân
Kiếp thừa (tu trọn, phụng dâng) hiến đời

Nguyện cùng (thiên địa) đất trời
Nổi chìm. Mối vẫn mím cười. Nhờn nhờ

Vì đời chép mấy trang thơ
Dầm dề (nước mắt hoen mờ) cổ kim

Khúc [393]

MÂY VÀNG, NƯỚC BIẾC
VÂN THUYẾT THẢO AM

*“Một gian nước biếc
mây vàng chia đôi”
(ND)*

Mây vàng. Nước biếc. Sóng yên
Chia đôi (một giải giang biên) ráng ngời

Sáng, nền thấp. Chiều, trầm khơi
Tiếng kinh phiêu dật. Đất trời phiêu nhiên

Dòng thơ (thơm ngát) hương thiền
Lung linh (ngạn cỏ vầy duyên) bọt bèo

Lá vàng từng chiếc ngả theo
Heo may (từng trận bay vèo) gió thu

Bờ đề (vẳng tiếng) chim gù
Cõi trần (tạm lắng bụi mù) cuồng phong

Khúc [394]

TIẾNG KINH CÂU KỆ
RU HỒN LẮNG DU

*“Triều dâng hôm sớm,
mây lồng trước sau”*

(ND)

Lợi danh đã thoát khỏi vòng
Tình ngoài đã (chín). Tình trong đã (mùi)

Tiếng kinh (trầm suối) lặng nguồn
Ru hồn tang hải. Xoa lòng biển dâu

Dù nhau qua khỏi nhịp cầu
Luân hồi. Oan khuất. Hận sâu. Tử sinh

Đêm ngày (tiếng kệ) câu kinh
Thực hư ngoài cuộc. Trọng khinh ngoài tròn

Biết đâu được. Biết đâu vong
Cuộc cờ (thế sự thoát vòng) trầm hôn

Khúc [395]

KIM LẠI VƯỜN THUÝ
SAU KHI MÃN TANG

*“Nửa năm
ở đất Liêu Dương lại nhà”
(ND)*

Mãn tang (trở gót) vườn hồng
Rêu chờ đầu ngõ. Hoa mong cuối tường

Nhớ thương (biên biệt) dặm trường
Lầu trắng nhạt phấn. Gác hương phai hồng

Nửa năm trời, lịm ngóng mong
Bao dòng tang hải. Mấy tròn biển dâu

Duyên từ đâu. Phận về đâu
Tương tư. Gió thảm. Mưa sâu. Thương trông

Tường rêu. Gác nhện. Vườn không
Yến oanh thôi hát. Bướm ong thôi vờn

Khúc [396]

BÂY GIỜ VƯỜN THUÝ
RÊU CỎ XÁC XƠ

*“Song trắng quạnh quẽ,
vách mưa rã rời”
(ND)*

Lầu xưa (gác cũ) quạnh đơn
Cột xiêu. Mái đổ. Gió hờn. Gạch tro

Bồn bên (lặng ngắt) như tờ
Bóng hồng nào thấy. Lụa tơ nào vờn

Hoang vu (từ độ) liễu buồn
Tang thương (từ thuở rêu mòn) dấu tro

Chốn xưa (vườn thúy) xác xơ
Cỏ tranh chen mọc. Sân mờ băng sương

Xa nhau (tin dữ) Liêu Dương
Biệt nhau (từ buổi lên đường) thọ tang

Khúc [397]

HOANG MANG, NGƠ NGÁC
KIM HỎI LẮNG GIỀNG

*“Điều đâu
sét đánh ngang trời”
(ND)*

Chợ phiên. Lối xóm. Đường làng
Đạo quanh sân gạch. Bước quàng tường vôi

Lội, băng suối. Vượt, xuyên đồi
Hỏi già. Hỏi trẻ. Hỏi trời. Hỏi mây

Người xưa đâu. Cảnh còn đây
Hoang liêu. (Phế tích phơi dầy). Biển dâu

Nửa năm (nắng dãi) mưa dầu
Thời gian. (Nước chảy qua cầu). Chảy xuôi

Nửa năm (mây trắng) vờn trôi
Văn thề chưa ráo. Hương môi chưa nhoà

Khúc [398]

XÓM GIỀNG CHO BIẾT
TAI HOẠ NGẬP ĐẦU

*“Thoắt nghe
chàng đã rụng rời xiết bao”
(ND)*

Rằng: Ngày hôm nọ sai nha
Khắp vườn vây kín. Khắp nhà lục tung

Mưa sa. (Sấm giạt). Bão bùng
Nát. Tan. Chia. Cách. Lao. Lung. Tù. Đày

Vương Quan, Viên Ngoại chết ngây
Xà ngang (treo ngược). (Rút dây) nóc nhà

Rã rời. Hồn lạc. Phách sa
Nửa đau. Nửa hận. Nửa cay. Nửa hờn

Thương người (lương hảo) hàm oan
Hận phường (lại những, tham quan) giết gièm

Khúc [399]

DÒ RA MANH MỐI
MỘT NHÀ HỌ VƯƠNG

*“Hỏi ông,
ông mắc tụng đình”
(ND)*

Rằng ông (nha huyện) biệt giam
Chờ ngày tra xét. Chờ quan đăng đường

Bà Vương (bán đất) thế vườn
Đút ba trăm lạng cho phường lộn dân

Đất vườn chẳng đủ thế chân
(Tư trang, vàng bạc... gian thần vết vơ)

Tai bay (vạ gió) bất ngờ
Đón đau. Ngơ ngác. Bơ phờ. Hoang mang

Luận bàn. Xoay xở. Tính toán
Ngăn ngờ gia tộc. Bàng hoàng hương lân

Khúc [400]

NGANG TRỜI SÉT ĐÁNH
BIẾT TIN NGƯỜI THƯƠNG

*“Hỏi nàng,
nàng đã bán mình chuộc cha”
(ND)*

Rằng: Nàng (quặn ruột) thở than
Bên cha. Bên mẹ. Bên chàng. Bên em

Chết đi (sống lại) mấy phen
Vì nhà. Vì hiếu. Vì duyên. Vì tình

Bởi ai gieo họa trở trình
Cẩn rắng (nuốt nổi bất bình) cháy gan

Tính xa rồi lại tính gần
Tính ngang (những nhằng). Tính quanh (trùng trùng)

Phận người (gặp buổi) điêu linh
Cầm tình đứt tơ. Bán trinh lột thầy

Khúc [401]

NGỠ NGÀNG TIN TỨC
EM GÁI THUYẾT VÂN

*“Đều là
sa sút, khó khăn”
(ND)*

Da vẫn tuyết. Tóc vẫn mây
Gót sen vẫn thắm. Vóc gầy vẫn xưa

Long đông (sáng nắng) chiều mưa
Thức khuya. Dậy sớm. Đi trưa. Về chiều

Cúc cung. Cần kiệm. Chắt chiu
Thế trầm. Cầm ngọc. Vay liều. Mượn ngang

Biết bao (trăng khuyết) nguyệt tàn
Biết bao (ấm lạnh, cơ hàn) quạnh đơn

Biết bao (oan trái) tủi hờn
Biết người còn nhớ hoa thôn mùa tình

Khúc [402]

ĐỒNG MÔN, ĐỒNG KHOÁ
TIN TỨC VƯƠNG QUAN

*“Càng ngao ngán nỗi
càng ngơ ngẩn dường”
(ND)*

Kể từ (ngộ biến) điêu linh
Nhà tan. Cửa nát. Tụng đình. Đảo điên

Tai trời (ách nước) liên miên
Cấn răng nhẩn nhục. Đoan nguyên lập thân

Trần gian (địa ngục) mấy tầng
Âm thầm ngậm đắng. Ăn thân nuốt hờn

Duyệt sách thánh. Tra cỏ thơm
Kinh sôi. Sủ nấu. Chí ươm. Khí mài

Muối mè. Gạo lức. Chay trai

Bảng vàng quyết chiếm. Tương lai quyết cầu

Khúc [403]

HOÀN CẢNH SA SÚT
CẢ NHÀ HỌ VƯƠNG

*“May thuê, viết mượn
kiếm ăn lần hồi”
(ND)*

Nghe ra (tai hoạ) ngập đầu
Nghe ra (công nợ còn lâu) còn dài

Nghe ra (trăm đắng) nghìn cay
Nghe ra (bãi bể, nương dâu) một chiều

Khó khăn. Sa sút. Tiêu điều
Dở dang duyên nợ. Hẩm hiu duyên tình

Cờ thế sự. Cuộc ba sinh
Thị phi. Bĩ thử. Phảm bình. Khen chê

Quan tham (công tặc) kết bè
Đè đầu (bóp họng dân quê) bé mồm

Khúc [404]

KIM TRỌNG RẢO BUỚC
TÌM GẶP VƯƠNG GIA

*“Đánh đường
chàng mới tìm vào đến nơi”
(ND)*

Gặp nhau (gợi ầm) khơi nồng
Tim gan vất nặn. Nỗi lòng phanh phơ

Kể từ (nhụy rụng) hoa rơi
Dầu dầu ruột quặn. Bời bời lệ tuôn

Rảo tìm quán xể chợ hôm
Làng trên. Xóm dưới. Ven sông. Bến đò

Đau lòng. Chua xót. Ngẩn ngơ
Ngùi ngùi mưa tụi. Ngờ ngờ sương rưng

Dường trong (một thoáng) tủi mừng
Đã nghe tâm thức chợt bùng âm hao

Khúc [405]

VƯƠNG QUAN NGHE TIẾNG
ĐÓN KIM TRỌNG VÀO

*“Dắt tay
vội rước vào nhà”
(ND)*

Tiếng quen (dặm lối) bước vào
Thở. Than. Thăm. Hỏi. Mời. Chào. Mừng. Vui

Lòng thương khôn giấu ngậm ngùi
Người thân (bùn dập cát vùi) là đây

Là sương? Là gió? Là mây?
Là mơ? Là mộng? Là ngày? Là đêm?

Gặp nhau (tương kiến) trước thềm
Bao nhiêu nước mắt niềm riêng chảy tràn

Cầm tay dài ngắn hỏi han
Đắng cay. Họa hoạn. Hợp tan. Bi hoài

Khúc [406]

PHÚT GIÂY GẶP GỠ
XÚC ĐỘNG, NGỠ NGÀNG

*“Điều đâu
sét đánh ngang trời”
(ND)*

Mơ là đây? Mộng chẳng là?
Vương Ông ngơ ngẩn. Vương Bà băng khuâng

Bên Vương Quan. Bên Thuý Vân
Mừng đầy nước mắt. Tủi ngàn lệ sa

Có thật chẳng? Có thật là?
Máu xương người cũ? Thịt da người tình?

Vẫn còn đây. Vẫn nguyên hình
Nghĩa ân Viên Ngoại. Nghĩa tình Bà Vương

Cô em (Vườn Thuý) má hồng
Mắt long lanh giấu. Môi nồng nàn khoe

Khúc [407]

XÓT XA BAO NỖI
LỜI ÔNG BÀ VƯƠNG

*“Ông Bà
càng nói càng đau”
(ND)*

Mừng mừng. Tủi tủi. Mê mê
Mong mong. Nhớ nhớ. Chề chề. Thương thương

Kể sao (cho hết) đoạn trường
Nói sao (cho cạn bao đường) ngóng trông

Đón đau (từ buổi) mắc trông
Nát tan. (Từ thuở gia vong). Đoạn lìa

Tình chan chứa. Lệ đầm đìa
Dở dang (cam) phận. Cách chia (cam) đành

Còn đất rộng. Còn trời xanh
Còn thân ươm nụ. Còn cành đơm bông

Khúc [408]

ÔNG BÀ NHẮC LẠI
LỜI KIỀU TRỖI TRẦN

*“Cực trăm ngàn nỗi,
dặn ba bốn lần”
(ND)*

Ra đi (đứt ruột) quặn lòng
Trần đi, trối lại rằng mong tin chàng

Rằng: Vân kết nghĩa Kim lang
Rằng: Cha mẹ phải lo toan mọi bề

Cho trọn nghĩa. Cho vẹn thề
Cho người lưu lạc thoả thê tắc lòng

Mong em (tứ đức) tam tông
Xe tơ. Kết tóc. Mặn nồng. Thuỷ chung

Trao văn thệ. Kể nhớ nhung
Biệt thi. Khăn lệ. Tờ chung. Xuyên vàng

Khúc [409]

KIM TRỌNG THAN THỞ
THÁNG NGÀY THƯƠNG MONG

*“Vật mình,
vấy gió, tuôn mưa”
(ND)*

Ra đi lòng mãi dặn lòng
Ai hay (duyên số long đong) cuộc tình

Tim này (nguyên vẹn) trung trinh
Trăm năm (nguyện giữ bóng hình) người thương

Bao đèn nến. Mấy tuần hương
Đã thề. Đã thốt. Đã thương. Đã chịu

Ra đi (lòng mối) tơ điều

Phù bình chìm nổi. Phù triều đầy vơi

Nửa năm (vật đổi) sao dời
Nước đưa. (Bèo giạt. Mây trôi). Sương chùng

Khúc [410]

NỖI NIỀM ĐAU ĐỚN
HÉO RUỘT CHÀNG KIM

*“Tĩnh ra lại khóc,
khóc rồi lại mê”
(ND)*

Mê nửa chừng. Tĩnh nửa chừng
Bỏ ăn. Mất ngủ. Liệt giường. Trầm hôn

Tĩnh chợt mưa. Mê chợt nôn
Xé gan từng phút. Đoạn trường từng giây

Thân hoa lạc. Phận bèo mây
Tiếng đêm nghẹn tắt. Tiếng ngày thở than

Duyên hồng phấn. Phận hồng nhan
Khóc người (nước mắt chứa chan) mạch sầu

Duyên nghìn trước. Phận nghìn sau
Niềm riêng ngưng máu. Nỗi sầu đứng tim

Khúc [411]

KIM TRỌNG THỀ THỐT
SẼ TÌM MỐI MANH

*“Còn tôi,
tôi gặp mặt nàng mới thôi”
(ND)*

Dấu cho (ngọc nát) vàng chìm
Năm châu bốn bể phải tìm cho ra

Dầu đời (bão táp) mưa sa
Hao mòn bia đá. Phôi pha sách đèn

Dầu ngàn (khổ lụy) lênh đênh
Quyết truy manh mối đáp đền lòng nhau

Biển sâu. Trời rộng. Đất dày
Non cao. Ải rậm. Lũy dài. Rừng hoang

Tìm sao cho thấy mặt nàng
Dầu tan bờ mộng. Dầu tàn bến mơ

Khúc [412]

NƠI ĂN CHỖN Ở
THỰC TRẠNG HỌ VƯƠNG

*“Lau treo rèm nát,
trúc cài phen thưa”
(ND)*

Tường rêu. Vách nứt. Phen tre
Đầu sân cỏ mọc. Cuối hè nhện giăng

Mái tranh thưa, dột bóng trắng
Bão lay. Mưa lộng. Gió lèn. Nước chui

Héo hon (lữ khách) dậm chiều
Mất khô. (Ngán lệ quạnh hiu). Đất người

Sau cơn (gia biến) tình cờ
Sóng thần bất trắc. Thiên cơ bất tường

Điều tàn. Đồ nát. Thê lương
Tan tành cơ nghiệp. Chán chường thế gia

Khúc [413]

KIM TRỌNG CHUẨN BỊ
SỬA SANG CỬA NHÀ

*“Vội về
sửa chốn vườn hoa”
(ND)*

Mua trang (Lãm Thuý) làm nhà
Thêm phòng. Nối vách. Trồng hoa. Sơn tường

Chuốt thêm nến. Nối thêm hương
Treo tranh viện sách. Đặt giường phòng loan

Nơi này (một thuở) cựu mang
Rượu thề. Trăng nguyện. Tiếng đàn. Giọng ca

Đỉnh trâm. Thư án. Hiên hoa
Còn nguyên (hơi hám), (chan hoà) nhớ nhung

Lầu mây. Gác nguyệt. Sân tùng
Dáng ai (ẩn hiện ngập ngừng) thêm lan

Khúc [414]

KIM RƯỚC VƯƠNG TỘC
VỀ NHÀ TẠM DUNG

*“Dưỡng nhân
thay tấm lòng nàng ngày xưa”
(ND)*

Tình lận đận. Hiếu trái ngang
Vì ta (bèo giạt) nên nàng (hoa trôi)

Nhân một nơi. Nghĩa một nơi
Vì người (xin trọn một đời) thủy chung

Rước song thân về tạm dung
Vì nàng (tận tụy, cúc cung) đỡ đần

Cùng Thuý Vân, với Vương Quan
Một nhà (sớm, tối, quây, quần) hàn huyên

Chuyên tâm (kinh điển) sách đèn
Bút mây Tử Lộ. Trà sen Nhan Hồi

Khúc [415]

QUA CÔ EM GÁI
NHỚ BÓNG NGƯỜI YÊU

*“Như nung gan sắt,
như bào lòng son”*
(ND)

Nhìn Vân (cung cách) đứng ngồi
Lúc ăn. Lúc nói. Lúc cười. Lúc vui

Nhớ Kiều dằng dặc khôn nguôi
Tưởng cảm. Tưởng má. Tưởng môi. Tưởng mày

Càng thương. (Càng nhớ). Càng đau
Càng chan chứa mộng. Càng ray rức tình

Nhớ dung. Nhớ dáng. Nhớ hình
Nhớ lan hương mộng. Nhớ quỳnh sắc mơ

Tưởng người. Tưởng tóc. Tưởng tơ
Hoa lay tưởng yếm. Trắng mờ tưởng xiêm

Khúc [416]

KIM CÀNG SA SÚT
VÌ THƯƠNG NHỚ KIỀU

*“Máu theo nước mắt,
hồn lìa chiêm bao”*
(ND)

Mơ trưa. Ước xế. Mộng chiều
Ngẩn ngơ nhụy héo. Bụi ngùi hương phai

Thân ve (gầy rạc) hình hài
Đắng. Cay. Chua. Chát. Thương. Hoài. Sầu. Mong

Đã mơ (chăn chiếu) vợ chồng

Đã thề (hai chữ đồng tâm) kiếp này

Đã mong (sum họp) bạn bầu
Đã thề (kết tóc thắt dây) tơ hồng

Chờ trông (biên biệt) vân mông
Tuyết rừng mù thắm. Trăng đồng mũ mưng

Khúc [417]

SỢ KIM MỆNH HỀ
VƯƠNG GẢ THUYẾT VÂN

*“Vội vàng
sắm sửa, chọn ngày”
(ND)*

Tụ bổng dưng. Tán bổng dưng
Bèo mây. (Tan hợp vô chừng). Quẩn quanh

Nhớ câu (trần trối) duyên lành
Kim, Vân kết hợp cho đành thề xưa

Tình đương độ. Tứ đang mùa
Sắc cảm hoà hiệp, phụng đưa hoàng về

Chén mời. Chén cạn. Chén mê
Chén say (hoa chúc). Chén thề (giao bôi)

Rượu hồng (nồng nực) mắt môi
Xên xang tơ lụa. Ngậm ngùi tình chung

Khúc [418]

THUYẾT VÂN, KIM TRỌNG
MỘT MỐI LƯƠNG DUYÊN

*“Trai tài gái sắc,
xuân đương vừa thì”
(ND)*

Xôn xao (kẻ chúc) người mừng
Chia lìa (tình chị). Trùng phùng (duyên em)

Lúc nắng úa. Lúc sương mềm
Khi say men mới. Khi thềm hương xưa

Cuộc tình (nắng đậm) mưa thưa
Kết duyên kim cái đẹp vừa trời trăng

Mối thiên duyên. Sợi xích thằng
Trong vòng (đào chú nợ nần) riêng nhau

Không ràng trước. Chẳng buộc sau
Đủ trà. Đủ rượu. Đủ cau. Đủ trầu

Khúc [419]

THUYẾT VÂN HIỀN THỰC
NGƯỜI VỢ ĐẢM ĐANG

*“Người yếu điệu,
kẻ văn chương”
(ND)*

Thức khuya (dậy sớm) quản đầu
Khăn nâng. Túi sữa. Rượu hầu. Trà pha

Giọng hò. (Điệu hát). Câu ca
Sánh đôi (loạn phụng). Song hoà (bố kinh)

Nét na. Thục hạnh. Chung tình
Tiết phong một kiếp. Trung trinh một đời

Âm dương (thiên đạo) nhiệm màu
Vần xoay. (Dứt cuộc bể dâu). Thông tuyến

Đã là phận. Đã là duyên
Trà lan (trưa) sớm. Rượu quỳnh (tối) khuya

Khúc [420]

BÊN DUYÊN TÌNH MỚI
NHỚ BÓNG NGƯỜI XƯA

*“Đốt lò hương,
giở phiếm đồng ngày xưa”
(ND)*

Trăng sữa (giọt). Gió mật (đưa)
Nhớ người lưu lạc thức vừa trắng đêm

Hương lan phần tạt ươm rèm
Hài gieo. (Khua nhẹ bên thềm). Hoa lay

Chập chờn (mê tỉnh) cơn say
Dường trong gió (lả lướt) bay lùa hồng

Vừa tan tiếng trống thu không
Trở trần, mộng寐... trời đông vừa hừng

Mùi hương (trầm thoảng) rưng rưng
Hiên lam. Thư án. Tranh tùng. Thệ văn

Khúc [421]

KHẮP NƠI DÒ KIẾM
TẦM TÍCH THUÝ KIỀU

*“Cắt người tìm tôi,
mượn tờ nhẵn nhe”
(ND)*

Biết đâu (ong giệt) bướm giăng
(Tiểu tinh đất nọ. Cát đằng trời kia)

Những là (đi sớm) về khuya
Biển phân nam bắc. Non chia đông đôi

Chân chim nhảy. Cánh hạc bay
Sương tan. Mây tụ. Đá bày. Tuyết rơi

Biết đâu (bão nổi) giữa trời
Biết đâu (bèo giạt hoa trôi) phương nào

Nhấn nhẹ. Thăm hỏi. Mời chào
Trăm sông. Nghìn suối. Vạn hào. Muôn khe

Khúc [422]

ĐI VỀ MẤY BẠN
MIỀN ĐẤT LÂM THANH

*“Lâm Thanh mấy bạn
đi về dặm khơi”
(ND)*

Trót lằm (nửa chữ) gian điều
Lâm Thanh tuyết rụng. Lâm Truy băng ngàn

Hỏi han (lui tới) bao lần
Mây băng khuâng tụ. Sương vắn vũ tan

Đi về (muôn dặm) quan san
Dấu chân vong lạc biết đường nào tra

Nghe từ buổi mới bước ra
Nhùng nhằng. (Hai chữ nhập nhoà). Bất minh

Ghi lòng. Tạc dạ. Định ninh
Thiên cơ. (Sinh tử. Tử sinh). Nhiệm huyền

Khúc [423]

VƯƠNG QUAN, KIM TRỌNG
CÙNG ĐỖ KHOA THI

*“Vương, Kim cùng chiếm
bảng xuân một ngày”
(ND)*

Thi. Thư. Lễ. Nhạc. Côn. Quyền
Đêm thề nấu sủ. Ngày nguyên sôi kinh

Thang mây. Cửa gió. Sân quỳnh

Cổng trời mở hội. Sân đình khai khoa

Vinh quy (bái tổ) một nhà
Tiếng thơm. (Sức nước hương xa). Khắp miền

Lão. Trang. Khổng. Mặc. Địch. Trình
Núi sông. (Hun đúc khí thiêng). Đất mầu

Nghĩa ân (chín chữ) cao sâu
Công thành. Danh toại. Khanh hầu. Thế gia

Khúc [424]

QUAN LẤY CHUNG THỊ
(LÀM RẼ CHUNG CÔNG)

*“Sang nhà Chung lão
tạ ơn chu tuyền”
(ND)*

Mượn câu tiễn biệt lân la
Chào mời. Đưa đón. Lại qua. Đáp đền

(Buổi ngộ nạn, chạy quan trên
Cũng là nghĩa cũ. Cũng nên buộc ràng)

Dâu Đông Giản. Rẻ đông sàng
Trai thanh. Gái lịch. Đá vàng. Phương cương

Nụ vừa chớm. Nhụy vừa hương
Bướm nhà Viên Ngoại. Hoa vườn Chung Công

Biết bao (khuya sớm) đèo bông
Chờ ngày (lên kiệu theo chồng) phó quan

Khúc [425]

CHÀNG VƯƠNG, KIM TRỌNG
ĐƯỢC BỔ CHỨC QUAN

“Hoa chào ngõ hạnh,

hương bay dậm phần”
(ND)

Mừng ngày (hiễn lộng) đăng khoa
Cân. Dai. Áo. Mão. Lụa. Là. Ngựa. Xe

Tan châu nhip trống lui về
(Sân đình lân múa. Phòng khuê phụng châu)

Mừng vui (cuộc rượu) đêm thâu
Mai ngày. (Dong ngựa tìm châu). Vẹn thề

Sớm mong (Hợp Phố) châu về
Chiều đông cổng khép. Trưa hè thuyền dong

Mốt mai (oan khổ) thoát vòng
Biển dâu (thôi hết long đong) hoạn kỳ

Khúc [426]

KIM TIẾC KHÔNG ĐƯỢC
CÙNG KIỀU HIỂN VINH

*“Nghĩ mình vinh hiển,
thương người lưu ly”*
(ND)

Thuở trao (khăn gấm) quạt quỳ
Nhớ người (mắt đắm lưu ly) lệ ngàn

Quỳnh, gác sách. Cúc, lầu văn
Nhớ lời (nguyện ước gối chăn) trọn niềm

Nguyệt song thệ. Trăng song nguyên
Mực khô (quánh đọng đáy nghiên) thơm nồng

Nhớ người (tươi phấn) thắm son
Thơ say (nổi) sập. Men nồng (thêm) hương

Ước mơ (chăn chiếu) đệm giường
Trọn niềm ân ái. Vẹn đường thủy chung

Khúc [427]

KIM ĐƯỢC BỎ NHẬM
TRI HUYỆN LÂM TRUY

*“Vâng ra ngoại nhậm
Lâm Truy”
(ND)*

Bèo mây. (Bình thủy). Tương phùng
Ngờ ngờ tụ tán. Trùng trùng chia xa

Lẽ trời. (Tan hợp). Phôi pha
Phút giây biến dịch. Sát na xoay vần

Một đi. Một ngõ. Một ngành
Một làm. Một lỡ. Một gần. Một xa

Kiệu điều. Tàn gấm. Lọng hoa
Quan. Sai. Lính. Lại. Đốc. Nha. Lệ. Đầu

Tài vương tá. Chí vương hầu
Kinh luân. Định kế. Mưu cầu. An bang

Khúc [428]

KIM, VÂN, TÔI, TỚ
TRÊN ĐƯỜNG NHẬM QUAN

*“Quan san nghìn dặm,
thê nhi một đoàn”
(ND)*

Đường dài (dặm gió) quan san
Bốn xe song mã. Một đoàn thê nhi

Ông Bà Vương chọn cát kỳ
Thương con. Quý rể. Trẩy đi. Dặm bỗng

Rừng lam. Cát đỏ. Bụi hồng
Hoàng hôn (ửng) tóc. Hừng đông (nhuộm) bào

Đường quan lộ. Bước ly tao
Sao run đầu núi. Trăng chao chân đèo

Rừng thông. Lũng đá. Vụng bèo
Mật mù hải phổ. Cheo leo giang đầu

Khúc [429]

TRI HUYỆN KIM TRỌNG
ĐƯỜNG QUAN TAO NHÃ

*“Sớm khuya tiếng nhạc,
tiếng đàn tiêu dao”
(ND)*

Chờ trăng cài vọng nguyệt lâu
Ngâm thơ Lương Phủ. Hát câu Sở Từ

Vỗ tang trống. Duyệt binh thư
Khơi trầm đọc sách. Tra từ chép kinh

Sách đèn (thoả nguyện) bình sinh
Hoạn đồ (hưng chí ngạc kình) biển sâu

Dặm hồng. Còn biếc. Ngàn dâu
Lưng, (đai) Tử Lộ. Vai, (bầu) Nhan Uyên

Huyện nha (trị). Con dân (yên)
Đồn lương. Mãi mãi. Đóng thuyền. Chiêu binh

Khúc [430]

TIẾC NGƯỜI TRONG MỘNG
KHÔNG CÙNG CHIA MƠ

*“Bây giờ
kim mã ngọc đường với ai”
(ND)*

Đêm tường bóng. Ngày nhớ hình

Mắt môi suốt (kiếp). Bóng hình chung (thân)

Ước gì (sau trước) một lần
Cùng người trong mộng hưởng phần phúc duyên

Miếng đỉnh chung. Thuở song nguyên
Giờ đây (trắng giải đôi miền) bơ vơ

Ước gì (thuyền đậu) chung bờ
Đục trong (chung) bến. Nông sờ (chung) khoang

Nhớ thương. Trăn trở. Bàng hoàng
Mong sao (ô thức, thâm thương) nổi cầu

Khúc [431]

MỘT ĐÊM MỘNG TRIỆU
VÂN MƠ THẤY KIỀU

*“Thuý Vân nằm
bỗng chiêm bao thấy nàng”
(ND)*

Buồng khuê gió gheo song đào
Mơ màng. Thức tỉnh. Chiêm bao. Rụng rời

Bờ sông. Bến nước. Chân trời
Dáng Kiều (ẩn hiện mắt ngời) triều vân

Hồn lan (phách quế) lằng lằng
Sen vàng động gót. Tường vân gieo hài

Chập chờn. (Mộng寐). Liêu trai
Tưởng người (tiên đảo bông lai) hiện về

Mắt môi (trắng lạnh) thê thê
Mười lăm năm (chén rượu) thê còn hương

Khúc [432]

HUYỆN QUAN KIM TRỌNG

ĐĂNG ĐƯỜNG HỎI TRA

*“Họ Đô
có kẻ lại già thừa lên”
(ND)*

Sáng ra Huyện Lệnh đăng đường
Hỏi tra (nha lại hiện trường) thật hư

Ngoài sân quỳ dưới bụi mưa
Lại già có kẻ trình thừa rõ ràng

Lửa Phúc Kiến. Khói Tích Giang
Một thời (bão dậy sấm vang) trong ngoài

Rằng nghe (có chuyện) động trời
Anh khô Từ Hải. Hương ngời Kiều Nương

Một ngôi mệnh phụ đường đường
Một trang tuần kiệt. Mười phương sấm tràn

Khúc [433]

HỌ ĐÔ NHÂN CHỨNG VỀ TÔNG TÍCH KIỀU

*“Tôi đã biết mặt,
biết tên rành rành”
(ND)*

Rằng: Xưa có Vương Mỹ nhân
Kết duyên Từ Hải, tướng quân phi thường

Loạn ly. Binh lửa. Ngoan cường
Trầm mình. (Dưới đáy Tiền Đường). Trôi sông

Từ, người (đất Việt) Quảng Đông
Hải hồ xẻ đất. Tang bồng cử binh

Kiều Nương (kỳ nữ) Bắc Kinh
Chuộc cha (vì hiếu bán mình) lầu xanh

Gặp Từ (chí lớn) dọc ngang
Ngày bàn mưu kế. Tối nâng rượu trà

Khúc [434]

KIM TOAN TREO ẮN
ĐI TÌM NGƯỜI THƯƠNG

*“Vào sinh, ra tử
hoạ là thấy nhau”
(ND)*

Trên vì nước. Dưới vì nhà
Trước là nghĩa cả. Sau là tình riêng

Muốn treo (đai ẮN) phục viên
Tìm nhau (cùng khắp non thiêng) núi trâm

Sông, hồ, cồn, bãi, vụng, đầm
Sao cho (gặp được một lần) sánh đôi

Tóc tơ (dù có) đèn bồi
Muôn chung nghìn tứ dù vơi dù đầy

Dù năm. Dù tháng. Dù ngày
Mây trôi. Gió giạt. Sóng vầy. Mưa sa

Khúc [435]

KIM TRỌNG CẢI NHẠM
TRI HUYỆN NAM BÌNH

*“Khâm ban sắc chỉ
đến nơi rành rành”
(ND)*

Duyên kim cải. Phận sai nha
Cương thường. (Trăm mối gần xa). Bộn bề

Vì dân. Vì nước. Vì quê
Vỗ yên trăm họ không nề gươm đao

Giã từ (phố chợ) xông xao
Dân bày hương án vái chào tiễn chân

Đức phụ mẫu. Hạnh đường quan
Thanh liêm. Chính trực. Thụ nhàn. Khiêm cung

Nam Bình. (Trần nhậm). Biền bưng
Ngựa xe (thê tử băng rừng) vó câu

Khúc [436]

VƯƠNG QUAN CẢI NHẬM
TRI HUYỆN PHÚ DƯƠNG

*“Chàng Vương
cũng cải nhậm thành Phú Dương”
(ND)*

Huyện đường lệnh bãi trống châu
Một đoàn gia, tộc, tở, hầu, sai, nha

Phú Dương cải nhậm miền xa
Xe hồng. Ngựa trắng. Kiệu hoa. Lọng vàng

Cơ duyên đưa lối dẫn đường
Phú Dương. (Thuộc đạo Tiền Đường). Triết Giang

Ngờ đâu manh mối rõ dần
Biết đâu (thiên, địa, quỷ, thần) hiển linh

Cơ duyên (may mắn) thành linh
Đêm (tình) mộng寐. Ngày (tình) chiêm bao

Khúc [437]

PHÚ DƯƠNG (TRIẾT GIANG)
GẦN SÔNG TIỀN ĐƯỜNG

*“Tiền đường cùng lại
hỏi nàng xưa sau”*

(ND)

Tiếng ai xé lụa mảy chau
Nghe hơi (gió thoảng nước cau) mặt buồn

Tình đầu khe. Nghĩa cuối truông
Ngóng (mong) mười bến. Nhớ (thương) một dòng

Tình lênh đênh. Nghĩa long đong
Đầu ghềnh. Cuối bãi. Nước ròng. Nước lên

Sông mênh mông. Nước mông mênh
Triết Giang (Phúc Kiến). Tiền Đường (Phú Dương)

Nghe mà thương. Nghĩ mà thương
Sông sâu. Nước biếc. Triều cương. Sóng dào

Khúc [438]

KHOI DẪN MANH MỐI
KHOANH VÙNG HÀNG CHÂU

*“Thật tin hỏi được
tóc tơ rành rành”*
(ND)

Dòng Mịch La. Khúc Ly Tao
Tiền Đường. (Thần Sóng thét gào). Gió đưa

Nhớ người mắt đắm lệ mưa
Khóc người mệnh yếu hương vừa đào xuân

Là đây (sông nước) chập chùng
Nghìn thu. (Thuỷ mộ trầm hùng). Mỹ nhân

Trời cao (vòi vọi) chín tầng
Man man sóng táp. Ngần ngàn đá phơi

Thiên cơ. (Bí nhiệm). Đạo trời
Biển tình (lãng đãng, chợt vợi) chợt đầy

Khúc [439]

VƯƠNG QUAN, KIM TRỌNG
LẬP ĐÀN GIẢI OAN

*“Ngọn triều
non bạc trùng trùng”
(ND)*

Tưởng hồn (linh hiển) quanh đây
Tin người. (Phận mỏng. Phúc dày). Cõi âm

Lập đàn (giải nạn) bên sông
Hương bay. Gió tạt. Trầm xông. Sóng gào

Thương hoa lạc. Xót mật trào
Máu dồn. Tim quặn. Ruột bào. Gan trơ

Kêu tên. Gọi mộng. Đốt thơ
Vẽ hình. Tạc ảnh. Chọn giờ. Tế linh

“Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh”
Nhang trầm (khói) toả. Hương bình (khói) chao

Khúc [440]

MƠ MÀNG KIM TƯỚNG
BÓNG HÌNH NGƯỜI XƯA

*“Vời trông
còn tưởng cánh hồng lúc gieo”
(ND)*

Khói (đông) lạnh. Nước (dâng) cao
Ầm ầm sóng vỗ. ào ào triều lên

Mịt mù. (Mây cuộn). Sấm rền
Bóng người (ẩn, hiện, chao, chênh) bèo dời

Để tang (tình cũ) mây trời
Khóc duyên (tình cũ nước nhồi) vực sông

Thương người (tài nữ) mạng vong
[Phận người. (Bèo. Bọt. Rêu. Rong). Kiếp dài]

Môi son. Má phấn. Mây ngài
Dáng tha thướt (hạnh). Vóc gầy rạc (giao)

Khúc [441]

TÌNH CỜ GẶP GỠ
SỰ BÀ GIÁC DUYÊN

*“Giác Duyên
đâu bỗng tìm vào đến nơi”
(ND)*

Nỗi niềm (ruột thắt) gan bào
Mệnh người. (Đáy lạnh sóng chao). Phận mình

Giác Duyên chợt tới thành linh
Rành rành. (Cớ sự phân minh). Giải bàn

Mười lăm năm, quá ngỗ ngang
Mười lăm năm, lắm bề bàng tình xưa

Mười lăm năm, tưởng sống thừa
Đóa hoa năm cũ vẫn vừa vện hương

Nỗi nằng (trăm nhớ) ngàn thương
Lòng chàng (chín hướng mười phương) bâng hoàng

Khúc [442]

GIÁC DUYÊN HÉ LỘ
TUNG TÍCH THUÝ KIỀU

*“Người còn,
sao bỗng làm ma khóc người”
(ND)*

Gặp nhau chưa hết ngỗ ngang
Chợt nghe (nhạn lạc kêu đàn) bãi sông

Mây vương. Gió cuộn. Sương bông
Tưởng người (thần mộng nhập hồn) báo tin

Thấy Sư (nguyên bóng) nguyên hình
Nón gồi dệp cỏ đáng in chân trời

Nhắc đi (lặp lại) một lời
Rằng người (còn sống sờ sờ) ni am

Lều tranh. Mái lá. Rèm nan
Thuỷ Vân (lau lách lẩn tràn) thiên môn

Khúc [443]

GIÁC DUYÊN CHO BIẾT
KIỀU NHỚ NGƯỜI THÂN

*“Đăm đăm
nàng cũng nhớ nhà khôn khuây”
(ND)*

Đông mai tuyết rụng sườn non
Chiều buồn (hoa lạc bãi cồn) trôi xuôi

Ngắm thân (phiêu bạt) bụi ngùi
Mây Tần dằng dặc. Mõ dùi khôn khuây

Tin nhà (biền biệt) khói mây
Thương cha. Nhớ mẹ. Mong ngày. Ngóng đêm

Mong Vân hạnh phúc trắng rằm
Duyên tơ. (Chấp nói phận tầm). Thiên cơ

Xót Quan (đèn sách) canh giờ
Tên treo nhành quế, hoạn đồ hanh thông

Khúc [444]

NGHE TIN SẮM NỔ
MỪNG VUI KHÔN CÙNG

*“Nghe tin
ngơ ngác, rụng rời”
(ND)*

Ven đê (ngõ lạc) non bông
Nghe tin (tưởng sóng biển cồn) vọng ngân

Lòng mừng thầm. Dạ nhủ thầm
Thiên cơ. (Phép lạ cõi âm). Nhiệm huyền

Khóc tình. Khóc nghĩa. Khóc duyên
(Khóc chung thân phận. Khóc riêng mạch đời)

Bấy lâu (lưu lạc) phương trời
Bão vui mệnh số. Rã bời tài hoa

Những đêm (lầu nguyệt) trắng tà
Khóc người. Mắt đầm giọt sa. Lệ tình

Khúc [445]

CÒN NHIỀU NGHI HOẶC
TRONG CƠN VUI MỪNG

*“Tình thâm
luống những hồ nghi nửa phần”
(ND)*

Người về từ cõi tử sinh
Váy xiêm đầm nguyệt. Bóng hình vương mây

Tin đầu từ thuở uyên bay
Rằng tiên? Rằng tục? Rằng say? Rằng vờ

Trong thiên cơ, có huyền cơ
Cần khôn. (Khép. Mở. Diệu. Vời). Chiêm bao

Nước vẫn trôi. Sóng vẫn gào
Tuyết run đầu núi. Sương chao lưng đèo

Biết đâu (mặt nước) chân bèo

Biết đâu (đá nát vàng gieo) mỗi ngò

Khúc [446]

MƠ HAY LÀ MỘNG
THỰC HAY LÀ HƯ

*“Cõi trần
mà lại thấy người cứu nguyên”
(ND)*

Rằng hư? Rằng ảo? Rằng mơ?
Chiêm bao. (Nửa giấc mộng ngò). Chiêm bao

Cửu nguyên còn thấy yếm đào
Cõi trần ẩn hiện hanh hao vấy hồng

Tóc xưa thề kết giải đồng
Trói duyên (buộc nợ sắc không) tơ trời

Rằng chén cạn. Rằng chén vơi
Rằng duyên tan hợp. Rằng đời đẩy đưa

Người về (đã thực) về chưa
Mù sương đỉnh tuyết. Mù mưa vực ngàn

Khúc [447]

MỘT ĐOÀN MỪNG, TỬ
THEO VỀ THẢO LƯ

*“Quanh co
theo dãy giang tân”
(ND)*

Ngoài sân chật ních một đoàn
Nói. Cười. Mừng. Tử. Khuyên. Can. Chào. Mời

Mười lăm năm, quả như lời
Đạo Cô Tam Hợp: Cơ trời, phận hoa

Tơ bưng. Ngổ ý. Niêm hoa
Khúc đàn bạc mệnh chan hoà cỏ cây

Năm xưa. Người ấy. Chốn này
Đoạn trường. (Chết lịm. Phô bày). Tân thanh

Lập xuân (hoa lá) rờn xanh
Qua cơn hạn hán mưa lành trời cao

Khúc [448]

SỰ NƯỞNG GỌI KIỀU
RA CHÀO MỌI NGƯỜI

*“Buồng trong
vội dạo sen vàng bước ra”
(ND)*

Đang cơn (xúc cảm) dâng trào
Nửa dè dặt (tưởng). Nửa dào dạt (tin)

Một căn lều cỏ giang đình
Chân trời xanh thẳm. Bờ kinh sương nhòa

Đội dáng người, từng sát na
Phong trần bụi lấm chưa nhòa sắc gương

Trong vô thường, có chân thường
Rừng thiêng. (Mong. Ngóng. Nhớ. Thương). Biển cồn

Tình phương viên. Nghĩa vuông tròn
Nửa đời (tương) hợp. Đôi lòng (tương) giao

Khúc [449]

THUYẾT KIỀU SỬNG SÓT
TƯỞNG MÌNH NẤM MƠ

*“Rõ ràng mở mắt
còn ngờ chiêm bao”
(ND)*

(Trong hanh hao, có hanh hao)
Trong chiêm bao, có chiêm bao trùng trùng

(Mừng. Vui. Run. Sợ. Ngại. Ngùng)
Trong bình thường, có dị thường huyền cơ

Buồng trong (thấp thoáng) bóng mờ
Dáng vắn nhả điệu. Dáng thơ nhả kỳ

Rằng tan hợp. Rằng chia ly
Nửa tin. Nửa tưởng. Nửa nghi. Nửa ngờ

Rằng chưa ngủ, sao nằm mơ
Sao người cõi mộng lại phờ phĩnh nhau

Khúc [450]

BAO NĂM KHẮN NGUYỆN
PHÚT GIÂY TƯỞNG PHÙNG

*“Trông xem
đủ mặt một nhà”
(ND)*

Này song thân, tóc ngã màu
Này chàng Kim, dáng dãi dầu phong sương

Này Thuý Vân, vắn nồng hương
Này Vương Quan, với Chung Nương dâu hiền

Đây tình. Đây nợ. Đây duyên
Mười lăm năm (đắm lệ) huyền hoặc rơi

Bao phen khấn nguyện ơn trời
Bây giờ đổi mặt ngời ngời cơ may

Một giây. Một phút. Một ngày
Một đi. Một bước. Một chầy. Một xa

Khúc [451]

MỪNG VUI THỊNH ĐỨC
MỘT NHÀ HỌ VƯƠNG

*“Kiếp này
ai lại còn cầm gậy đây”
(ND)*

Đã đành (gió rắc) phong ba
Ai ngờ (nước chảy trôi hoa) giặt bèo

Đã đành âm đức còn neo
Ai ngờ hồng phúc còn theo trở về

Nỗi tình. Nỗi nghĩa. Nỗi quê
Ơn cha. Ơn Mẹ. Ơn em. Ơn chàng

Đức này. (Lộc ấy). Ân ban
Từng ngày. (Gieo đức. Cấy nhân). Từng ngày

Luật trời (báo ứng) trả vay
Đạo cao. Đức trọng. Phước dày. Lộc sâu

Khúc [452]

KỂ LỄ LƯU LẠC
NGẮT TRỜI XÓT ĐAU

*“Nửa đời
nếm đủ mọi mùi đắng cay”
(ND)*

Một nhà kẻ nổi trước sau
Nhớ thương. Mong ngóng. Lo sầu. Buồn tênh

Mười lăm năm, trải thác ghềnh
Ong qua. Bướm lại. Hương lền. Nhụy cây

Mười lăm năm, kiếp lưu đày
Trôi sông. Lạc chợ. Vời đầy. Giạt xô

Gương trong (nước thủy) chưa mờ

Hoa (mơ) đương độ. Trăng (mơ) đương viên

Môi xinh nhấp chén trà thiền
Vai nghiêng. (Tóc suối tơ huyền). Mông lung

Khúc [453]

LÒNG KIM QUẪN XỐT
CHẤT CHỒNG NHỚ THƯƠNG

*“Lời tan hợp,
chuyện xa gần thiếu đâu”
(ND)*

Mười lăm năm, vắt cạn lòng
[Tìm nhau. (Mười mối, trăm dòng). Hồ sông]

Mười lăm năm, ngóng vân mông
Xanh xao môi má. Rã ròng tâm can

Mười lăm năm, tím ruột gan
Ngày ngày (tơ tưởng dung nhan) buổi đầu

Đêm đêm (hồng lệ) ngần châu
Huyện đường (chờ trống tan chầu) quyền sươg

Nói sao (cho hết) nhớ thương
Kể sao cho hết đoạn trường kinh qua

Khúc [454]

VÂN, QUAN KHẮP KHỞI
MỪNG DUYÊN TƯƠNG PHÙNG

*“Hai em
hỏi trước han sau”
(ND)*

Nhớ ngày (đọc sách) hái hoa
Thơ gieo vườn Thuý. Nhạc hoà lầu Vương

Rồi ra (biền biệt) miên trường
Phút này tương kiến ngát hương diễm hồng

Bao nhiêu đợi. Bấy nhiêu trông
Bao (thương) nhớ bóng. Bấy (mong) chờ người

Đoàn viên (ngọc vỡ) tiếng cườì
Hương thơm (chợt) rộ. Hoa tươi (chợt) bùng

Trăm năm (hạnh ngộ) duyên mừng
Nghìn năm (vàng đá tưởng chừng) phôi khai

Khúc [455]

NỬA ĐỜI TRÔI GIẠT
DUNG NHAN BUỔI CHIỀU

*“Mười phần xuân,
có gầy ba bốn phần”
(ND)*

Khoé yên. Mắt phượng. Mây ngài
Bao năm (dầu dãi chưa phai) sắc nồng

Váy vải sợi. Yếm nâu sồng
Chân, tay, vai, ngực = huệ, hồng, đào, sen

Vẫn thơm phấn. Vẫn ngát men
Nguyệt thề chí dị. Trăng vàng liêu trai

Nhớ xưa (nghiêng suối) tóc dài
Còn nguyên. (Vóc hạc mình mai). Liễu gầy

Sương còn quện. Phấn vẫn rây
Mắt, môi tuyết (động). Mi, mày băng (ngâm)

Khúc [456]

TẠ ƠN CỨU TỬ
LẠY SỰ GIÁC DUYÊN

*“Cùng nhau
lạy tạ Giác Duyên”
(ND)*

Một nhà (quỳ trước) thiền am
Gió mùa thổi lộng. Mây lam cuộn quảng

Tạ ơn (cứu tử) chín tầng
Khói trầm. (Thơm ngát giang tân). Ráng chiều

Ân bao nhiêu. Nghĩa bấy nhiêu
Viên trắng (vành vạnh nguyên tiêu) trong ngần

Từ Chiêu Ân, đến Thuỷ Vân
Lỡ cơ tá túc. Lỡ đàng cậ nương

Cùng mâm. Cùng chiếu. Cùng giường
Tụng kinh. Ngâm kệ. Thỉnh chuông. Thưởng trà

Khúc [457]

CẢ NHÀ MỪNG TỬ
MUỐN ĐÓN KIỀU VỀ

*“Vương Ông dạy rước
cùng về một nơi”
(ND)*

Sao đành (dứt ruột) chia xa
Tưởng như nghìn kiếp phôi pha máu đào

Lời lời. (Bất tuyệt). Thao thao
Mừng vui. Tử hận. Mời chào. Rước đưa

Chiều nghiêng. Mây nặng. Trầm mưa
Giục người (lên kiệu tránh vừa) cơn giông

Vân Thủy Am giữa trời không
Bờ đê. Mặt nước. Mây hồng. Am tranh

Bước ra Kiều chợt tàn ngần
Thương mây. Tiếc gió. Tử sông. Luyến Thầy

Khúc [458]

CỎ CÂY SÔNG NƯỚC
QUEN MÀU ÁO LAM

*“Đã tu, tu trót,
qua thì, thì thôi”
(ND)*

Muối nào mặn. Gừng nào cay
Áo sông. Dưa cải. Cơm chay. Am thiền

Trải lòng (hoà với) thiên nhiên
Trang kinh sóng vỗ. Giang biên mây quảng

Thiền hành (mép cỏ) bờ tranh
Mù giăng lối thấp. Sương hoành lũng sâu

Nghĩ người khuya sớm công phu
Nghĩ mình (duyên vụng đường tu) từ ngày

Kiều Nương (quyết chí) theo thầy
Vui cùng (nội cỏ ngàn cây) giang hà

Khúc [459]

KIỀU NƯƠNG NẠI CỠ
KHÔNG NỠ XA THẦY

*“Lòng nào
nỡ dứt nghĩa người ra đi”
(ND)*

Ơn Thầy ai nỡ lìa xa
Am tranh ai chịu bước ra phố phường

Cỏ. Cây. Hoa. Lá. Sân. Vườn
Câu thơ nước gợn. Thiền đường mây đưa

Kinh chiều. Mỡ sớm. Chuông trưa

Canh rau (chay) tịnh. Muối dưa (chay) lòng

Tiền Đường (gột rửa) long đông
Sóng xưa phiền não. Nắng hong bụi trần

Ơn cứu tử. Nghĩa trùng sanh
Nỡ nào (phút chốc đoạn đành) dứt ngang

Khúc [460]

VƯƠNG ÔNG QUYẾT ĐỊNH
RƯỚC KIỀU RA ĐI

*“Giã sư, giã cảnh
đều cùng bước ra”
(ND)*

Ông bà, Kim Trọng, Vân, Quan
Thiết tha mời gọi. Ân cần đón đưa

Bao năm (xa cách) đã vừa
Gieo thêm ly biệt thêm thừa cách xa

Xên xang về lại quan nha
Kiệu vàng. Lọng bạc. Rèm hoa. Trướng đào

Ngọc đường. Kim mã. Quyền hào
Quà dâng nghĩa rộng. Lời trao tình dày

Bến sông. Mặt nước. Cỏ cây
Mỗi xa. Mỗi bước. Mỗi đau. Mỗi mừng

Khúc [461]

TIỆC HOA ĐOÀN TỤ
HUYỆN ĐƯỜNG XÔN XAO

*“Đoàn viên vội mở
tiệc hoa vui vầy”
(ND)*

Mây che (trăng hẹn) nguyên vừng
Nhớ vành (nguyệt thệ lưng chừng) dở dang

Một thương. Trăm buộc. Nghìn ràng
Nửa vui. Nửa thẹn. Nửa ân. Nửa tình

Một lời (hẹn ước) ba sinh
(Bỗng dung rã tuyết. Thành linh tan mây)

Đèn giăng. Hoa kết. Rượu bày
Đoàn viên. (Đủ mặt sum vầy). Khai xuân

Châu nha. Hội yến. Tiệc mừng
Lân xoay say trống. Sư lừng quyền tiêu

Khúc [462]

THUÝ VÂN GỢI Ý
CHẤP DUYÊN KIM, KIỀU

*“Còn vàng trắng bạc,
còn lời thề xưa”
(ND)*

Nửa chừng (men cúc) xiêu xiêu
Thuý Vân chợt nhớ từ chiều Thanh Minh

Bao đêm tơ tưởng hương tình
(Một chàng hai thiếp, trung trinh vợ hiền)

Mười lăm năm, chạnh nỗi niềm
Hai lòng chuốc huệ. Đôi tim trau quỳnh

Nhất như. Thiết thạch. Chính chuyên
Vay tình mài mực. Nài duyên ghép vắn

Này thơ. Này rượu. Này đàn
Tơ duyên (tình) chị. Tơ mảnh (phận) em

Khúc [463]

ĐỒNG TÌNH TÁC HỢP
THÊM ÔNG BÀ VƯƠNG

*“Song thân thì cũng
quyết theo một bài”
(ND)*

Đốt hương. Khơi nén. Chưng đèn
Vì ân. Vì nghĩa. Vì duyên. Vì tình

Vì chung thủy. Vì trung trinh
Nghiep thân phải giữ. Trọng khinh phải gìn

Ba lòng cùng một niềm tin
Ba dòng (chung mạch nối liền) ban sơ

Ly tao. Tan hợp. Thiên cơ
Sớm mong (nắng) sớm. Chiều mơ (nắng) chiều

Duyên em (tình chị) phong nhiêu
Hoa khai, bướm tự. Bếp khêu, than hồng

Khúc [464]

THUYẾT KIỀU TỪ CHỐI
TÁI HỢP TỜ TÌNH

*“Sự muôn năm cũ,
kể chi bây giờ”
(ND)*

Còn đâu (hương đượm) men nồng
Thẹn thùng (lưu lạc, long đong) nửa đời

Thuyền tình tách bến xa khơi
Thì thôi. Thôi thế. Đành thôi. Thôi thà

Một lần (bùn lấm) chân hoa
Cầm bằng (hạnh phúc như là) chiêm bao

Nửa đời (bướm lượn) ong chao
Gian truân nửa kiếp. Chênh chao một đời

Hoa rơi rụng. Nhụy tả tơi
Còn gì (cung hiến, dâng mời) tình lang

Khúc [465]

KIM TRỌNG LÊN TIẾNG
BẢO VỆ TÌNH YÊU

*“Tử sinh,
cũng giữ lấy lời tử sinh”
(ND)*

Đành rằng (duyên phận) dở dang
Đành rằng thương tiếc miên man ngất trời

Ai thề thốt, nên nhớ lời
Ai nhìn trăng thệ mà vui nỗi niềm

Vì người (bầy nổi) ba chìm
Nên ta khắng khít kiếm tìm bao năm

Khi nguyệt tận. Lúc trăng rằm
Khi sông. Khi núi. Khi đầm. Khi khơi

Truy khắp chốn. Lùng mọi nơi
Nhớ thương bao nỗi. Chơi vui bấy ngày

Khúc [466]

NỬA ĐỜI LUÂN LẠC
TÂM THỨC THUÝ KIỀU

*“Xét mình
dãi gió dầm sương đã nhiều”
(ND)*

Trăm muôn (đắng). Vạn nghìn (cay)
Chữ duyên. Chữ mệnh. Chữ tài. Chữ nhân

Chữ ân. Chữ ái. Chữ thân

Chữ trung. Chữ Nghĩa. Chữ quân. Chữ thần

Những đêm (tàn rượu) bàng hoàng
Nhân sinh. (Ba vạn sáu ngàn). Sắc không

Bâng khuâng nền lả đèn chong
Hoa tâm nhụy vữa. Phấn lòng hương rơi

Ngoài song (trăng tỏ) bời bời
Nhìn vành nguyệt thệ. Thẹn lời non sông

Khúc [467]

KIM, KIỀU TRỌNG NGHĨA
LẤY HIẾU LÀM TRINH

*“Như nàng
lấy hiếu làm trinh”
(ND)*

Lệ phôi (vắt nặn) nổi lòng
Trăm năm. (Thề. Thốt. Đếm. Đông). Đợi ngày

Ân chừng ấy. Tình chừng này
Trà (vôi) cúc xé. Rượu (đầy) lan mai

Bâng khuâng (tâm đắc) tình dài
Sương rơi thềm bắc. Trăng cài song tây

Chén quỳnh (vôi, cạn) lệ đầy
Trầm khơi. Nền thấp. Hương ngây. Rượu tràn

Chén giao bôi. Rượu hợp hoan
Môi bờ mã não. Răng hàng ngọc trai

Khúc [468]

CHỮ TRINH, CHỮ HIẾU
ĐÔI BÊN NGÀN VÀNG

“Chữ trinh kia,

cũng có ba bảy đường”
(ND)

Hiếu có một. Trinh không hai
Thuỷ chung. (Chuyên nhất. Chưa phai). Thệ nguyên

Tuyết băng. Thiết thạch. Tinh tuyền
Đất trời. (Từ buổi khởi nguyên). Cơ mầu

Khổ từ đâu. Lụy từ đâu
Nhớ thương vàng vố. Sầu đau ngút ngàn

Thuở đá nát. Buổi ngọc tan
Chữ trinh. (Chữ hiếu ngàn vàng). Thiên kim

Chấp kinh. (Biến hoá). Tòng quyền
Thị phi. Bĩ thử. Tang điền. Biển dâu

Khúc [469]

NÀI NGƯỜI TRI KỶ
NỐI KHÚC ĐÀN XƯA

*“Trời còn
để có hôm nay”*
(ND)

Lấy tình sâu. Trả nghĩa sâu
Mượn mầm phong nhụy nối cầu tri giao

Tình nao nao. Tứ nao nao
Nhánh sông (mùa lũ chảy trào) phù sa

Khúc nghề. Nhung gấm. Lựa là
Trầm (lan) ngây ngất. Sương (nhoà) lằng lằng

Nài hoa (ép liễu) ngại ngần
Hoa xưa ong cũ muôn phần tri âm

Mượn tình thâm. Đáp nghĩa thâm
Tơ duyên (nguyên chấp khúc cầm) dở dang

Khúc [470]

CHỮ TRINH CÒN MỘT
CHÚT NÀY XIN CAM

*“Bụi nào,
cho được được mình ấy vay”
(ND)*

Hương bảng lảng. Khói quện vẩn
Trắng khuya khoắc (lả). Nén ngần ngật (reo)

Thẹn thùng (phong lạp) hắt heo
Kiếp sau xin hẹn tình gieo duyên hài

Kiếp này (nhụy vữa) hương phai
Luân hồi (xin hẹn đầu thai) một lần

Cù lao (chín chữ) cao thâm
Bao công dưỡng dục. Bấy tầng nghĩa ân

So đi (đếm lại) vạn lần
Chữ trinh. (Muôn thuở sáng ngần). Chưa vơi

Khúc [471]

TRƯỚC NHIỀU ÁP LỰC
KIỀU ĐÀNH BUÔNG XUÔI

*“Hết lời
khôn lẽ chối lời”
(ND)*

Thôi đành. Thôi thế. Đành thôi
Cũng đành. (Sáu miệng nói xuôi). Cam đành

Cũng nên (lấy nghĩa) làm lành
Mượn vòng đào chú dương danh vợ chồng

Bọt bèo (đầu sóng) cuối sông
Ngọn ngành (thác đổ giữa dòng) thê thê

Thôi đành (lấy mộng) làm mê
Thôi đành (giữ mảnh trăng thề) vẹn xinh

Thôi đành (lấy hiếu) làm trinh
Mượn duyên văn nghệ chấp tình phụng dâng

Khúc [472]

ĐÔI DUYÊN CẦM SẮC
RA DUYÊN CẦM KỲ

*“Đem tình cầm sắc
đổi ra cầm cờ”
(ND)*

Muôn đời tài tử giai nhân
Gái hiền (tìm mối trai lành) trao duyên

Trai anh hùng. Gái thuyền duyên
Gặp nhau khăng khít như tiền kiếp xưa

Thiên duyên (trắng sáng) đương mùa
Không chẵn gối, cũng trao đưa, môi mảy

Say vì sắc. Lụy vì tài
Nợ nhau (vì họa, vì tai) nối liền

Nên thề. Nên thốt. Nên nguyên
Nên nhân. Nên nghĩa. Nên duyên. Nên phần

Khúc [473]

KIM TRỌNG ĐỒNG THUẬN
Ý KIẾN THUYẾT KIỀU

*“Lọ là chẵn gối
mới ra vợ chồng”
(ND)*

Đã nguyên (hai chữ) đồng tâm

Trăm năm (loan phụng sắc cầm) xin vâng

Giữ cho (trong ngọc) trắng ngần
Cho mùi hương lộng. Cho vàng trắng soi

Để che giấu nỗi bi hoài
(Bên trong ruột héo. Bên ngoài sắc tươi)

Đôi khi trời cũng chịu người
[Mười lăm. (Từ thuở nguyệt tươi). Xuân kỳ]

Mời nhau (tửu thệ) tràn ly
Đền nhau (bao khúc biệt thi) nổi vắn

Giữ cho ngọc toả khí thần
Cho trắng rằm tỏ mười lần hơn xưa

Khúc [474]

SẮC CẦM HOÀ HIỆP
LOAN PHỤNG HOÀ MINH

*“Tình duyên ấy,
hợp tan này”
(ND)*

Cũng còn (ngại gió) e mưa
Tuyết đông (Trừ tịch, Giao Thừa) gọi sương

Đã bén hương. Đã nồng hương
Đào tơ. Sen ngó. Tình trường. Đợm duyên

Mười lăm năm, giấc cô miên
Bướm ong dầu dãi suốt miền xiêm nghê

Rời ra (Hợp Phố) châu về
Vẹn (nguyên) loan phụng. Vẹn (thề) thương sâm

Rời ra sắc hiệp giao cầm
Rời ra (khói nén hương trầm) quyền đôi

Khúc [475]

KIM, KIỀU GIAO BÁI
BÀN THỜ GIA TIÊN

*“Hoa soi ngọn đuốc,
hồng chen bức là”
(ND)*

Lễ đủ lễ. Đôi vện đôi
Quỳnh tương cạn chén. Giao bôi ắp tình

Non thề. (Nguyệt hẹn). Trung trinh
Hương ngây ngất toả. Nén lung linh vờn

Trầm phảng phất. Khói chập chờn
Anh linh tiên tổ. Anh hồn tiên nhân

Cùng nhau (quỳ lạy) khẩn thắm
Thốt thề. (Khắc cốt. Ghi tâm). Một đời

Kiều nghiêng (váy xoải) tóc lơ
Môi thơm (chén cúc), (thơm hơi) men nồng

Khúc [476]

ĐỘNG PHÒNG HOA CHÚC
HẠNH NGỘ TRĂM NĂM

*“Mười lăm năm,
mới bây giờ là đây”
(ND)*

Vai trầm quyện. Ngực hương bông
Trắng chên mái điện. Sương lòng sân hoa

Tóc huyền (mướt chảy) kiều sa
Mắt môi sấm dậy. Thịt da sóng gào

Buổi sen ngó. Thuở yêu đào
Đôi tay lan búp nâng trao văn thề

Từng dòng (mực nhều) vân nghệ
Tiền khê nguyệt tỏ. Hậu khê nguyệt tàn

Cong vành (trắng dọi) hiên lan
Phòng khuê nến tắt. Giường loan chăn nhàu

Khúc [477]

BAO NĂM NGUYỄN VỆ
GƯƠNG VỠ LẠI LÀNH

*“Thêm nến giá,
nổi hương bình”
(ND)*

Ong chờ mật. Tằm đợi dâu
Ngại ngần. (Hoa vữa. Hương nhàu). Tình chung

Từ khởi thủy. Đến vô cùng
Tuyết giăng (thêm) đẹp. Tơ chùng (thêm) xinh

Bao nhiêu năm. Bấy nhiêu tình
Mười lăm năm lẻ, tám trình nuốt nà

Duyên xưa (giờ lại) mặn mà
Gương mờ lại sáng. Trăng tà lại trong

Trăm năm (không thẹn) má hồng
Nghìn năm (còn sáng tám gương) chung tình

Khúc [478]

HOA XƯA ONG CŨ
MẤY PHEN CHUNG TÌNH

*“Cùng nhau
lại chuốc chén quỳnh giao hoan”
(ND)*

Võng ru (giác xé) hậu đình
Tóc ngây ngất gió. Mắt tình tứ mưa

Bướm về đậu nhánh hoa xưa
Phấn vờn. Ngực hở. Hương đùa. Váy bung

Trước sau (vui cuộc) trùng phùng
Bèo mây (trôi giạt về chung) một dòng

Vườn xưa (đợi bướm) chờ ong
Bến xưa lặng gió ngóng mong buồm về

Trăng xưa (chénh choáng) môi thề
Trăm mê (khói) dậy. Hương mê (khói) lừng

Khúc [479]

TRĂM NĂM BIỂN HẸN
NGHÌN CÂU NON THỀ

*“Ba sinh
đã phỉ hương nguyên”
(ND)*

Tình, hội ngộ. Duyên, trùng phùng
Đèn, (chong) suốt sáng. Men, (lừng) thâu đêm

Mai. Lan. Cúc. Trúc. Huệ. Sen
Gối chần loan, phụng. Đệm mềm hạc, công

Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông
Tình đầu. Tình cuối. Tình chung. Tình đời

Đêm trà (rót). Ngày rượu (mời)
Nào câu mong nhớ. Nào lời thủy chung

Còn đây (trời đất) vô cùng
Ngại gì. (Gió bắt mưa cầm). Bổng dưng

Khúc [480]

KHÚC ĐÀN SUM HỌP
TRÚC MAI MỘT NHÀ

*“Khúc đầu
đằm ắm dương hoà”
(ND)*

Gió im. Mưa tạnh. Bão dừng
Khúc đàn (phối ngẫu năm cung) nhuận hoà

Trong tợ ngọc. Ấm tựa ngà
Mây vương lầu nguyệt. Sương lòa gác trắng

Bốn dây (buổi ấy) còn hần
Năm cung thuở trước còn vắng vắng tình

Từng âm (thiết thạch) trung trinh
Từng cung (vì hiếu, vì tình) ngổn ngang

Bàn tay (mười ngón) búp lan
Toả hương. (Ngan ngát. Man man). Trầm thiền

Khúc [481]

BÀI THƠ ĐOÀN TỤ
MƯỜI KHÚC PHƯƠNG VIÊN

*“Ức tích kiến quân tử,
bất phụ tư hữu sinh”
(Thanh Tâm Tài Nhân)*

Vung tay thảo khúc thơ hiền
(Thuỷ chung. Trinh liệt. Phương viên. Chí thành)

Cuốn dây. (Chuyển nghiệp). Xuất thần
Minh minh thánh đức. Ngần ngần phụ thê

Kiều xoay (suối rợp) tóc thề
Hôn hôn (sương) khói. Mê mê (sương) mù

Vì cha (thân hãm) kiếp tù
Vì chàng (chôn kín thâm u) đáy phiền

Vì tình. Vì hiếu. Vì duyên

Đôi đường nguyên vẹn. Đôi miền tròn vuông

Khúc [482]

KIM, KIỀU HẠNH PHÚC
TRỌN VẸN ĐOÀN VIÊN

*“Hoa xưa, ong cũ,
mấy phen chung tình”
(ND)*

Một trời: Tuyết, nguyệt, phong, vân
Một vườn: Huệ, cúc, quỳnh, lan, mai, đào

Một nhà (Trang, Mặc) tiêu tao
Tơ này (một) mối. Duyên nào (hai) dây

Trong êm. (Ngoài ảm). Vuông đầy
Đường (tình) phước hạnh. Đường (mây) rõ ràng

Môi hồng. Má thắm. Tóc xanh
Một nhà (tuyết bạch, băng ngàn) vẽ vang

Xiêm y (là lượt) xuê xang
Ngựa. Xe. Võng. Lọng. Họ. Hàng. Hương. Lân

Khúc [483]

KIM, VÂN, THUYẾT KIỀU
UỐNG RƯỢU LUẬN ĐÀM

*“Tàng tàng
chén cúc dờ say”
(ND)*

Dây huyền tơ. Gỗ hương ngàn
Lượng cao nhả khí. Thâm tàng diệu khoa

Nhật. Khoan. Nhu. Thuận. Giai. Hoà
Tiếng đàn (rã liễu rời hoa) dặt dìu

Âm ba (lãng đãng) ru chiều
Trắng lên. Hoa nở. Gió hiu. Hương ngàn

Tiếng đàn (trị loạn) yên dân
Trau thân. Luyện chí. Dưỡng thần. Tu tâm

Minh, (minh) đức. Ái, (ái) nhân
Ngoài yên bốn cõi. Trong an dân tình

Khúc [484]

KIM, VÂN, THUÝ KIỀU
LUẬN PHÉP TRỊ DÂN

*“Anh hùng
mới biết anh hùng”
(ND)*

Tan châu (bày tiệc) sau dinh
Thuý Vân trang trọng hâm bình rượu hoa

Kiều rằng: Quan Huyện như cha
Thương dân. (Nhấp chén quan hà). Vì dân

Chăn dân (phụ mẫu) đức ngàn
Noi gương (thánh đức, huân thần) lập công

Trên vì nước. Dưới vì dân
Yêu dân. (Đáng mặt lương thần). Tội trung

Dân như nước. Nước nâng thuyền
Dân là nước. Nước chìm thuyền cũng nên

Khúc [485]

MỘT NHÀ SAU TRƯỚC
PHÚC, LỘC, AN, KHANG

*“Nghìn năm dằng dặc,
quan giai lần lần”
(ND)*

Thấp. Cao. Sau. Trước. Dưới. Trên
Quan. Giai. Phúc. Lộc. Thọ. Bền. Lưu. Phương

Tử tôn (nguyên vẹn) cát tường
Tổ đình (cửa) lớn. Miếu đường (mái) cao

Ơn trời đất. Lộc thánh trào
Nhàn du ngày ngắn. Phong tao năm dài

Quan giai. Trước lộc. Tiền tài
Phước, (trong) gia đạo. Ân, (ngoài) thứ dân

Khoan. Dung. Đức. Hạnh. Ái. Nhân
Nguyên nhung. Vương tá. Huân thần. Công khanh

Khúc [486]

THUÝ KIỀU KỂ CHUYỆN
MƯỜI LĂM NĂM LƯU LẠC

*“Bắt phong trần,
phải phong trần”
(ND)*

Hậu viên (tiệc rượu) quây quần
Một nhà đủ mặt Vân, Quan, Ông, Bà

Thuý Kiều rót chén cúc hoa
Rượu hồng hồ phách. Chén ngà vân tê

Xa xăm. Vời vợi. Thê thê
Kiều nghiêng (tóc suối tràn trề) liễu trai

Trước sau. (Kể lể). Đông dài
Tháng năm (luân, lạc, chùng, phai) gió nhàu

Một đời. (Nước cuộn). Sóng chao
Lênh đênh (bảy) nổi. Lao đao (ba) chìm

Khúc [487]

BA LẦN MỘNG TRIỆU
GẶP LƯU ĐẠM TIỀN

*“Đào nguyên lạc lối
sao mà đến đây”
(ND)*

Gặp nhau (từ buổi) thanh minh
Nợ (duyên) tiền định. Nợ (tình) thiên nhai

Hanh hao (bóng nguyệt) non đoài
Nửa (trong) mê tỉnh. Nửa (ngoài) chiêm bao

Mười bài (mệnh bạc) phó trao
Ngón tiên mực động lệ trào mắt hoa

Lầu Ngưng Bích, máu chan hoà
Đoạn trường (vỗ nợ, tráo bài) chưa yên

Mừng nhau (tròn đủ) túc duyên
Tiền Đường. (Mãn án thuyền quyên). Cuối đời

Khúc [488]

BA LẦN ĐAU XÓT
CHIA TAY NGƯỜI TÌNH

*“Chưa vui sum họp,
đã sầu chia ly”
(ND)*

Sinh. Ly. Tử. Biệt. Đồi. Dời
Rêu. Rong. Sóng. Nước. Giạt. Trôi. Mịt. Mừng

Mây tan (tuyết rụng) khôn cùng
Hợp tan. Lưu lạc. Tơ chùng. Khói vương

Buổi Kim về đất Liêu Dương
(Thọ tang thúc phụ dậm đường mù khơi)

Thúc Kỳ Tâm, ngựa tếch vời

Chia tay. (Chén cạn, chén vơi). Hẹn ngày

Từ đi. Vung kiếm. Dựng mào
Quyết đem (chí cả phơi bày) tâm can

Khúc [489]

HAI LẦN TRÔI GIẠT
KIỀU VÀO LẦU XANH

*“Xôn xao oanh yến
dập dìu trúc mai”
(ND)*

Gặp thần mào trắng ngõ ngang
Tú Bà mấy mụ. Khách làng mấy tên

Nực mùi (son phấn) hoa yên
Lầu Xanh (Ngưng Bích, Lâm Truy) khóc cười

Mua còn tươi. Bán còn tươi
Món hàng (mua một bán mười) lãi to

Châu Thai (từ buổi) hẹn hò
Biết đâu (dòng đục). Đợi chờ (bến trong)

Biết đâu (phúc họa) mà mong
Bờ mê. Bến giác. Lò hồng. Bếp than

Khúc [490]

HAI LẦN BỎ TRỐN
(MỘT BẠI, MỘT THÀNH)

*“Một liều,
ba bảy cũng liều”
(ND)*

Đôi tay trót đã nhúng chàm
Một lần (đen bạc, lỡ làng) từ khi

Tháng ngày gieo bước ra đi
Xuân phong lưu lạc. Xuân kỳ dở dang

Lầu xanh (Ngưng Bích) bề bàng
Khói nung. Lửa dậy. Hàm than. Hồ người

Vẫy vùng (thoát phận) trên người
Sở Khanh bàn kế trốn đời phần hương

Nanh hùm (nọc rắn) Hoạn Nương
Nửa đêm khánh mõ vượt tường Quan Âm

Khúc [491]

NÚT DA XẺ THỊT
BỐN LẦN ĐÒN ROİ

*“Uốn lưng thịt đỏ,
dập đầu máu sa”
(ND)*

Cành vàng. (Lá ngọc). Trâm anh
Máu rơi. Thịt đỏ. Da bầm. Gân bong

Tú Bà tung ngón vỡ lòng
Tam bành. Lục tặc. Trợn tròn. Bậm môi

Thêm bày (lang sói) tở tôi
Hoa vui. Liễu dập. Bèo trôi. Huệ quẩn

Lâm Truy (quan phủ) mặt đen
Một lần phách lạc. Một phen rụng rời

Đòn thù (mụ Hoạn) mưa roi
Tan tành đào lý. Tơi bời mẫu đơn

Khúc [492]

HAI LẦN CON Ở
(ÁO XANH THỊ TỶ)

*“Buồng the
dạy ép vào phiên thị tì”
(ND)*

Đắng cay. (Trăm mối). Tủi hờn
Xót xa nghìn nỗi thân đơn sa lầy

Quê nhà (hun hút) dậm mây
Song thân (vò võ thánng ngày) mù sương

Hai em (nhỏ dại) chưa tường
Bắc Kinh đằng đẵng. Liêu Dương mịt mù

Mong hội ngộ. Ngóng tao phùng
Hiu hiu ngày nhớ. Trùng trùng đêm thương

Từ Hoạn Bà, đến Hoạn Nương
Hoa nô (đứt ruột, đoạn trường) máu sa

Khúc [493]

BA LẦN MAY MẮN
GẶP VÃI GIÁC DUYÊN

*“Câu kinh, tiếng kệ
chạy lòng”
(ND)*

Sa cơ. (Lỡ vận). Lạc loài
Lầu thiên không cửa. Bửu toà không then

Trụ trì (sư trưởng) Giác Duyên
Dang tay (đón khách thuyền quyền) lỡ đường

Hai bên (ý hiệp) tâm đồng
Sớm (xuân) kinh thánh. Chiều (đông) thơ thần

Buổi chầu (báo oán) thi ân
Giác Duyên (sư tửng ngồi bên) trướng rồng

Vân Thủy Am, bến Tiền Đường
Kệ. Kinh. Dưa. Cháo. Mỡ. Chuông. Khánh. Tràng

Khúc [494]

TẬN CÙNG OAN NGHIỆT
BA LẦN ĐI TU

*“Tu là cõi phúc,
tình là dây oan”
(ND)*

Gác kinh (viện sách) ngại ngần
Tình chàng (ý thiếp tuy gần) hoá xa

Quan Âm các, giữa vườn hoa
Câu kinh tiếng mõ chan hoà ánh trăng

Ngọc Hoàng lâu, Chiêu Ân am
Trạc Tuyền. Sư Trưởng. Thiên Không Bất Hà

Ngắm trăng. Uống rượu. Thưởng hoa
Câu thơ (tài) tứ. Khúc ca (tài) tình

Bờ Tiền Đường, vắng tiếng kinh
Thủy Vân (am lạnh gọi tình) sắc không

Khúc [495]

SẦY CHÂN NHẮM MẮT
BẦY LẦN LẤY CHỒNG

*“Sống
làm vợ khắp người ta”
(ND)*

Thuở quốc phá. Buổi gia vong
Kiếm rung (trống nổi long đong) má hồng

Lênh đên (mặt nước) sóng cuồn
Thoắt ly. Thoắt tán. Thoắt tuôn. Thoắt trào

Bao lần gá nghĩa má đào

Giám sinh (khai suất), (duyên vào) Kỳ Tâm

Sở Khanh, Bạc Hạnh gian ngầm
Thổ quan (Vĩnh Thuận), hải tặc Đại Vương

Chàng Kim (giữ mối) cương thường
Thủy chung như nhất. Trăm đường vẹn trăm

Khúc [496]

KHÚC BẠC-MỆNH-OÁN
NĂM LẦN ĐÁNH ĐÀN

*“Rằng hay
thì thật là hay”
(ND)*

Khúc thơ (khuê oán) nghiệt cầm
Tiếng đàn (bạc mệnh oán oán) hại đời

Năm cung (sóng vỗ) trùng khơi
Thác tuôn. Suối chảy. Mưa rơi. Bão bùng

Hiên Lãm Thuý. Người tình chung
Tiếng đàn (sương nổi mây chùng) phân ly

Nhà họ Thúc, dinh Hoạn Thư
Tiệc đoàn viên, trước thực hư chưa tường

Đêm khao quân giữa sa trường
Buổi tao phùng nơi huyện đường chàng Kim

Khúc [497]

HAI LẦN TỰ TỬ
(VỖ NỢ PHONG TRẦN)

*“Một dao oan nghiệt
rút dây phong trần”
(ND)*

Tưởng rằng (nấn ná) chấp kinh
Cùng đường (dụng kế tử sinh) tòng quyền

Con dao (giấu sẵn) đầu giường
Lầu Xanh Ngưng Bích máu vương lệ hồng

Tiền Đường (sóng vỗ) giữa dòng
Thiên kim khinh trọng. Sắc không đổi dời

Đành rằng (sống chết) mệnh trời
Đành rằng (chín suối thành thơ) an nhàn

Đành rằng chữ hiếu chưa toàn
Đành rằng (thân phận lỡ làng) nghiệt mê

Đành rằng sống gởi thác về
Trốn đời. (Quịt món nợ mê). Không thành

Khúc [498]

KIỀU LẬP AM NHỎ
MỜI THẦY GIÁC DUYÊN

*“Nhớ Người
lập một am mây”
(ND)*

Ơn cứu tử. Nghĩa trùng sanh
[Sâu thâm (tợ) biển. Cao xanh (ví) trời]

Nghìn muôn (chưa dễ) đắp bồi
Lập am. Đúc tượng. Rước mời. Tu chung

Bờ sông (bến nước) trùng trùng
Thảo am Vân Thủy lau trùm lối đi

Chân trời chiều rắng lưu ly
Tím tê (chân) núi. Xanh rì (chân) mây

Thầy vừa (xoải cánh) cao bay
Chim ngàn (hạc nội tháng ngày) bỗng lai

Khúc [499]

THUÝ KIỀU MƠ ƯỚC
THĂM LẠI VƯỜN XƯA

*“Hồn quê
theo ngọn mây Tần xa xa”
(ND)*

Tình chưa nhạt. Nghĩa không phai
Quê hương (vạn dặm nỗi dài) ước mơ

Lầu văn. Gác nguyệt. Hiên thơ
Vườn xưa (biên biệt dấu mờ) sương thu

Hài rêu. Lối cỏ. Dặm mù
Mịt mùng đất trích. Thâm u lối về

Từng trắng (úa rụng) thê thê
Từng mùa (xơ xác đường quê) hẻm lầy

Tre râm. Trúc rạc. Phượng gầy
Biết còn (về lại chốn này) cố hương

Khúc [500]

NỐI THIÊN TÌNH SỬ
ĐOẠN TRƯỜNG HƯ THANH

*“Những điều trông thấy
mà đau đớn lòng”
(ND)*

Nghìn câu (ngọc tự) một chương
Một thiên (tình sử trầm hương) nhũn lòng

Một trang (tình hận) long đong
Tám trính nguyệt tỏ. Tấc lòng trắng soi

Tám gương (tài sắc) diêu vời

Niềm riêng huyền hoặc. Nỗi đời huyền vi

Thiên hà. (Vũ trụ). Diệu kỳ
[Hoá công (Thiên Chủ). Hoá nhi (Thiên Hoàng)]

Tân Thanh. (Hoà quyền). Cựu Thanh
Vô Thanh một thuở. Hư Thanh nghìn đời

DÒNG THƠ CHUNG CUỘC GỞI NGƯỜI NGHÌN XƯA

[1]

CHỮ TÀI LIỀN VỚI CHỮ TAI MỘT VẦN

Chữ danh, chữ sắc tuy hai
Chữ tai (chữ ách), chữ tài khó phân

Chữ hoan, chữ hoạn một vần
Hồng nhan, tài tử, danh nhân đồng thuyền

Lẽ trời. (Cao thẩm). Diệu huyền
Cơ may. (Vận rủi. Vô biên). Khôn lường

Muôn đời (phước họa) trùng môn
Phước sinh cửa đất. Họa chôn cổng trời

Đức một chốn. Họa muôn nơi
Càng tài tình lắm, càng mời oái oăm

[2]

CHỮ TÂM TRỊ GIÁ BẰNG BA CHỮ TÀI

Kể từ thiên địa cách ngăn
Bèo trôi đầu bến. Mây giăng cuối ghềnh

Nhân sinh (tự cổ) tự thành

Tâm từ ví một. Tài lành sánh ba

Tâm trong (suối chảy) chan hoà
Đức gom (biển lớn bao la) trùng trùng

(Như non. Như núi. Như rừng
Như sông. Như rạch. Như bưng. Như đầm)

Ba chữ tài. Một chữ tâm
Hữu tâm muôn sắc. Hư tâm muôn màu

[3]

BAO NGHÌN NĂM TRƯỚC THƯƠNG HẢI, TANG ĐIỀN

Ba trăm năm trước. Người đầu
Một đêm. (Biển muối. Ruộng dâu). Bao lần

Thương tang. (Thế sự). Xoay vần
Cổ thành. Phế tích. Trắng ngần. Mưa khuya

Đổi. Dời. Biến. Dịch. Giạt. Đưa
Hưng. Vong. Suy. Thịnh. Trụy. Thừa. Đoạ. Sa

Tân Thanh (một khúc) tài hoa
Ba trăm năm cũ giao hoà Cựu Thanh

Gạn thành tuyệt phẩm Vô Thanh
Đoạn trường nghìn khúc Hư Thanh kết từ

Tiếng Hư Thanh, vọng thanh hư
Trang Kinh (vô tự khởi từ) uyên lung

[4]

NÚI NON HỒNG LĨNH MỘT MIỀN ĐỊA LINH

Mượn điền dã, giữ cô trung
Hoang sơn dã lĩnh cội nguồn tâm can

Tiên Điền. Hồng Lĩnh. Nghi Xuân
Núi sông linh tú. Huân thần anh khoa

Nổi dòng hào kiệt ông cha
Quyết tâm dựng lại sơn hà hưng vong

Dòng ngọc bội. Phường kim môn
Sân Trình. Cửa Khổng. Vương công. Tội thần

Tài hoa. Trác lạc. Danh ngạn
Đem thơ (trải khúc Tân Thanh) truyền thừa

[5]

MỘT NÉN HƯƠNG MUỘN GỞI NGƯỜI NGHÌN XƯA

Nén tâm hương gửi người xưa
Nghìn thu một thoáng cũng vừa chiêm bao

Trong chiêm bao, ngõ chiêm bao
Tưởng người về mộng lao xao gió vờn

Tâm tư suối mạch chảy dần
Trầm hương (khói toả chập chờn) bay đi

Vần thơ (khép mở) huyền vi
Tân toan. Cay đắng. Hợp ly. Phân lìa

Tên người (đá tảng) khắc bia
Nghìn thu (ngọc sáng từng khuya) trang đời

TÂM TƯ THAO THỨC GỞI NGƯỜI NGHÌN SAU

[6]

MUỘN ĐỜI NƯỚC CHẢY NGHÌN THU TRẮNG RẼM

Nước xuôi (bèo giạt) dậm khơi
Mây dùn cửa núi. Hoa rơi động thiên

Thân bùn nổi. Phận đá chìm
Một thương. Mười nhớ. Trăm tìm. Nghìn mơ

Nhện giăng. Bụi đóng. Rêu mờ
Rèm buông hạc múa. Cổng hồ công xoay

Khói hun (bạc thếp) giang hà
Vành trăng (nửa trộn, nửa pha) dáng sầu

Người về đâu. Trăng về đâu
Nghìn thu (sông nước lạnh cau) mặt làn

[7]

NGHÌN NĂM MÂY TRẮNG THẾ SỰ DU DU

Nghìn năm (đá núi) tro gan
Du du thế sự tình man mác đời

Nhớ, keo sơn. Tiếc, rạc rời
Hoa thơm động khẩu. Hương phôi cõi trần

Man nhiên (mây trắng) bản thân
Tuyết giăng lưng thấp. Sương vắn núi cao

Phù danh. Phù ảnh. Phù bào
Từng cơn địa chấn phún trào nhựa xuân

Nghìn năm (đá sỏi) chưa từng
Sau cơn hậu chấn quặn bùng nổi riêng

[8]

BA TRĂM NĂM CŨ KHÓC CUỘC BỀ DẦU

Khóc Người (khói quện) trầm thiêng

Ba trăm năm cũ buồn nghiêng bến chờ

Trăm năm sau, có ai ngờ
Khóc Người (lệ ngọc ướt thơ) đầm đìa

Ba trăm năm, cuộc phân lìa
(Kim thoa Vườn Thuý. Mộ bia Tiền Đường)

Dòng thơ (buổi trước) vẫn vương
[Tao nhân. (Mặc khách. Tình trường). Chung đau]

Chan hoà (lệ ngọc) xưa sau
Thương tang. (Khóc cuộc bể dâu). Muộn màng

[9]

THỐN TÂM THIÊN CỔ GỖI NGƯỜI NGHÌN SAU

Ai nghìn sau, có nghe chẳng
Thốn tâm thiên cổ đời dằng dặc đưa

Người nghìn sau, đã thấu chưa
Nỗi niềm nghìn trước đong đưa vống sầu

Thương vì đâu. Lụy vì đâu
Vàng trắng. (Xẻ đắng. Chia sầu). Mãi đau

Một nghìn sau. Vạn kiếp sau
Muôn sau, nghìn trước nhiệm mầu tri âm

Ai tri ngộ chút thốn tâm
Hồng nhan tri kỷ môi ngàn dung nhan

[10]

BÓNG CON TIÊN HẠC CHẬP CHỜN TRỜI KHUYA

Rồi mai hạc téch cánh thần
Sương giăng đầu núi. Tuyết ngàn sườn non

Thương gầy rạc. Nhớ héo hon
Trăng soi cửa động. Gió lồng đầu khe

Mưa tiền khô. Ướt hậu khô
Bóng con tiên hạc đi về chiêm bao

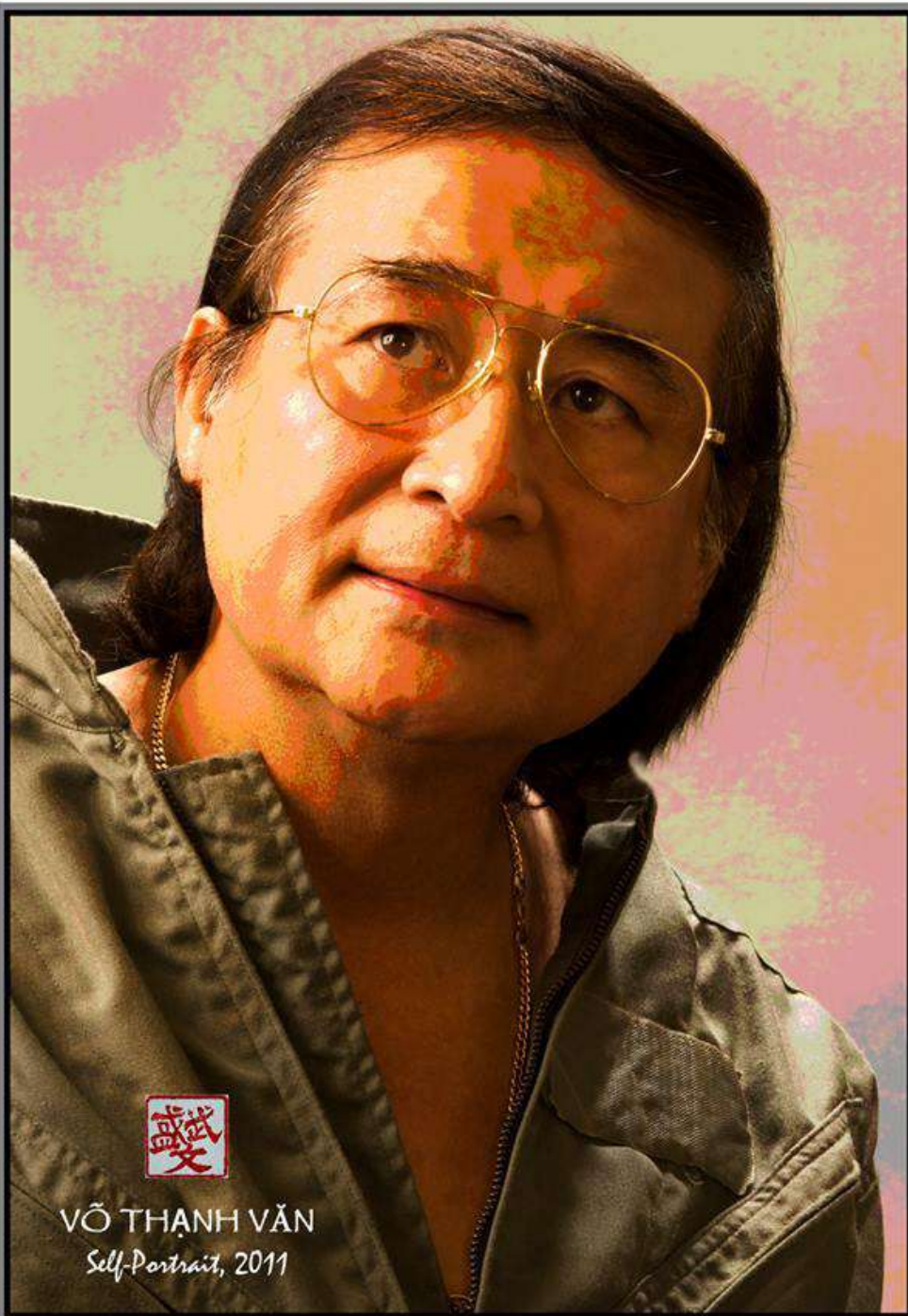
Một đời (mộng ước) hanh hao
Viên Sơn. Cẩm Thủy. Rừng đào. Suối hoa

Chiều nghiêng (ráng tía) Giang Hà
Chập chờn cánh hạc bay qua mộng trường

phù hư dật sĩ
VÕ THẠNH VĂN

phù hư am,
tháng 12 năm 2000

CHÂN DUNG & TIỂU SỬ
Tác Giả
Phù Hư Dật Sĩ
VÕ THẠNH VĂN



VÕ THANH VĂN
Self-Portrait, 2011